N° 79 Janvier 1924

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

HỌC-PHONG VÀ SĨ-KHÍ

Ngày nay ta thường nghe thiên-hạ khen nhau : « Nhà nọ có anh làm thông-phán, em làm tham-biện ; nhà kia có con trai đỗ *đốc-tờ*, con gái làm cô-đỡ, v. v.» Trong xã-hội ta bây giờ, ngoài những nhà có người đi làm quan, thời những nhà như trên đó là danh-giá, sang-trọng nhất, vì toàn là những người «làm nên» cả, mỗi tháng thu-nhập vào trong nhà cũng được giảm bảy chục một trăm bạc lương của Nhà-nước ; thế là vững-vàng, thế là chắc-chắn, thế là sĩ-diện, thế là vẻ-vang, nội trần đời không còn gì hơn nữa. Kén vợ cho con trai, kén chồng cho con gái, chọn bạn mà giao-du, được vào những nơi đó, thời thật là mười phần xứng-đáng, chẳng chút ngại-ngần.

Xưa kia thời các cụ ta khen nhau lại thường hay nói : « Nhà ấy cũng là nhà học-trò », trong cái tiếng *học-trò* ấy có cái nghĩa thanh-bạch, nền-nếp, dẫu không giàu-sang mà được trong-sạch, sự trong-sạch này còn quí hơn sự giàu-sang kia. Dựng vợ gả chồng cho con, chọn được nhà học-trò, thế là yên lòng, dù biết rằng nghèo khó, cũng thỏa được đáng nơi, không sợ phải vào những chỗ sam-sưa sâm-tạp.

Xem đó thời biết cái thời-thượng về nhân-phẩm ngày xưa với ngày nay có khác nhau, ngày nay trọng hư-danh, trọng kim-tiền, ngày xưa trọng giáo-dục, trọng nhân-cách.

Là bởi mỗi đời có một cái *học-phong*, một cái *sĩ-khí* riêng. Cái phong-trào trong học-giới, cái chí-khí của học-trò, không phải là không quan-hệ đến vận-mệnh quốc-gia, tiền-đồ xã-hội. Một nước thịnh hay suy về dưỡng tinh-thần là bởi cái khí-khái của kẻ học-hành cao hay thấp, bởi lòng hoài-bão của bọn tri-thức rộng hay hẹp, bởi cái xu-hướng của xã-hội trọng về nhân-tài hay trọng về hư-dự, trọng về sự-nghiệp hay trọng về kim-tiền vậy.

Ngày nay đã thành một câu cửa miệng hễ nói đến sự học ngày xưa thời chê là hủ-lậu. Nhưng phải biết rằng hủ-lậu là ở cái học-chế sai-lầm mà thôi, chứ học-phong đời xưa không phải là không thịnh, sĩ-khí đời xưa không phải là không cao. Thử hỏi khắp trên mặt đất có nước nào có người năm-mươi tuổi còn đi học, sáu-mươi tuổi còn đi thi như ở nước ta hồi xưa không? Vẫn biết rằng lối học cử-nghiệp chẳng ra gì, nhưng mà cái lòng nhiệt-thành về sự học, cúc-cung tận-tụy về nghiệp học như thế, há chẳng phải là đáng trọng, đáng phục lắm dư ? Lại thử hỏi có nước nào mà cái tên « học-trò » quí bằng ở nước ta, coi như một cái huy-hiệu thanh-cao tốt-đẹp như ở nước ta không ? Các cụ ta ngày xưa đã đem mình theo về nghiệp học thời như là giốc lòng tin một cái đạo, già đời cũng không bỏ, bạc đầu cũng không sai ; mà học như thế để làm gì ? để trước là sửa mình, sau là tề nhà, sau nữa là trị nước. May mà làm nên ra thời công-hầu đấy, khanh-tướng đấy, đem cái tài-học của

mình mà phò vua, giúp nước, bình thiên-hạ ; chẳng may mà không làm nên thời thiết-trướng dạy học-trò, làm thầy đồ gõ đầu trẻ, cũng đem được cái học bình-sinh vun trồng cho bọn hậu-tiến, duy-trì được xã-hội cùng gia-đình. Nhưng dù làm nên, dù chẳng làm nên, cũng đã sửa mình được ngay-thẳng, gây được cái nhân-cách thanh-cao, không sợ bao giờ phạm tội với danh-giáo, làm phi mất cái tiếng « học-trò ». Ấy cái chí-khí của kẻ *sĩ* ở nước ta ngày xưa như thế, ai bảo rằng không chính-đại mà quang-minh?

Đã có cái học-phong tốt như thế, cái sĩ-khí hay như thế, vì lại có được một cái học-chế thích-đáng nữa, thời nước ta đến nỗi nào! Chẳng may trong mấy mươi đời, bao nhiêu những người tài-tuấn trong nước đều bạc đầu về cái học tầm-chương trích-cú, cái học kinh-nghĩa văn-sách, đem hết cả tài-trí mà nghiền-ngẫu những cái bã-rác của cổ-nhân, đến không còn sức đâu mà phát-minh được những lẽ mới sự lạ nữa, khiến cho dân-trí như bị ngưng-trệ lại, không tiến-hóa lên được. Nước ta sở-dĩ thua kém về đường văn-minh tiến-bộ cũng bởi cái cách học sai-lầm như thế. Nhưng thua sút mà không đến nỗi bại-hoại, còn giữ được cái phong-thể một nước có kỷ-cương, có trật-tự, có quốc-túy, có tinh-thần, thực là nhờ ở cái học-phong tốt, cái sĩ-khí hay kia vậy.

Từ khi bị cuốn vào trong phong-trào mới, thời những cái tệ cũ đã quét sạch làu-làu, nhưng những cái hay xưa cũng biến đi mất cả. Nước ta trong khoảng ba bốn mươi năm nay đã bày ra một cái tân-cục-diện. Nghĩ rằng học-chế đã cải-lương theo phép văn-minh thời học-phong tất phải hưng-thịnh và sĩ-khí tất phải phấn-phát hơn xưa mới phải. Ai ngờ cái kết-quả lại trái lại, là bởi cớ làm sao?

Kẻ sĩ đời xưa, tuy bị bó-buộc trong vòng một cái học cũ-kỹ, mà còn biết lấy : sửa mình, tề nhà, trị bình thiên-hạ, làm gốc cho sự học.

Kẻ sĩ đời nay, đã được vẫy-vùng trong cõi học mới, mắt thấy tai nghe rộng hơn người trước, mà chỉ biết lấy : vinh-thân, phì-gia, huyễn-diệu công-chúng, làm cái mục-đích của sự học.

Cái chí-thú hai bên thật là cách xa nhau lắm lắm vậy.

Hay là đời bây giờ là đời chuộng công-lợi, những cái chủ-nghĩa tu, tề, trị, bình không cần như xưa nữa? Hay là đời bây giờ là đời vật-chất-chủ-nghĩa, những cái tư-tưởng về cương-thường đạo-lý không thiết-thực nữa? Không phải thế, vì người ta dẫu sống về đời nào cũng có bản-thân, có gia-đình, có xã-hội, không thể khiết-nhiên không để tâm đến ; dẫu sống về đời nào cũng có bấy nhiêu cái vấn-đề quan-hệ đến vận-mệnh mình, vận-mệnh nước nhà mình, không thể làm thinh không xét đến được. Duy khác nhau là chỉ ở cái lòng nhiệt-thành đối với những vấn-đề đó mà thôi, người đời xưa thời thiết-tha cần-trọng, người đời nay thời chềnh-mảng hững-hờ. Học-phong sở-dĩ suy, sĩ-khí sở-dĩ kém, chính là bởi cái lòng hững-hờ chềnh-mảng đó đối với cái nghĩa cả ở đời vậy.

Người ta học để làm gì? Cốt là để làm người, làm người cho được đầy-đủ, trọn-vẹn. Học làm người rồi nhiên-hậu mới học làm nghề để mưu kế sinh-tồn ở đời. Cho nên các đông-nho tây-nho đều chia sự học ra làm hai đường : một là « đạo-học », hai là « khoa học » (1). Đạo-học là cái học

(1) « 道學與科學。界線最當分明。道學者。受用之學也。自得而無待於外者也。通古今中外而無二者也。科學者。應用之學也。積辨論積累而始成者也。隨社會文明程度而進化者也。故科學尚新。道學則千

để làm người, khoa-học là cái học để mưu-sinh. Người đời xưa vụng về đường khoa-học mà sành về đường đạo-học, người đời nay sành về đường khoa-học mà vụng về đường đạo-học, cho nên người xưa chuộng nhân-cách, người nay chuộng công-lợi, người xưa chuộng đạo-đức, người nay chuộng kim-tiền vậy.

Nhưng hai cái học đều là cần cả, không thể dời nhau được. Bởi nước ta ngày xưa « khoa-học » kém, cho nên dân-trí không mở-mang, quốc-vận đến suy-sút. Kịp đến ngày nay « khoa-học » đã tiệm có mà « đạo-học » lại vắng hẳn, nên học-phong mới đến nỗi ủy-mĩ như thế, sĩ-khí mới đến nỗi suy-đồi như vậy.

Cái mục-đích của người đi học bây giờ là thế nào ? Là cố kiếm lấy một việc làm đủ nuôi thân, rồi bút nghiên xếp một chỗ. Mười mười lăm năm trước kia, biết loàng-xoàng giăm ba câu chữ tây cũng đủ kiếm ăn, thời không cần học đến quá bậc sơ-đẳng tiểu-học làm gì. Đến ngày nay thời-buổi eo-hẹp, mật ít ruồi nhiều, việc làm ở các sở công sở tư có hạn, mà người chực làm mỗi ngày một nhiều, phải có hơn người ít nhiều mới mong chiếm được chỗ tốt, nên bất-đắc-dĩ cũng phải học qua đến trung-đẳng cao-đẳng, gọi là thiệp-liệp cho đủ ăn đủ chơi với đời mà thôi, chứ chẳng phải nhiệt-thành gì với sự học cả. Thảng-hoặc cũng có một đôi người ham cái học-thuật tư-tưởng mới của Thái-Tây, gia-công nghiền-ngẫm, nhưng số đó ít quá, không đủ kể vào đâu. Còn hầu hết người đi học là chỉ có một cái mục-đích mưu-sinh mà thôi, mục-đích đó đạt tới rồi là mãn-nguyện, không còn nghĩ đến gì nữa.

Vẫn biết rằng làm người ai cũng phải lo sinh-kế cho thân mình, cho nhà mình đã, rồi mới tính đến sự-nghiệp khác được ; người ta không thể ngậm hơi mà bàn triết-lý được, và cái chí-khí suông không thể nuôi cho sống người được. Nhưng lấy việc mưu-sinh làm cái mục-đích có một của sự học, thời thật là tỏ ra cái chí-thú tầm-thường quá. Nếu phần nhiều người đi học chỉ có cái chí-thú như thế, thời nước còn mong gì ?

Song xét cho kỹ ra, cái tình-trạng

百年以上之陳言。當世哲人。無以過之。科學尚博。道學則一言半句可以畢生受用不盡。老子曰。爲學日益。爲道日損。學謂科學也。道謂道學也。»(梁啓超). (Đạo-học cùng với khoa-học, nên phân-biệt cho rõ-ràng. Đạo học là cái học để chịu dùng, là cái học tự nó có mà không phải đợi ở ngoài, là cái học thông cổ kim trung ngoại mà không có hai vậy. Khoa-học là cái học đem ra dùng, là cái học phải bàn - bạc tích-lũy mới thành được, là cái học tùy trình-độ văn-minh trong xã-hội mà tiến-hóa vậy. Cho nên khoa-học chuộng mới, đạo-học thời những lời nói cũ trăm nghìn năm về trước, bậc triết-nhân đời nay, chưa dễ đã hơn được. Khoa-học chuộng rộng, đạo-học thời một lời nói, một nửa câu, suốt một đời thụ-dụng không hết. Lão-tử nói : Học phải ngày một rộng thêm ra, đạo phải ngày một thu-ước lại. Học là khoa-học, đạo là đạo-học vậy. — Lương Khải-Siêu). — *Que chacun de nous reçoive tout ensemble l'éducation éternelle, celle qui convient à l'honnête homme, comme on disait jadis, à tous les temps et de tous les pays, et l'éducation qu'on peut appeler relative, celle que réclame toute génération destinée à vivre à une certaine date et dans un certain milieu.* » (Ernest Lavisse). (Mỗi người ta phải kiêm đủ hai cái học : một cái « học tuyệt-đối », cần để làm con người thuần-lương chính-trực, dầu về thời nào nước nào cũng vậy ; một cái « học đối-đích », cần cho một lớp người để sinh-hoạt về một thời-đại, trong một xã-hội riêng).

ấy bởi tại người ta một phần, mà cũng bởi tại thời-thế một phần nữa. Kẻ sĩ sinh ra buổi giao-thời, trừ phi là người có tài-năng lỗi-lạc, nghị-lực phi-thường, còn muốn lập-chí cho xứng-đáng, thật cũng khó thay. Vì dẫu người anh-hùng có khi thừa-cơ tạo ra thời-thế được, mà người bình-thường bao giờ cũng phải chịu ảnh-hưởng của thời-thế, lại thường bị thời-thế đào-tạo ra. Thời-thế còn phân-vân bác-tạp, thời nhân-cách lấy đâu được thuần-túy thanh-cao? Cái hoàn-cảnh ở nước ta bây giờ thật là không lợi cho những người có chí.

Nhưng mà cái hoàn-cảnh ấy không phải là vĩnh-viễn bất-dịch; cái hoàn-cảnh ấy hằng ngày biến-đổi luôn, mà sức người ta có thể chuyển-di được. Chỉ sợ người không có chí, nếu quả có chí vững-vàng, thời sự khó đến đâu mà không thắng được. Thử nhớ lại mươi năm về trước, cái hoàn-cảnh trong nước thật là không lợi cho văn quốc-ngữ một chút nào. Người học cũ vẫn còn ham về chữ hán, người học mới thời xô nhau học chữ tây, có ai là để tâm đến quốc-ngữ. Chỉ có một vài người có chí, tin rằng hậu-vận nước ta sau này hay dở là ở chữ quốc-ngữ, gia-công cổ-động trong bấy lâu, dần dần gây ra một cái phong-trào chuộng quốc-văn, phong-trào ấy ngày nay đã mạnh, tưởng không có sức gì ngăn-ngừa được nữa. Xem đó thời biết rằng thời-thế bây giờ tuy không lợi cho kẻ học-hành có chí, nhưng nếu quả có chí vững-vàng thời cũng có thể dần dần kiều-chính lại được. Cốt là kẻ sĩ trong nước phải tự-tỉnh tự-giác, nhận-chân cái trách-nhiệm của mình là phải gây ra trong học-giới nước nhà một cái học-phong mới, một cái sĩ-khí mới.

Thử xem tập «Thượng Kinh du-ký» của cụ Lãn-ông thời biết nước ta đời xưa tuy theo cái học từ-chương vô-ích mà các cụ nhiệt-thành sốt-sắng biết dường nào, tưởng-lệ quan-ma nhau biết dường nào! Chỗ này lập tao-đàn, chỗ kia dựng thi-xã, cùng nhau ngâm thơ vịnh phú, thuyết cổ đàm kim, để nuôi lấy cái chí-khí cao-thượng của nhau. Mà gặp được người nào có cao-phong nhã-độ, học rộng tài hay, thời yêu-mến biết dường nào, qui-trọng biết dường nào, tán-dương mà cảnh-mộ biết dường nào! Đọc tập du-ký đó mà tưởng-tượng đến cái học-phong ở nước ta về đời Lê-mạt kể cũng thịnh thay! Ấy là không nói đến các nước văn-minh bên Thái-Tây, người ta tận-tụy về sự học biết dường nào: nhỏ từ học-trò các trường trung-học đại-học, lớn đến các bậc tấn-thân học-sĩ, bác-học văn-hào, người nào cũng có một cái lửa nhiệt-thành ở trong lòng, muốn tới được những cõi học rất cao rất thâm, làm nên những sự-nghiệp thật to thật lớn. Ai phát-minh được một sự gì lạ, khởi-xướng ra một thuyết gì mới, thì náo-động cả trong nước như xảy ra một sự đại-biến quan-hệ đến vận-mệnh quốc-gia vậy.

Ngoảnh xét lại học-giới nước ta bây giờ thời vắng-vẻ lạnh-lẽo mà chán thay! Trường học có, học-trò có, mà cái khí-vị trong học-giới nhạt-nhẽo vô-cùng, thật là cái cảnh «nước lã ao bèo chi đềnh-đoàng.» Nhận cho kỹ được một đám cựu-học chán đời, một đám tân-học lấc-cấc, một đám không cựu không tân, không nho không tây, dở-dang lơ-lửng, bấy nhiêu đám rời-rạc nhau, cách-biệt nhau, không có chủ-nghĩa, không có tôn-chỉ, không có thống-hệ, không có kỷ-cương gì cả. Cõi học thật không có cái vẻ hoạt-động sầm-uất một chút nào. Sánh với các nước văn-minh kém đã đành, sánh với nước mình ngày xưa cũng không bằng nữa.

Bởi đâu mà nên cái cảnh tiêu-điều như thế? Bởi cái chí thấp hẹp của kẻ

đi học đã bỏ mất « đạo-học » căn-bản của cổ-nhân, lại cũng không biết giảng-cầu cái « khoa-học » mới của đời nay cho đến nơi đến chốn. Thành ra như tục-ngữ nói « xôi hỏng bỏng không », không biết vấn-vít vào đâu, không biết lấy cái gì làm trung-kiên cho cái tâm-trí phất-phơ của mình; cái tinh-thần cũ của nước nhà đã bỏ mất, mà cái tinh-túy mới của thế-giới cũng chưa thâu-thái được, sự học chỉ quanh-quẩn trong vòng sinh-nhai, không vượt được khỏi cái trình-độ duy-lợi thiển-cận. Người học cũng như người đi núi: trong khi còn lom-khom dưới chân núi, lặn-lội trong vũng khe, thời quanh mình chỉ thấy cây cao bóng tối, xim đá sậy lau, đã biết đâu là cái thú đăng-lâm; phải trèo lên một ngọn núi, bấy giờ mới biết cái thế-thế của núi non, cái cảnh đẹp của trời đất. Người học ở nước mình bây giờ còn là mới mon-men ở sườn núi cả. Tiền-nhân ngày xưa đã gia-công gắng sức tới được một ngọn kia, tuy chưa phải là cao-phong tuấn-lĩnh gì, nhưng đứng đấy cũng đủ thu-quát được một mảnh giang-sơn của cố-quốc. Nay ta chê núi nhà là thấp, ta muốn trèo núi khác cao hơn, mà trong khoảng mấy chục năm nay, vẫn còn lẹt-đẹt dưới chân núi. Không những lẹt-đẹt dưới chân mà tựa-hồ như trong lòng đã nguội lạnh cả rồi, không còn có cái chí đăng-cao viễn-diễu như cổ-nhân nữa; gặp được dám cỏ núi, bông hoa rừng, đã lấy làm thơm-tho mà mãn-nguyện rồi!

Sự biếng-nhát đó là hèn. Đã đi núi phải đi cho đến nơi, đã trèo cao phải trèo cho tới ngọn. Đã đem thân theo về nghiệp học, phải gửi chí ở chỗ cao-xa. Đã được cái hạnh-phúc hơn đồng-bào làm người thông cổ-kim, biết nghĩa-lý, phải để bụng đến quốc-gia, đến xã-hội, không thể chỉ khu-khu trong vòng ấm-no một thân mình được. Nói tóm lại là kẻ sĩ phải lập-chí cho cao; sĩ-khí có cao thời học-phong mới thịnh, học-phong có thịnh thời quốc-vận mới hưng vậy.

Kẻ sĩ ở nước ta phải lập-chí thế nào? Một ông nho Tàu gần đây đã nói rằng: «Kẻ hạ-sĩ tôi chỉ khu-khu lấy giữ-gìn cho nòi-giống, yêu-mến lấy nước nhà, bảo-tồn lấy đạo-học làm chí.»

Nếu có được cái chí thâm-thiết muốn bảo-chủng, ái-quốc, tồn-học như thế, lại có được cái khí mạnh-mẽ như lời tiền-hiền đã nói: « phú-quí không dâm được, bần-tiện không di được, uy-vũ không khuất được », và lại thêm được cái kiến-văn tri-thức một người sống ở cái thế-kỷ phiền-phức thứ hai-mươi này, thời thật là xứng-đáng làm một kẻ sĩ hoàn-toàn đời bây giờ.

Phàm người đã biết cầm quyển sách đọc, ai cũng phải có cái hình-ảnh ấy ở trước mắt và ráng sức cho tới nơi.

THƯỢNG-CHI

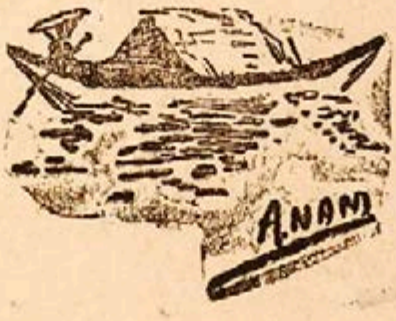

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ(1)

XIII

Thứ sáu, 2 tháng 6

Hôm qua là tình-cờ mà được gặp riêng quan Thượng-thư. Hôm nay cả anh em phái-viên Bắc-kỳ rủ nhau công-nhiên vào chào ngài, một là cái lễ phải thế, hai là cái tình đối với ngài là Toàn-quyền cũ bên mình. Cũng phải chờ, không được vào ngay, vì quan Thượng-thư còn dở tiếp khách, và trong buồng đợi cũng còn mấy người nữa đã đến trước mình. Đợi đến nửa giờ đồng-hồ thì có người thừa-phái ra mời vào quan Chánh-văn-phòng tiếp trước. Chuyện-trò một lát rồi quan Văn-phòng đưa vào quan Thượng-thư. Ngài tiếp ân-cần vồn-vã, hỏi chuyện từng người, rồi nói về cuộc Đấu-xảo của Đông-Pháp ta thật đã được thập-phần hoàn-bảo, ngài lấy làm bằng lòng lắm; sau hỏi đến anh em phái-viên sang chơi bên Đại-Pháp này như thế có lấy làm vui-vẻ thỏa-thích không; chắc ai cũng đồng-thanh trả lời rằng thực được vui-thích lắm, bấy lâu ước-ao được xem cái cảnh-tượng văn-minh của Qui-quốc, nay được mục-kích, thật đã thỏa lòng. Ngài khuyên nên đi du-lịch quan-sát cho nhiều, những nơi thắng-cảnh thắng-tích ở kinh-đô và các vùng phụ-cận nên dạo chơi cho khắp, và nếu lại có thể đi chơi được các tỉnh lớn khác nữa thì lại càng hay lắm. Ngài lại nói rằng hoặc có cần đến ngài giúp cho trong khi du-lịch các nơi được tiện-lợi thời ngài sẽ sẵn lòng. Anh em cũng cảm cái tấm lòng ân-cần của ngài, nhưng nghĩ bụng rằng ở đất văn-minh này có thú thật, nhưng đi mỗi bước là mất tiền, giá quan Thượng-thư giúp ngay cho mỗi người giảm bảy nghìn quan để thêm vào phí du-lịch thì hay biết dường nào! Song nghĩ lại một quan tiền tây bên này cũng trọng bằng đồng bạc bên ta, và quan Thượng-thư tuy vậy chứ sử-dụng đồng phát-lăng của Công-khố Đại-Pháp có lẽ không được ung-dung bằng quan Toàn-quyền sử-dụng đồng hoa - viên của Công-khố bên ta, nên biết rằng cái câu ước-nguyện anh « keo » đó, chắc hẳn không đắt nào...

— Lâu nay vẫn nghe tiếng xóm Bình-khang ở đây có lắm thú lạ-lùng, nhà nho định đi « khảo-sát » một hôm xem thế nào. Không có lẽ sang đến Ba-lê mà không biết cái phong-vị ấy. Cơm tối rồi anh em bèn rủ nhau đi « Mông-mạc ». Đi xe điện ngầm *Métro* đến *Place Pigalle*, đây chính là giữa xóm ăn-chơi đây. «Mông-mạc » là gồm cả cái khu ở trong khoảng mấy đường *Pigalle, Blanche, Clichy, Rochechouart, Clignancourt*, san-sát những tửu-lâu trà-quán, đèn điện sáng choang, thật là một nơi « bất - dạ - thành »; tuy không nghe thấy những tiếng *cắc! tôm! tôm! cắc!* như ở Hàng-giấy hay Tân-ấp Hà-nội ta, nhưng trong không-khí văng-vẳng những tiếng đàn tiếng hát, đủ biết là chỗ ăn-chơi. Trong bấy nhiêu nhà, chửa biết vào nhà nào. Khách tỉnh xa mới về Hà-nội muốn đi hát một chầu đến Hàng-giấy hay Tân-ấp chắc cũng bỡ-ngỡ như thế. Chợt trông thấy hình cái cối-xay đỏ sáng lòe ở đàng xa, mới nhớ ra quán « Cối-xay đỏ » là nơi có tiếng ở xóm này, có tiếng là chỗ chơi-bời phóng-túng mà lại có phong-vị hào-hoa, những

(1) Xem *N.-P.* số 58, 59, 60, 63, 65, 66, 68, 69, 70, 73, 75, 77.

tao-nhân mặc-khách cũng không nề đến đây ngâm thơ uống rượu. Nhưng nghe đâu quán này đã bị cháy từ năm 1916, có lẽ mới dựng lại. Anh em định vào đây. Đến nơi thấy những kẻ ra người vào tấp-nập. Vào cửa phải mất tiền. Trong rộng như cái chợ, đèn thắp rực-rỡ, bàn ghế la-liệt, dưới sàn toàn giải thảm đỏ cả, mà trong không-khí thời như đầy những sương mù, tức là khói thuốc-lá vậy. Chỗ này uống rượu, chỗ kia đàn ca; thôi, thiếu gì là những « ả mày ngài » cùng với « khách làng chơi ». Nghe đâu các « tiên » ở đây những lắm, nên anh em đã dặn nhau vào đến nơi cứ làm mặt « mán xá », nói toàn tiếng An-Nam, ấm-ẻ như không biết câu tiếng tây nào, họ muốn cho mình là Ngô Lào gì mặc ý. Vừa kéo ghế ngồi, bảo hầu-sáng dọn các thứ rượu ngọt nước ngọt và nước đá, thời « tiên » ở đâu kéo đến từng lũ, thoáng mắt một cái bác nào bác ấy có đôi cả. Chào mời đón hỏi tươi-cười, lũ « mán xá » cứ ngây-ngô nhìn nhau, họ cũng tức cười. Họ tưởng mình là người Tàu hay người Nhật, họ nói tiếng Anh, mình lại càng ngẩn nữa. Bấy giờ một người mới bập-bẹ làm thông-ngôn, nói nhiều câu chuyện tầm-phơ cũng lý-thú. Rượu chuyện đã vẫn, đêm cũng đã khuya, bác nào cao-hứng thời theo « tiên »... lên mây; còn rủ nhau ra về cả, tính ra ngồi nói chuyện « chay » như thế mà mỗi người cũng mất năm sáu chục quan về tiền nước chanh, nước cam, nước đá, ấy là không ai nghiện « sâm banh » cả, chứ nếu lại đụng cốc chúc-thọ nữa thì chửa biết đến mấy trăm quan.

Thôi, thế cũng là đủ, gọi là trải qua xem dạng cho biết cái mùi phồn-hoa chốn danh-đô một chút.

Xét ra xóm « Mông-mạc » này ngày xưa có tiếng lắm. Kẻ thi-nhân đến đây để trợ-hứng, nhà họa-giả đến đây để tìm kiếm. Bậc đạo-đức chắc không dám bước chân đến, nhưng khách phong-lưu thường không nề tới lui. Vì chỗ này cũng có một cái tinh-thần riêng, tiêu-biểu một cái trạng-thái đặc-biệt của chốn danh-đô. Thành *Paris* không phải là chỉ ở những hội Hàm-lâm, trường Đại-học, thành *Paris* ở cả những nơi hoa-liễu, xóm ăn chơi nữa. Người *Paris* dẫu khi chơi-bời lơi-lả cũng biết điểm thêm một cái vẻ phong-thú khác người: những thi-ca ngâm-vịnh ở xóm Mông-mạc này biết bao nhiêu mà kể, mà bài nào cũng có cái giọng « tự-nhiên » như thơ Xuân-hương vậy. Ai bảo thơ Xuân-hương không phải là biểu-hiệu một cái tinh-thần riêng của người An-Nam ta?... Nhưng nghe đâu tự mươi lăm năm nay, xóm Bình-khang đây đã giảm giá đi nhiều. Bây giờ cũng thành chỗ ăn chơi như các nơi ăn chơi khác, không có cái tính-cách đặc-biệt gì nữa, nghĩa là thô-bỉ không đủ nói vậy.

Trong sách *Les Curiosités de Paris* của HENRI BOUTET, đoạn nói về Mông-mạc có câu rằng: « Mông-mạc bây giờ là *Paris* của khách ngoại-quốc. Nếu tra tính-danh quốc-tịch của những người đến chơi chốn này, sẽ thấy phần nhiều người là người ngoại-quốc, người các tỉnh, chứ không phải người *Paris*... Chính người *Paris* có bước chân đến đây cũng phải rầu lòng mà tránh cho xa cái phong-vị *Paris* hủ-lạn này... (*Le vrai Parisien s'évade mélancoliquement de ce parisianisme faisandé.* » — Có lẽ bởi khách tạp các nước và khách tứ-chiếng đến đây quần-tập huyên-náo quá, người *Paris* không đến nữa, nên chốn này mới mất cái phong-vị cũ đi như thế.

Còn nhớ trước có đọc một bài kịch của PIERRE FRONDAIE đề là *Montmartre* diễn ở *Paris* năm 1910. Bài này là chuyện một chàng thiếu-niên tài-tử, có tính hào-hiệp, phải lòng một ả Mông-mạc âu-yếm rất mực. Ả cũng thực tình với chàng và xem ra cũng là con người có thiên-lương, chứ không phải

cái căn-tính xấu. Sau chàng làm nên, ra tay tế-độ vớt người trầm-luân, muốn lấy nàng làm vợ. Không ngờ nàng tuy bụng-dạ khá thật, nhưng cái thói cũ trăng-hoa không thể nào gột rửa cho hết. Ở với nhau ít lâu, rồi gia-đình tan-nát, sau phải quyết-liệt, nàng lại về xóm cũ như xưa. Tác-giả kết-luận rằng gái giang-hồ không bao giờ làm vợ chính-chuyên được, và cái hoa giữa đường dẫu có cúi xuống nhặt lên bao giờ cũng không khỏi lấm bụi. Lời kết-luận ấy nói cho bên Tây, chứ tưởng nói về bên ta cũng đúng vậy.

Thứ bảy, mồng 3.

Buổi sớm đi dạo xem các hàng sách, mua được một mớ sách tốt lắm.

Những hàng sách có tiếng như *Hachette*, *Delagrave*, *Armand Colin*, v. v., ở bên mình tưởng-tượng cho là những cửa hàng lớn, sách gì cũng có, khách đi lại đông như chợ. Sang đây mới biết phân-biệt hiệu bán sách (*librairies*) với hãng xuất-bản (*maisons d'éditions*) : *Armand Colin*, *Hachette*, là những hãng xuất-bản, chỉ bán buôn những sách của nhà mình xuất-bản mà thôi, cho nên nhiều khi không bày cửa hàng, đi ngoài phố không có ý nhận thì không biết. Như ngày nào cũng đi qua đường *Saint Michel* đến mấy lượt mà không trông thấy hàng *Armand Colin* ở đâu ; sau tra số nhà tìm đến tận nơi thì thấy bên ngoài cũng giống như các nhà khác, vào tận trong nhà mới biết là hàng sách. Những hãng này chỉ bán buôn cho các cửa hàng thôi, không bán lẻ cho khách. Muốn mua lẻ thì phải vào các hiệu bán sách. Những hiệu bán sách ở đây không phố nào là không có, mỗi ngày xem qua ngoài cửa hàng cũng thấy năm sáu chục quyển mới xuất-bản, không kể các nhật-báo và tạp-chí. Mình có tính mê sách, trông thấy sách gì hay cũng muốn mua. Tháng trước ở *Marseille* đã mua để đầy một hòm, phải gửi lại nhà trọ, không đem theo lên đây được, nay lại mua mãi để la-liệt cả trong buồng thế này thì không biết lúc về làm thế nào đây ? . . .

— Chiều xem chớp bóng ở *Salle Marivaux*, đường *Italiens*. Đường này là một đường phố lớn, nhiều người đi lại, mà nhà chớp bóng này cũng là nơi lịch-sự, nên khách đến xem coi ra những bậc sang-trọng cả.

Chủ nhật, mồng 4.

Hôm nay đi *Versailles*.

Versailles cách *Paris* chừng 20 cây-lô-mét, muốn đi bằng xe lửa hay xe điện cũng được. Lượt đi định đi xe điện, lượt về đi xe lửa. Mãi 11 giờ mới đi, đến nơi vừa trưa, ăn cơm trưa ở đấy. Ngày chủ-nhật này thiên-hạ đi xem đông lắm, và chỉ có một buổi chiều không tài nào xem hết được. Vậy hôm nay hãng gọi là thiệp-liệp một lượt, rồi lần sau sẽ đi từ sáng sớm mà xem cho kỹ từng nơi từng sở một.

Versailles tuy là một tỉnh-lị cũng khá lớn (6 vạn người), nhưng thiên-hạ đến xem là chỉ xem cung vua Louis thứ 14 và vườn Ngự-uyển, là hai nơi thắng-tích đệ-nhất của nước Pháp. Chính-thể quân-chủ trong thiên-hạ, đến đời vua Louis thứ 14 là cực-thịnh, cổ kim Đông Tây không có đâu, không bao giờ bằng ; nay đã thành lịch-sử rồi, còn di-tích lại đó, là nơi hoàng-cung và chốn ngự-uyển này, kể cái công kinh-doanh kiến-trúc của người ta đến như thế là cực-kỳ trang nghiêm tráng-lệ vậy.

Xét ra cung *Versailles* là tự vua Louis thứ 14 dựng ra, kiểu-mẫu là do hai nhà kiến-trúc Le Vau và Mansart. Vườn ngự-uyển thì do Le Nôtre vẽ kiểu, công-trình đào đắp phải dùng đến 3 vạn 6 nghìn người và 6 nghìn con ngựa, kinh-phí xây cung và làm vườn tới một ngàn triệu *livres* (tiền

phật-lăng ngày xưa). Hiện nay Nhà-nước Pháp cũng phải tiêu mỗi năm tới 62 vạn quan làm tiền phí bảo-tồn và tu-bổ hoàng-cung và ngự-uyển. Vua Louis thứ 14 thiên Triều-đình và Chính-phủ ở *Paris* ra *Versailles* năm 1682. Bấy giờ *Versailles* thành nơi trung-tâm chính-trị của nước Pháp. Nhà vua được toàn-thịnh và bắt đầu suy dần cũng từ đấy. Năm 1789, phong-trào Cách-mệnh nhóm lên, ngày mồng 5 tháng 5, Tam-đẳng-quốc-dân họp đại-hội-đồng ở thành *Versailles*; ngày 20 tháng 6, những đại-biểu của thứ-dân họp ở trường đánh quần (*Jeu de Paume*, ngày nay làm bảo-tàng-viện về đời Cách-mệnh), thề rằng đặt hiến-pháp được cho nước rồi mới giải-tán. Ngày mồng 5 tháng 10, công-chúng kéo nhau vào trong cung, bắt vua Louis thứ 16, hoàng-hậu và các hoàng-tử công-chúa đem về *Paris*. Cung *Versailles* bỏ tự bấy giờ và chính-thể quân-chủ cũng suy tự bấy giờ.

Hồi thịnh-thời, nghĩa là hồi vua Louis thứ 14 mới về ở, sách chép rằng cung sửa-sang rộng có thể dung được hơn một vạn người. Mặt ngoảnh ra vườn dài tới 580 thước và trổ tới 400 cái cửa và cửa sổ. Đến hồi nhà vua suy, Dân-quốc lập, thời cung suýt bị đem bán, sau bỏ hư-hỏng mãi đến đời vua Louis Philippe. Từ năm 1833 đến năm 1837 vua mới tu-bổ lại, đặt làm viện bảo-tàng. Hồi trận Pháp-Phổ, vua Guillaume thứ 1 nước Phổ đóng bản-doanh ở đấy từ ngày 5 tháng 10 năm 1870 đến ngày 6 tháng 3 năm 1871, và làm lễ xưng hoàng-đế nước Đức cũng ở đấy. Hồi Dân-quân khởi-loạn sau khi thua Đức (*la Commune*), Lâm-thời-Chính-phủ đóng ở đấy từ ngày 20 tháng 3 đến ngày 28 tháng 5 năm 1871, quốc-hội họp hội-đồng và bàn-bạc ở trong « phòng hát bội » (*salle de l'Opéra*). Ngày 25 tháng 2 năm 1875, tuyên-bố Dân-quốc, mãi đến ngày 18 tháng 6 năm 1879 hai nghị-viện mới quyết-nghị thiên về *Paris*. Ngày nay cứ mỗi bảy năm bầu quan Giám-quốc, hai nghị-viện họp thành quốc-hội ở *Versailles* để bầu. Tháng 5 năm 1919, sau cuộc thế-giới-đại-chiến, đại-biểu của các nước Đồng-minh cùng với đại-biểu nước Đức họp ở *Versailles* để nghị-hòa. Hòa-ước ký ở « Lầu trăm gương » (*Galerie des Glaces*) ngày 26 tháng 6.

Ấy lịch-sử cung *Versailles* như thế. Trước khi vào xem phải mua một quyển chỉ-nam về *Versailles*, trong kể tường-tất cả. Xem như thế thì cung *Versailles* này trong khoảng ngót ba trăm năm thật đã có mật-thiết-quan-hệ với quốc-sử nước Pháp vậy. Xem một nơi cổ-tích cũng phải biết qua lịch-sử một chút thời mới có bổ-ích. Không biết nhà làm sách nào đã nói rằng những chốn cung-điện lăng-tẩm của đế-vương cùng những nơi đã xảy ra các việc lớn trong lịch-sử, đời đời có một cái khí-vị riêng, như còn phảng-phất cái tàn-hồn của các thời-đại đã qua vậy, khiến cho khách du-quan không thể cầm lòng điếu-cổ. Tôi còn nhớ năm trước xem các tôn-lăng ở Huế đã cảm-giác như thế, ngày nay đi thơ-thẩn dưới bóng cây trong vườn ngự-uyển này cũng thấy như vậy.

Xem *Versailles* này phải đến hai ngày, suốt từ sáng đến chiều, mới gọi là hơi kỹ được. Hôm nay chỉ có mấy giờ đồng-hồ, xem sao cho khắp? Vậy chỉ dạo chơi vườn ở chung-quanh cung để xem các tượng phun nước (chỉ ngày chủ-nhật mới mở máy), không dám đi xa ra ngoài lắm, sợ về không kịp. Xong rồi đi lần-lượt xem các cung các sở qua-loa cho biết đại-thể, không chỗ nào dám đứng lâu. Trước xem cung *Versailles*, trong có hai cái lầu: một cái gọi là « lầu trăm gương » (*Galerie des glaces*), trông ra vườn ngự-uyển, dài 72 thước, rộng 10 thước rưỡi, cao 19 thước, hai bên toàn những gương đứng cao bằng một đầu một với, nạm

bằng đồng sáng choang cả, còn tường và trần thì toàn những tay danh-họa đời xưa vẽ những bức chiến-đồ (phần nhiều là của nhà hội-họa LEBRUN), đứng trên lầu này mà nhìn ra ngoài vườn, thu-quát được cả cái đại-thế, thật không cảnh gì trang-nghiêm bằng ; một cái gọi là « lầu trăm trận » (*Galerie des batailles*), cái này là sửa lại sau (năm 1836), chứ không phải có từ đời vua LOUIS thứ 14, kiểu-cách và trang-sức không được đẹp bằng cái trên, nhưng dài và rộng lắm (120 thước và 13 thước), hai bên treo toàn những bức họa về các trận của nước Pháp từ xưa đến nay, và bày tượng các bậc danh-tướng, kể có mấy trăm bức và mấy trăm pho. Lại xem những phòng ngủ của vua LOUIS thứ 14, phòng hội-đồng, v.v. ở trong cung chính. Còn những cung nhỏ như *Grand Trianon*, *Petit Trianon*, thì chỉ xem bên ngoài, không kịp vào. Sau cùng xem đến « kho xe » (*musée des voitures*) là một sở bảo-tàng những xe-cộ của các đời vua.

Mãi 6 giờ chiều đóng cửa mới ra về. Đi xe lửa về *Paris*, trong xe chật những khách đi xem ngày chủ-nhật. Bức nãy ở trong vườn rộng, không biết số người xem đông đến thế.

— Cơm tối rồi đi xem hát ở rạp hát *Théâtre des Capucines*, đường *Capucines*. Tối hôm nay diễn bài hài-kịch : *Ce qu'on dit aux femmes* (nói chuyện gì với các bà) của TRISTAN BERNARD, chuyện hoạt-kê, buồn cười lắm. Lối kịch của TRISTAN BERNARD là lối có cái « *Paris* phong-vị » hơn cả (*très parisien*). Thế nào là cái « *Paris* phong-vị » ? Cũng khó mà giải rõ cho được. « *Paris* phong-vị » là cái phong-vị hào-hoa, thanh-lịch, phong-nhã, tài-tình, có cái tự-vị hoạt-kê, có cái tinh-thần trào-phúng, nhẹ-nhàng hoạt-bát, phóng-túng tự-do, tựa-hồ như sỗ-sàng mà rất lịch-sự, tựa-hồ như dâm-đãng mà vẫn kiu-đáo ; nói tóm lại là một cái phong-vị đặc-biệt, duy ở *Paris* mới có, mà không phải ở khắp cả *Paris*, chỉ ở một cái xã-hội riêng của *Paris* mà thôi. Xã-hội này là xã-hội những bọn « tài-tử » về văn-chương mĩ-thuật, những tay ăn-chơi lịch-sự, những bậc phu-nhân phú-quí mà có cái tính hiếu-kỳ. Cái đặc-tính của xã-hội ấy là cái trí dĩnh-ngộ : các tài-tử giai-nhân này là những người đã văn-minh lọc-lõi lắm rồi, sành-sỏi sự đời lắm rồi, không còn có kém cái cạnh cái khóe gì nữa, lấy trò đời làm một cuộc mua vui, nhưng chuyện đời lâu rồi cũng không có cái thú gì mới lạ nữa, nên phải bày đặt ra những chuyện oái-oăm rắc-rối để làm cái món khiêu-hứng tiêu-sầu. Cho nên phần nhiều những tiểu-thuyết kịch-bản gọi là có cái « phong-vị *Paris* » ấy, toàn là những chuyện như thế cả. Người không quen, không tinh, hay là có tính thật-thà, thời đọc những sách ấy, xem những kịch ấy, không khỏi có hại. Người biết ra thời cũng có một cái phong-thú đặc-biệt vậy.

Bài kịch như bài này mà nói ra tiếng ta, dịch cho người mình nghe, thì ít ai hiểu được. Cái tinh-thần nó ở từng tiếng, từng chữ, từng câu lộng-ngữ, từng cách đối-đáp, từng chỗ nói ngầm nói bóng, nói xa nói xôi, thật là « ý tại ngôn ngoại », nói một nửa để cho người ta đoán ra một nửa, nếu cố cắt nghĩa cho ra thì thật không có nghĩa gì. Văn-chương này mà muốn dịch ra tiếng ta thì đành chịu thôi. Vả ta cũng chưa cần đến cái lối văn « yêu-quái » ấy vội. Nếu trình-độ chưa tới mà đã vội thâu-thái những cái món thượng-phẩm văn-minh đó thì có hại chứ không có lợi. Người nào biết thưởng-thức hẳng cứ nên thưởng-thức một mình, không nên mong truyền-bá ra làm gì. Có muốn truyền-bá, còn lắm cái cần hơn nhiều.

Thứ hai, mồng 5.

Ở *Paris* có một cái cảnh lạ, là cảnh các hàng bán sách cũ ở bờ sông *Seine*. Trong ANATOLE FRANCE đã có tả cái cảnh ấy một cách rất lý-thú, vì cụ thân-sinh ra tiên-sinh khi xưa có làm nghề bán sách ấy. Nói hàng sách chớ tưởng là những cửa hàng lồng mặt kính, thắp đèn điện dâu. Số là trên bờ sông *Seine* có xây dẫy tường thâm-thấp như dẫy bao-lơn. Về bên tả-ngạn sông, suốt một dọc chạy dài từ cầu *Saint-Michel* cho đến Cộng-hòa-trường (*la Concorde*), những người buôn sách cũ bày la-liệt những sách cùng tranh vào trong những cái tủ đêm-dẹp như hình cái hòm hay cái tráp đóng liền ở trên bao-lơn, sáng mở ra, tối lại khóa lại. Sách bán đây toàn là sách cổ hoặc sách cũ cả, khác nào như ở Ngõ hàng Quạt Hà-nội ta mấy năm xưa. Người mua là những học-trò, những ông lão-nho, ông đồ cổ, những người ham-mê các đồ-thư cổ-bản. Ở đời tàu-bay ô-tô này mà trông thấy giữa nơi đô-thành phồn-hoa náo-nhiệt những ông cụ già giương nhỡn-kính lên đứng hàng giờ dở những chồng sách cũ-kỹ rách nát, lấy làm khoái-lạc đến quên cả ngày giờ không muốn dứt ra đi nữa, đó là một cái cảnh rất nên thơ cho con nhà hiếu-cổ. Chắc lấy con mắt vô-tình của người nông-nổi mà xem thời những chồng sách rách nát ấy không phải là một cái vẻ mĩ-lệ gì cho chốn danh-đô và không khỏi làm bề-bộn phố-phường. Nên nghe dâu hội-đồng thành-phố *Paris* có hồi đã bàn nên cấm không cho hàng sách bày ở bờ sông nữa, bắt phải dem ra ngoại ô. Nhưng bấy giờ những nhà hiếu-cổ, muốn bảo-tồn lấy một cái cảnh tượng của *Paris* cổ-thời, hết sức phản-đối, nên lời bàn ấy thôi không thi hành nữa. Ngày nay khách du-quan đến *Paris*, muốn nghỉ cái cảnh huyên-náo những nơi đường phố đông người, đi dạo qua dẫy bờ sông này mà xem mớ sách cũ, cũng có một cái thú đặc-biệt vậy. (1)

Cả buổi sáng sớm hôm nay mình thơ-thẩn ở chỗ này, đi hết dẫy sách ấy sang dẫy sách khác, đồng-hồ đã điểm

---

(1) Xét trong sách *Les Curiosités de Paris* của HENRI BOUTET có đoạn nói về các hàng sách cũ ở bờ sông *Seine*, xin trích-lục ra sau này để các nhà thông pháp-văn xem cho biết cái cảm-tình của người Pháp đối với một cái cảnh cũ thành *Paris* thế nào:

« Les boîtes des bouquinistes sont la parure des quais de Paris. Il fut cependant un olibrius qui parla d'enlever les paisibles caisses qui forment aux parapets une cuirasse de livres dont le fouillis et les couleurs sont d'un attrait sans pareil.

« C'est là le refuge de l'homme qui pense en paix, qui s'éloigne de toutes les inepties, qui fuit les mensonges et les maquillages d'un progrès qui n'est que la marque d'une décadence, et qui se confine religieusement dans les hautaines régions de la pensée.

« A celui-là, à cet être considéré comme un inutile, à côté des marchands de pneus et des confectionneurs de machines homicides, il avait été question d'enlever ses chères boîtes et de l'envoyer à la Porte-Maillot, au milieu de cet enfer de l'auto, se pourvoir de ce qui ne peut satisfaire les appétits d'abrutis notoires.

« Enfin ! il n'en a rien été, pour le moment du moins. Vienne quelque ingénieur malfaisant et les quais de Paris n'existeront plus.

« Oh ! la chère promenade aux soirs d'automne, quand on file du quai Saint-Michel vers la Concorde avec, devant soi, le soleil qui, avant de se coucher, dore les toits des Tuileries ; quand, sous vos pieds, les feuilles qui tombent sèment leurs taches de cuivre sur le trottoir bleui des reflets d'un ciel sans nuages.

« Oh ! l'arrêt devant les chères boîtes où l'œil fouille, où la main devine le livre longtemps convoité que, quelquefois, l'on trouve ! Oh ! ce flot de pensée qui coule en paix, suivant le cours de l'eau, guidant, vers des horizons que la génération actuelle ne connaît plus guère les paisibles rêveries de ceux qui cherchent le progrès dans les œuvres du passé ! » (*Les Curiosités de Paris*, page 126).

mười hai giờ mới sực nhớ đi ăn cơm. Mua được mấy quyển hay, có một quyển đề là *La Guerre du Tonkin* (Trận Bắc-kỳ), đã rách nát mất cả bìa, không biết của ai làm, sách thuật tường về việc nước Pháp can-thiệp sang Bắc-kỳ ta, đánh với quân nhà vua ta và quân Cờ-đen, trong có hình vẽ nhiều lắm, như hình Đức Dực-tôn (vua Tự-đức), hình quan Phụ-chính Nguyễn Hữu-Độ, v. v., xem ra thì có lẽ là sách của một viên quan võ Pháp nào đã tòng-quân về trận Bắc-kỳ.

— Tối đi xem nhà hát *Folies-Bergère*, đường *Richer*. Nhà này là thuộc về hạng *music-halls* (nhạc-quán), có tiếng lắm, người ngoại-quốc đến xem rất đông. Có ca-nhạc, nhảy múa, trò vè, và bày cảnh rất là trang-hoàng. Trong nhà chia ra từng khu một, mỗi khu một trò, vào cửa mất tiền, rồi xem trò gì lại mất tiền riêng về trò ấy. Người xem trò cũng đông mà người vào chơi để kiếm chuyện trăng-hoa lại nhiều hơn, vì ở đây cũng không khác gì như ở Mông-mạc vậy. Cũng những ả mày ngài, cũng những khách làng chơi, và cũng một cái không-khí khói thuốc-phiện như vậy. Trò thời ngoài những cuộc đờn ca, là những trò khỏa-thân-khiêu-vũ, các hoạt-kịch chia ra từng cảnh, v. v.. Tối hôm nay diễn bản hoạt-kịch đề là *Folies sur folies* (Hết cái cuồng ấy đến cái cuồng khác) của Louis Marchand, có hai hồi, 40 cảnh, bản này dài lắm, nhưng chỉ diễn có một mục về *Les Folies du jour* (những cái cuồng biện đương lưu-hành), là : cái cuồng để cổ trần (*la folie des décolletés*), cái cuồng thể-thao (*la folie des sports*), cái cuồng đeo trân-châu (*la folie des perles*), cái cuồng khiêu-vũ (*la folie des danses*), mỗi cảnh đến mấy chục con trai con gái tuyệt đẹp ra nhảy múa, thật là choáng mắt. Lại diễn một bản hoạt-kịch nữa ngắn hơn, đề là « Các cách hôn nhau » : cái hôn vô-tình, cái hôn của vợ chồng, cái hôn của mẹ con, cái hôn của gái kỹ-nữ, cái hôn phong-tình, cái hôn dâm-dục, cái hôn vũ-phu, cái hôn ma-quái; toàn bày cảnh hoạt-động, không có lời nói. Đại-khái những trò này là chỉ chủ-ý làm cho người xem vui mắt, choáng mắt, chứ không có thú-vị văn-chương gì, không hiểu tiếng Pháp cũng xem được, nên người ngoại-quốc đến đông lắm. Song vui thì vui thật, choáng thì choáng thật, mà nó vẫn có cái khí-vị tục-tằn, không thú gì.

Thứ ba, mồng 6.

Các ông phái-viên Nam-kỳ mới đến *Paris*, bạn cùng với phái-viên Bắc-kỳ sáng hôm nay vào chào quan Thượng-thư. Bọn mình đã đi rồi, nhưng các ông ấy rủ lại đi nữa cũng bất-phương. Tính các ông hay trọng sự thể, như đi chào quan Thượng-thư thời phải đi cùng một quan cai-trị Tây, tựa-hồ như phải có người bề trên giắt tay chỉ đường thời mới yên tâm. Nghe nói các ngài trong Nam-Trung hay có khí-khái, nhưng xét cách các ngài dây cử-động thời không thấy lộ cái tính ấy chút nào cả.

— Buổi tối cùng các ông phái-viên Nam-kỳ đi xem hát ở *Odéon*, diễn bài *Le Songe d'une nuit d'été* (Giấc mộng một đêm mùa hè) của Shakespeare dịch ra tiếng Pháp. Diễn khéo, cảnh đẹp. Rạp *Odéon* này là rạp hát của Nhà-nước cũng như rạp *Comédie Française*, mở từ năm 1782, trong rộng lắm, ngồi được một nghìn ba trăm người, ngoài làm theo kiểu đền Hi-lạp, có hành-lang và cửa cuốn chung quanh. Giải hành-lang này có các hàng sách bán, nhất là hiệu *Flammarion*. Mặt trước, bên ngoài có tượng Emile Augier là một nhà soạn kịch trứ-danh về cận-đại, bên trong có tượng Molière lúc lâm-chung của Allouard chạm, có tiếng là một pho tượng đẹp lắm.

(Còn nữa)

P. Q.

MỘT ĐOẠN LỊCH-SỬ NƯỚC NHÀ

Đức Cao-Hoàng và ông Giám-mục Bá-đa-lộc(1)

Thưa các Ngài,

Cách đây ngót bốn tháng nay, tôi có được nghe ông Phạm Quỳnh diễn-thuyết ở đây về « *Cách nói chuyện* ». Trong bài diễn-thuyết ấy, tôi còn nhớ đâu diễn-giả đã có ý tỉ cuộc nói chuyện như cuộc cho vay : người nói chuyện tức là người chủ-nợ mà người nghe chuyện tức là người đi vay.

Sau cuộc diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh, tôi lại được dự mấy buổi đàm-thoại và diễn-thuyết nữa của các Ngài đây, đã từng được nghe lắm điều rất bổ-ích cho cái học-thức còn thiển-hiệp của tôi. Như thế thì tôi đối với các Ngài, thực đã mang một cái nợ to lắm vậy. Từ đấy, tôi vẫn ngay-ngáy trong lòng, mong sao trả được cái nợ đại-ích ấy ; vì tôi sợ rằng ông chủ-nợ, dẫu có hằng-tâm hằng-sản đến đâu mà nếu chỉ gặp phải những bạn vay hay « cháy » hay « quỵt » thì cuộc cho vay cũng không thể trường-thọ được. Song hiềm một nỗi xét mình hãy còn túng-bấn nhiều bề lắm : nào túng về thời-giờ, nào túng về vấn-đề và nhất là lại túng cả về đường ngôn-ngữ nữa, nên tôi cứ phải ngậm-ngùi mà lần-lữa mãi. Nhưng sau tôi trộm nghĩ rằng từ xưa đến nay, người đi vay nếu đến hạn chưa trả được mà không đến nỗi « mất mặt » chịu thân-hành đến nhà chủ-nợ và nhất là lại biện được cái lễ hoặc hậu hoặc bạc đến nói xin khất tử-tế thì chắc ông chủ-nợ, dù cay-nghiệt đến đâu, cũng không nhẫn-tâm mà đem truy-vấn một cách tàn-tệ được.

Tôi thiển-nghĩ như thế, nên nay tôi đánh bạo đến đây, chưa dám bảo là để trả nợ các Ngài, nhưng hãy để xin tạm khất các Ngài. Cái câu chuyện của tôi hôm nay tức là cái lễ khất nợ vậy. Lễ dẫu bạc, nhưng lòng thành-thực, thì chắc các Ngài cũng lượng xét chiếu-cố mà khoan-dung cho.

Câu chuyện hôm nay tôi đem nói hầu các Ngài đây là thuộc về lịch-sử nước nhà. Song Nam-sử ta có phải là ít-ỏi gì. Kể tất ngay từ đời cụ Lữ Gia là người thứ nhất đã một lòng vị nước ra tay đánh đuổi quân Tàu để chống giữ lại cái nền tự-chủ của nước Âu-lạc, qua mấy thời độc-lập khỏi quân Tàu đô-hộ đến nhà Tiền-Lý, nhà Đinh nhà Tiền-Lê, nhà Trần, nhà Hậu-Lê cho chí Nguyễn-triều bây giờ, tuy có lắm đoạn nguy-nan, nhưng cũng có biết bao nhiêu là đoạn rực-rỡ, hiển-hách, hễ đọc đến thì khiến cho lòng ta phấn-khởi vô-cùng. Song tôi thiết-tưởng nếu nói chuyện về những đoạn tiền-sử thì khi xa quá, nên tôi chọn một đoạn về cận-cổ-thời. Tôi sẽ xin nói chuyện về ông Giám-mục Bá-đa-lộc với đức Cao-hoàng nước ta. Nói đến đây chắc có Ngài đã vội bảo : « Khéo anh này, lại « phò » rồi ; tưởng nói gì chứ nói chuyện ông Bá-đa-lộc thì ai chẳng biết. Ông sang giảng đạo nước ta gặp phải thời đức Cao-hoàng bị giặc Tây-sơn đuổi đánh, ông về Quí-quốc xin binh-khí sang cứu-viện chứ gì ! » Đã đành rằng thế, song phỏng-sử có ai hỏi tò-mò ta : « Ông Bá-đa-lộc là người thế nào ? Sao lại biết đức Cao-hoàng ? Sao lại đem lòng thân-ái mà mưu đường cứu-trợ ? Cái công-lao ông gian-nan thế nào ? Bởi những lẽ

(1) Diễn-thuyết ở Hội Tri-tri ngày 18 Janvier 1924.

gì mà nước Pháp mới ưng sang giúp ? Mà giúp những gì ? », thì chắc ta lấy làm lúng-túng lắm. Ấy chính tôi đã mấy lần phải qua cái cầu lúng-túng như thế, nên sau tôi phải đi tìm-tòi các sách, may gặp ngay được quyển « Nam-sử cận-cổ-thời » của quan tiến-sĩ MAYBON và mấy đoạn sách khác nữa, nhất là mấy bài đăng ở trong tạp-chí Đông-Pháp(*Revue indochinoise*).Nay tôi xin đem những điều tôi đã đọc được thuật lại để các ngài cùng nghe. Tôi lại xin trích cả những thư-từ của ông Bá-đa-lộc lược-dịch ra để các ngài được rõ ông là người thế nào, vì cổ-nhân đã có câu : « Văn là người ».

Ông Bá-đa-lộc chính tên là PIERRE-JOSEPH-GEORGES PIGNEAU sinh ở *Béhaine*, xã *Origny-en-Thiérache* thuộc quận *Aisne* ngày mồng hai tháng một năm 1741. Thân-phụ ông sinh ra được mười chín người con mà ông là lớn nhất. Trước ông học ở tràng trung-học tỉnh *Laon*, sau ông lên học ở đạo-viện (*séminaire*) tại *Paris*. Khi tốt-nghiệp thì ông vào tập-sự hai năm ở Hội Truyền-giáo ngoại-quốc (*Missions étrangères*). Xong, thì ông quyết chí ra ngoại-quốc giảng đạo. Ngày tháng chín năm 1765, ông trốn nhà, ở *Paris* ra đi. Ông khởi-hành ở bến *Lorient*, xuống một chiếc tàu của hội buôn Ấn-độ sang cõi Á-Đông. Lúc đi thì ông có gửi lại cho nhà một cái thư, trong thư ông nói đại-khái cái lòng sở-nguyện của ông đã lâu là được đi giảng đạo các nơi xa để ra tay tế-độ những dân-tộc còn đang u-mê trong vòng huyễn-hoặc. Cuối thư ông có phụ thêm mấy lời rằng : « Trước khi đi xa như thế thì con phải cần một cái đồng-hồ quả-quít vì ở những miền con đi đến không làm gì có đồng-hồ. Cho nên con có trót vay của ông LIÉVARD mất hai trăm quan (*livres*) để mua một cái đồng-hồ bằng bạc mất 50 *écus* (150f) và mấy quyển sách cần cho con lắm. Ông LIÉVARD là người từ xưa đến nay vẫn trông nom em con, thực là người thầy mẹ có thể tin cậy được. Trước khi đi con có nhờ ông ấy cứ trông nom chú nó như trước thì ông ấy đã nhận lời rồi, song thầy mẹ cũng nên viết thư cho ông ấy và nên gửi trước ông ấy ít tiền nhu con ngày trước. »

Tàu khởi-hành tự tháng chín đến hạ-tuần tháng chạp thì ông tới *Cadix* là một tỉnh lớn ở nước Y-pha-nho. Từ đó là ông ra khỏi châu Âu, nên ngày 27 tháng chạp năm ấy ông có viết về nhà một cái thư nữa, xem lời lẽ thì biết ông thực là một bậc đại-hiếu, tưởng nên đem làm gương cho những kẻ quá văn-minh, quá tự-do, nhân cái buổi giao-thời này mà dám cả gan khinh-nhờn đạo hiếu là cái đạo mà đã bao nhiêu thế-kỷ nay ông cha ta vẫn trọng là đầu ngũ-luân vậy.

Thư rằng :

« Con chưa biết thầy mẹ làm thế « nào mà biết được tin con đã trốn đi, « và khi được tin ấy rồi thì thầy mẹ « buồn sầu đến thế nào. Con quyết-chí « đi mà không nói cho thầy mẹ biết « trước, thực cũng là ngậm-ngùi bất-« đắc-dĩ, vì con chắc nói ra thì thầy « mẹ chẳng cho con đi nào. Nếu để « thầy mẹ ngăn cấm thì cái lòng sở-« nguyện của con không thành được « Con vẫn biết thầy mẹ vốn có lòng « từ-thiện, nên con dám mong rằng « thầy mẹ sẽ ưng-thuận cho con đi làm « một việc đại-nghĩa thế này và sẽ sẵn « lòng đại-sá cho con. Chắc ở nhà thầy « mẹ đã cho con là một đứa bất-hiếu « không biết kính nể gì thầy mẹ. Nếu « vậy thì thực là oan con quá. Con « vẫn tạc dạ những cái tình-tình kính-« ái mà thầy mẹ đã gây nên ở trong « tâm-chí con, và chưa hề bao giờ con « quên được thầy mẹ.

« Con qua *Cadix* là vì chiếc tàu con

« đi phải đỗ ở đấy để chở bạc đồng « sang Ấn-độ. Nhân tàu đỗ vài ngày « nên con viết thư này về hầu thầy mẹ, « và thăm cả nhà. Cái thư này là thư « cuối cùng của con gửi về nhà tại « đất Âu-châu. »

Ở *Cadix* đi đến ngày 21 tháng sáu năm 1766 thì ông tới *Pondichéry*, ông lại đi luôn đến *Malacca* rồi đến cuối tháng chín thì ông tới Áo-môn (*Macao*) là cái thuộc-địa của người Bồ-đào-nha bấy giờ. Nhưng ông không ở lâu ở Áo-môn, đến đầu năm 1767 thì ông ở Áo-môn lại ra đi để định về chỗ đất Nam-kỳ bấy giờ, là chốn đạo mà người ta đã cử ông đến. Khi đến *Pondichéry* thì ông có ý muốn qua Xiêm, nhưng sau nghe tin bấy giờ nước ấy đang cấm đạo, các cố đến giảng đạo phải bỏ chạy cả, nên ông phải đi thẳng đến Áo-môn. Theo như cái thư ông viết tại Áo-môn về thăm nhà thì bấy giờ ông đang học tiếng An-Nam.

Hội Truyền-giáo cử ông đến Nam-kỳ là vì bấy giờ ở xứ ấy sự giảng đạo còn được tự do lắm. Năm 1724, đức Minh-vương tuy có giáng-chỉ cấm đạo, song cái chỉ-dụ ấy cũng không thi-hành nghiệt mấy. Đến đời đức Minh-vương và con là đức Võ-vương thì lại không cấm nữa. Không những thế, các chúa Nam-kỳ lại còn dùng cố đạo nữa. Như năm 1721 thì đức Minh-vương có dùng ông SANNA, PIRÈS và LIMA coi việc thiên-văn và tính-toán, sau đức Võ-vương lại dùng ông NEUGEBAUER coi việc thuốc-men. Ông này mất tại Huế năm 1745. Sau có ông SLAMENSKI và ông JEAN KÖFFER thay. Ông này theo với Nguyễn-triều mãi đến năm 1755.

Khi trở lại ông Bá-đa-lộc đi qua Hòn-đất là chỗ dòng đạo đóng bấy giờ, ở một thổi đất trên vịnh nước Xiêm, cách Hà-tiên độ bốn *kilomètres*. Chỗ này là địa-phận của một người Khách tên là Mạc Cửu đến xứ ta về cuối thế-kỷ thứ 17. Trước thần-phục vua Cao-miên, nhưng sau bị quân Xiêm đến đánh, vua Cao-miên không bênh nổi, nên đến cầu chúa Nguyễn. Hà-tiên bấy giờ tuy không phải đất của chúa Nguyễn, nhưng đức Minh-vương thấy xin qui-phục thì cũng ưng cho làm tổng-trấn chỗ ấy. Bấy giờ ở Xiêm đương có loạn Diễn-điện, các cố đạo phải trốn, nên chạy về Cao-miên, nhưng cũng không được yên, lại phải chạy đến Hà-tiên. Mạc Cửu thấy thế muốn lợi-dụng các cố để mưu toan đường tiến-thủ, nên ưng ngay cho các cố đóng ở Hòn-đất. Mới đến thì công việc còn bề-bộn, đức cha PIGUEL có cố ANDRIEUX trợ-tá thì lại vừa mất nên ngài giữ ông Bá-đa-lộc lại để giúp ngài. Ông được đứng quản-đốc cái nhà dòng bằng tre, lợp lá, mới dựng ở đấy, trông nom độ 40 môn-đồ vừa người An-Nam, vừa người Khách, người Xiêm. Song ông ở đấy cũng không yên được bao lâu. Năm 1768, xảy có một vị Hoàng-tử nước Xiêm, vì có người tên là PHYA TAK thoán-vị, nên phải chạy trốn. PHYA TAK nghe tin chạy sang Hà-tiên bèn bắt Mạc Thiên-Tứ là con Mạc Cửu phải giao về. Mạc Thiên-Tứ bất-đắc-dĩ cũng phải sai tìm Hoàng-tử. Khi được tin đồn các cố đạo Pháp chứa Hoàng-tử thì hắn nổi giận, liền sai bắt cả các cố đạo. Ông Bá-đa-lộc cùng mấy bạn đồng-sự cũng phải đeo gông tống-ngục. Mạc Thiên-Tứ tra hỏi mãi, nhưng sau không được việc gì, phải tha, nhưng lại bắt cố ANTAUD là đầu bọn phải tình-nguyện sang Cao-miên tìm Hoàng-tử về. Cố ARTAUD cũng phải ra đi để ông Bá-đa-lộc ở lại. Được ít lâu, không tìm thấy, ông lại trở về. Tứ lại bắt ông và ông Bá-đa-lộc tống-giam. Ở trong ngục bị gông-siềng khổ-sở, ông Bá-đa-lộc phát ốm. Được ba tháng, Tứ biết các cố vô-tội,

bèn tha cả. Ông Bá-đa-lộc cùng bạn lại về Hòn-đất ở đấy. Ngày 23 tháng sáu năm 1768 ông có viết một cái thư về thăm nhà. Trong thư ông có câu rằng : « Thầy mẹ nên nhớ rằng người ta ở đời này chỉ là lữ-khách mà thôi, mong sao cho cái thời-kỳ lữ-thứ ấy chóng hết để con được xum-họp cùng thầy mẹ mãi mãi. » Trong một cái thư trước ông đã nói : « Ôi ! Cái cảnh tịch-mịch ở cái chốn con ở bây giờ ! Trông thấy cảnh-vật, nào thảo-mộc, nào cầm-điểu, nào cả đến cái thú yên-tĩnh ở chốn này thì con lại nhớ đến cái đại-độ của ông Hóa-công. Người đời chỉ biết trọng tài mà quên cả Thiên-chúa thì khờ dại biết là chừng nào ! Lúc nhắm mắt rồi thì cái của ấy dùng làm gì ? Thời giờ thấm-thoắt, chẳng bao lâu cái chết nó đã tới nơi, bấy giờ mới thật là sướng. »

Trở về được mấy ngày thì ông ARTAUD mất. Bấy giờ Mạc Thiên-Tứ đang bị quân Xiêm đến đánh. Ở Hà-tiên giặc nổi tứ phía. Quân ngụy chỉ tìm người Nam-kỳ để giết. Chúng tràn cả vào nhà dòng. Ông Bá-đa-lộc hết sức bảo-thủ lấy môn-đệ. Nhưng sau tình-thế ngày biến, không còn gì mà ăn, ông đành đem cả môn-đệ trốn ra *Malacca*. Tàu không có, phải lấy gỗ ken làm bè. Bè vừa ra đến giữa suối thì vỡ. Ông Bá-đa-lộc ba lần bị rơi xuống suối, nhưng cũng thoát nạn được.

Song ở *Malaca* cũng không tiện, ông bèn định lánh ra *Pondichéry*. Nhờ được một chiếc tàu Bồ-đào-nha, đến ngày tháng sáu năm 1770 thì ông tới nơi. Ông đến *Virampatnam* gần *Pondichéry* để lập nhà dòng ở đấy. Lúc trốn loạn ông phải bỏ cả lương-thực sách-vở, nên đến đấy thì ông đã khánh-kiệt cả. Ở đấy ít lâu thì ông được tin thăng đức cha, hiệu là ADRAN để thay đức cha PIGUEL mới mất và bổ về chi đạo Nam-kỳ. Ông ở Ấn-độ ngót 4 năm, đến khi được tin ấy thì ông tìm đường về Nam-kỳ. Tháng bảy năm 1774 ông xuống tàu đi Áo-môn. Ông ở đấy mấy tháng để chỉnh-đốn lại các công việc nghĩa-vụ của ông, rồi đến ngày 28 tháng hai năm 1775 thì ông lại đi cùng với 4 ông cố nữa. Trung-tuần tháng ba năm ấy, ông tới *Bassac* (Ba-thắc), sau ông lại đến Hà-tiên, là nơi mấy năm trước ông đã phải bỏ trốn. Ông lại về đấy là vì khi ông còn ở Áo-môn, Mạc Thiên-Tứ trước bắt tội ông, sau lại viết thư nói thiết-tha mời ông về. Trong cái thư của ông ngày 8 tháng 6 năm 1775 ông có nói : « Tổng-trấn Hà-tiên cùng các con ngài tiếp-đãi tôi một cách rất ôn-tồn luyến-ái. » Tuy vậy ông cũng không ở đấy lâu, ông lại sang Cao-miên để chỉnh-đốn công việc của ông. Sau Tứ lại mời ông về, ông không dám từ-trối vì sợ mất lòng thì có hề không lợi. Nguyên Mạc Thiên-Tứ phò chúa Nguyễn, nên muốn dùng ông để mưu-toan về đường chính-trị. Trong một bức thư ông viết ngày 5 tháng sáu năm 1775 ông có nói : « Quan Tổng-trấn tuy có lòng mưu-toan về đường chính-trị, song cái lòng ấy cũng có thể lợi cho đường giảng đạo ». Xem như thế thì đủ biết từ đấy không những ông lưu-tâm về đường giảng đạo mà ông lại cùng đồng-tâm với Mạc Thiên-Tứ để giúp Nguyễn-chúa nữa.

Song ta chưa biết đích-xác được ông Bá-đa-lộc gặp đức Cao-hoàng về năm nào.

Cứ theo như một bức thư của ông viết ở *Cancao* (Hà-tiên) ngày 26 tháng bảy năm 1776 và cái thư của ông LECLER trong có câu rằng : « Chúa Nam-kỳ không thể chống-cự được với

quân ngụy vừa phải trốn đến với Tổng-trấn *Cancao*,» thì ta cũng có thể đoán ra rằng ông Bá-đa-lộc gặp đức Cao-hoàng về hồi ấy, vì lúc đức Duệ-tôn cùng các hoàng-thân bị Tây-sơn đuổi chạy trốn đến Hà-tiên thì ông đã đến đấy từ năm trước rồi. Vả cứ theo như một bức thư của một người Hồng-mao tên là JOHN BARROW lược-dịch sau đây thì năm 1777. « khi đức Duệ-tôn bị Tây-sơn đuổi kịp, « Nguyễn-chúa (đức Cao-hoàng) cùng với hoàng-hậu và hoàng-tử còn nhỏ, nhờ có ông Bá-đa-lộc, ban đêm chạy trốn được vào một cái rừng cách kinh-đô thật xa. Cả nhà trốn dưới một gốc cây đa cổ-thụ, có lẽ nhờ cây đa thần ấy mà thoát nạn. Ở trong rừng không có gì ăn, may được người nhà thầy tên là PAUL NGHỊ tức là Hồ Văn-Nghị, là một người môn-đồ rất trung của ông Bá-đa-lộc, liều mình mang lương-thực vào cho mà ăn, đến khi giặc rút về không đuổi nữa mới thôi. » Trong thư ấy thì cũng có chỗ sai: như nói đức Cao-hoàng và hoàng-hậu với hoàng-tử cùng nhau chạy trốn thì lầm, vì bấy giờ ngài chưa có hoàng-hậu thì đã lấy đâu làm hoàng-tử. Song có đoạn dưới đem so vào với một cái thư của ông LELABOUSSE nói về các công việc ông Paul Nghị thì hợp lắm. Theo như thư này thì ông Bá-đa-lộc thường sai ông Paul Nghị đưa lương đến nuôi đức Cao-hoàng, rồi sau lại tìm cách cho ngài trốn đến cù-lao *Poulo-Panjang* ta gọi là Thổ-chu. Nhưng trước khi tới được Thổ-chu thì ngài còn phải lẩn-quất ở miền nam Long-xuyên bây giờ, vào chỗ vũng Cà-mâu, cách bờ bể độ hai trăm *kilomètres*. Sau ngài mới xuống được thuyền theo dọc sông Khỏa-giang (sông Ông-Đốc bây giờ) mà chạy, nhưng lúc sắp tới chỗ trốn thì lại bị quân Tây-sơn đón đường gần đấy ập lại, suýt nữa thì bị bắt. Sau có lẽ cũng là việc trời, nhờ có một con cá sấu đêm lên lội ở trước thuyền ngài đi, để đưa đường, ngài mới thoát được.

Bấy giờ Mạc Thiên-Tứ thấy tình-thế đức Cao-hoàng nguy-nan, nên cũng nản chí, không nghĩ gì đến việc giúp ngài để khôi-phục lại ngôi rồng nữa. Cho nên khi được tin vua Xiêm với sang thì Thiên-Tứ cùng với hoàng-tử Xuân là con thứ mười-bảy đức Võ-vương sang cả Vọng-các (Bang-Kok). Nhưng sau vì triều-thần vua Xiêm lắm người ghét hắn và hắn căm tức vua nước ấy đã xuống chỉ giết mất con là Mạc Tứ-Duyện nên cũng bức chí tự-tận. Thế là đức Cao-hoàng mất một tay phù-tá.

Cuối năm 1777 đức Cao-hoàng được tin Tây-sơn đã bỏ Gia-định cho một ít quân phòng giữ để kéo về Qui-nhơn, thì ngài vội-vàng về với ông Đỗ Thanh-Nhơn là một vị trung-thần của Ngài. Lúc Ngài chạy trốn thì ông lánh về Bình-thuận để chiêu-binh. Tháng một năm ấy Ngài lấy được Long-hồ và về được tới Sài-gòn. Bấy giờ Ngài mới có mười-sáu mười-bảy tuổi. Các tướng đều tôn Ngài lên làm Đại-nguyên-soái nhiếp-quốc-chính, Ông Đỗ Thanh-Nhơn năm 1780 lại phá được thủy-quân Tây-sơn rất hại, nhờ có ông và ông Lê Văn-Quân, chẳng bao lâu ngài lấy lại được miền dưới Nam-kỳ. Đến ngày mồng năm tháng hai năm 1780 các quan xin ngài xưng-vương, trước ngài còn từ trối lấy lẽ rằng ngài chưa dẹp được yên loạn trong nước, nhưng sau các quan tâu mãi ngài mới nhận.

Ông Đỗ Thanh-Nhơn một lòng phù ngài, gia-công chiêu-binh thủy-bộ để chống lại quân giặc. Ông là người có tài thao-lược, thông-minh trí-tuệ, nên thường được thắng-trận. Vì thế cái uy-quyền của ông một ngày một lừng-lẫy lắm. Tuy vậy không hiểu rõ

lẽ gì mà năm 1781 đức Cao-hoàng sai giết ông đi. Có lẽ là vì nghe nịnh-thần thấy ông có quyền-thế ng-lấy quá, sợ sau sinh biến chăng? ếu thực chỉ vì có cái lòng nghi-ngờ mà hại mất một vị đại trung-thần ư ông Đỗ Thanh-Nhơn thì thực khá ếc lắm vậy.

Khi anh em Tây-sơn được tin ấy vỗ tay mừng mà nói rằng : « Thôi, không sợ gì các tướng khác của uyễn-chúa nữa. » Bọn quân Đông- a của ông Đỗ Thanh-Nhơn thấy thế ng chán-ngán, bèn khởi-loạn, đức o-hoàng lại phải dẹp mãi mới yên.

Năm 1782 anh em Nguyễn Văn- ạc đem quân về đánh Sài-gòn, thì rc Cao-hoàng sai Tống Phúc-Thiêm m quân và một chiếc tàu tây có ười tướng Pháp tên là MANUEL là ười của ông Bá-đa-lộc đem ở *ndichéry* đến năm 1774, ra cự-địch. hưng không nổi bị thua, Sài-gòn ất-thủ, ông MANUEL bị quân Tây- n vây bọc nguy quá bèn đốt tàu tự- n. Đức Cao-hoàng lại phải đem ít n-quân chạy trốn.

Còn ông Bá-đa-lộc, năm 1777, khi rc Cao-hoàng mới thắng được mấy ận thì đã về với ngài, nhưng sau ing lại phải mang cả đồ-đệ chạy trốn ng Cao-miên, tình-thế rất là nguy- iểm.

Thế-lực Tây-sơn bấy giờ mạnh lắm, c tướng của đức Cao-hoàng tận-tâm ống-cự nhưng không sao lại được. ức Cao-hoàng phải sai sứ sang Cao- iêu cầu-viện, nhưng cũng không ăn- ua gì, vì Cao - miên thấy Tây-sơn ằng-thế cũng lấy làm lo. Cao-hoàng ng với ít tướng trung-thành phải nh ra Hà-tiên rồi lại trốn ra cù-lao ú-quốc. Ở đấy ít lâu nghe được tin g Hồ Văn-Lân, Chu Văn-Tiếp và Văn-Quân đã đánh Tây-sơn được ấy trận và đã lấy lại được Sài-gòn rồi, ngài liền trở về; tháng 10 năm 1782 ông Bá-đa-lộc cùng cả gia-nhân cũng trở lại. Song thấy thế Tây-sơn còn mạnh lắm, mà quân của Cao-hoàng còn kém, thì cũng chưa có hi-vọng gì về đường tiến-thủ được. Giả-sử quân Tây-sơn tràn lại thì cũng chưa tài nào chống nổi. Bởi vậy ngài sai sứ sang Xiêm cầu-cứu. Tháng ba năm 1783 quân cứu-viện chưa đến, thì anh em Tây-sơn là Huệ và Lữ đã đem đại-quân đến đánh, quân ngài lại thua chạy, chết mất nhiều tướng-sĩ lắm. Tình-thế nguy-biến, Cao-hoàng lại đành phải lánh ra ngoài. Ngài sai đưa gia-quyến ra Phú-quốc trước rồi ngài đến sau. Nhưng chẳng may được vài tháng quân Tây-sơn đó được ; nhờ có một người cận-thần tận-tâm giúp đỡ, ngài mới thoát-nạn. Ngài trốn ra cù-lao *Kok-Rong*. Nhưng đến tháng bảy Nguyễn Văn-Huệ lại đem thuyền đến vây cả cù-lao ba vòng ; may đâu có một cơn giông rất to nổi lên, sấm sét ầm-ầm, trời tối sập lại, sóng bể nổi lên, thuyền giặc vừa trôi vừa dầm rất nhiều, thuyền đức Cao-hoàng nhân thế mới ra khỏi vòng vây. Ngài lại chạy ra cù-lao *Kok-kât*, đợi đến khi bể hơi yên lại về Phú-quốc. Quân lính hết cả lương-thực, khổ-sở vô-cùng, phải ăn đến cả rễ cây, mãi đến khi nhờ được một người đàn bà buôn bán ở Hà-tiên chở một thuyền gạo đến cứu mới khỏi chết đói.

Bấy giờ ông Bá-đa-lộc ở Cao-miên cũng không được về, nước ấy đang loạn mà lương-thực ông cũng cạn, nên ông sửa soạn chạy về Mặc-bắc (thuộc tỉnh Trà-vinh). Ông về đầu tháng ba thì đến 19 tháng ba ông nghe tin giặc lại sắp đến ; thầy trò lại lóc-nhóc dem nhau chạy ra cửa bể *Bassac*, rồi hôm sau ông trốn đến một chỗ mà ông không biết tên là gì, nhưng sau ông có nói rằng : « Ông đến đấy được một tuần-lễ thì thấy Nguyễn - chúa

cũng đến cùng với độ năm-mươi chiếc thuyền. » Bấy giờ ông mới định kế lánh ra một chỗ khuất-khoẩn hơn. Chỗ ấy là một cái cù-lao lớn ở vịnh nước Xiêm : chắc là Phú-quốc. Qua Lễ *Pâques*, ông đang chữa thuyền bè của ông thì ông được tin rằng Cao-hoàng bị Tây-sơn đuổi đang phải ẩn ở cách đây độ nửa ngày đường, và ngài sắp sai một chiếc thuyền khách sang Ma-ni để cầu viện người Y-pha-nho và để mua lương-thực. Hai người cố Y-pha-nho mà ngài sai đi thì một người tên là Gia-đô-bi và một người là Ma-nô-ê (?). Song đi đường gặp quân Tây-sơn cũng bị giết cả.

Được 4, 5 hôm Cao-hoàng lại thua phen nữa. Ông Bá-đa-lộc xem chừng không thế nào về được Nam-kỳ nữa, nên phải sang Xiêm. Ngày 21 tháng tám năm 1783 thì ông tới *Chantaboun*. Cứ theo như Sử ta thì ở đấy đến cuối tháng tám ông được thư của đức Cao-hoàng nhờ ông cầu-viện nước Pháp. Song cứ theo như chính lời ông Bá-đa-lộc, thì mấy tháng sau nữa ông mới gặp đức Cao-hoàng. Ông nói rằng khi ông đến *Chantaboun* thì ông lại phải đi *Baugkok* để xin phép vua Xiêm lập nhà đạo ở đấy. Được phép rồi ông thu-xếp công-việc đâu đấy, đến trung-tuần tháng giêng tây năm 1784 ông lại đi *Pondichéry*. Thuyền ông đang đi ở chỗ mấy cái cù-lao tại cửa bể *Kompong-Som* thì ông gặp mấy chiếc thuyền, ông đã lấy làm lo lắm, nhưng đến gần thì ông mới rõ ra là thuyền chở mấy ông quan ta mà ông đã quen rồi. Các quan mới nói cho ông biết rằng Cao-hoàng cũng trốn gần miền ấy. Được tin đó ông vội-vàng đến ngay. Đến nơi thì thấy Cao-hoàng đang bị lúc gian-nan rất là ái-ngại. Quan-quân chỉ còn cả thảy độ 6, 7 trăm người và mươi mười-lăm chiếc thuyền vừa lớn vừa nhỏ. Lương-thực hết cả, quân lính phải đào rễ cây mà ăn. Ông Bá-đa-lộc bèn lấy ít lương của ông đem cấp-phát. Cao-hoàng cứ giữ lễ ông hết ngày này sang ngày khác để nửa tháng trời ông mới ra đi. Ngày tháng 2 tây năm 1784 thì ông t *Poulo Panjang*. Ông Bá-đa-lộc tr không nói gì đến việc cầu-cứu nước Pháp (có lẽ ông giấu) nhưng cứ the như những lời chép trong Sử thì khôn lẽ nào Cao-hoàng giữ ông bấy nhiê lâu mà lại không nói gì đến sự cầ viện.

Đến *Poulo-Panjang* thì ông Bá-đ lộc định qua vịnh Xiêm nhưng khôn thoát, ông lại phải lánh ra cù-la *Poulo-Obi*. Ở đấy lại bị một đoà chiến-thuyền đến 7, 8 mươi chiếc đ vây. Ông lại phải chạy ra cù-la *Poulo-Way*, từ đầu tháng ba đến thá chạp năm 1784 ông mới lại khổ hành. Trong một bức thư ông vi hồi ấy, thì ông có nói : « Chúng tôi *Poulo Panjang* ra đi định qua vị Xiêm. Đến đấy lại gặp chúa Nguyễ Ngài có kể cho tôi nghe cái cách qu quyệt của người Xiêm chỉ viện cứu giúp để tàn cướp dân Nam. Bấ giờ ngài mới giao hoàng-tử cho tô mới lên sáu tuổi, tôi mang đến đ (tức là *Pondichéry*) ».

Trước khi gặp ông Bá-đa-lộ chuyện-trò như thế thì đức Ca hoàng có tiếp được một bức mậ thư của ông Chu Văn-Tiếp trước trố sang Xiêm mời ngài cũng tạm lán sang nước ấy. Bấy giờ ông Lê Văn Quân cũng trốn ở bên Xiêm. Ca hoàng bèn định sai người đưa Quố mẫu, Hoàng-hậu và Hoàng-tử chạy *Poulo Panjang* còn ngài thì sang Xiê Khi ngài tới *Bang-kok*, thì vua Xiê đón rước trọng-thể lắm. Vua th ngài buồn hỏi ngài tại cớ gì thì ng trả lời rằng : « Tôi chẳng ngại gì, chỉ ước sao bắt được quân Tây-s cho thỏa cái lòng căm tức của tôi,

tôi chết cũng dành lòng. Tôi chỉ cực nỗi tài hèn sức kém không lấy lại được cái nước mà cha ông tôi trị-vì đã hơn hai trăm năm nay ». Vua Xiêm liền sắp một đạo quân hai vạn người và ba trăm chiếc thuyền để giúp ngài. Còn ngài thì thu-tập tàn-quân lại giao cho tướng ngài là Chu Văn-Tiếp. Ông Tiếp trở về thắng ngay được mấy trận. Tháng mười đã vào được đến tỉnh Sa-đéc. Nhưng tiếc thay đến trận ở Vĩnh-long thì ông bị thương rồi mất. Đức Cao-hoàng thương xót vô-cùng và cử ông Lê Văn-Quân thay ông. Bọn quân Xiêm sang giúp cũng thắng, nhưng chúng vẫn giữ cái thói đi đến đâu cướp của dân đến đấy, thậm-chí đức Cao-hoàng phải than rằng : « Lấy lại nước mà để đến nỗi dân mất cả cái lòng ái-mộ thì lấy làm gì ! »

Bấy giờ Nguyễn Văn-Nhạc nghe tin quân mình bại-trận, bèn cùng em kéo quân đến Sài-gòn để cứu. Quân Xiêm được thế đang thắng cứ kéo tràn đi, không giữ-gìn gì ; khi đến Rạch-giá bị quân Tây-sơn phục sẵn đổ ra đánh cho một trận chết hại rất nhiều, sau chỉ còn độ vài ba nghìn tàn-quân kéo nhau về. Ông Lê Văn-Quân cũng nhân thế bị thua.

Trong Sử không nói rõ hồi ấy đức Cao-hoàng ở đâu. Song cứ theo như lời ông Bá-đa-lộc hẹn ngài đến đầu tháng chạp tây đến *Poulo Panjang* thì chắc ngài để quân lại mà đi vào hồi ông Chu Văn-Tiếp mất.

Còn ông Bá-đa-lộc thấy ngài có ý cầu-cứu một nước bên Âu-châu thì ông muốn rằng ngài cầu nước ông, chứ không để cho ngài cầu nước khác, nên ông hứa với ngài để ông về xin nước Pháp sang giúp. Đức Cao-hoàng đương lúc gian-nguy nhận ngay lời ông và giao cả quyền cho ông thay mặt ngài để tự-tiện sang thương-nghị với Chính-phủ Pháp để xin viện-binh. Trong bức thư ngài giao cho ông thì có 14 khoản đại-lược nói nhờ ông sang xin nước Pháp giúp cho 1500 quân và tàu bè súng ống thuốc đạn đủ cả mọi thức ; Nguyễn-chúa xin nhường cho nước Pháp cửa Hội-an (*Tourane*), đảo Côn-lôn và để sự buôn bán ở nước Nam riêng cho người Pháp thôi, chứ không cho người nước khác ở Âu-châu sang nữa. Đức Cao-hoàng lại giao ông Hoàng-tử Cảnh, bấy giờ mới lên 5 tuổi, và cái quốc-ấn cho ông Bá-đa-lộc và cử quan phó-vệ-úy Phạm Văn-Nhân và quan cai-cơ Nguyễn Văn-Liêm theo hầu Hoàng-tử. Ngài lại viết một bức thư riêng dâng sang vua Pháp.

Ông Bá-đa-lộc cùng ông Hoàng-tử Cảnh ở *Poulo Panjang* ra đi đến 19 tháng chạp năm 1784 thì tới *Malacca*.

Khi ông đi rồi Cao-hoàng mới rước quốc-mẫu và cung-quyến tạm lánh sang ở *Bang-kok* để chờ có cơ-hội lại về khôi-phục.

Nay ta hãy thử lược tra trong lịch-sử xem thời bây giờ Âu-châu đã có nước nào biết nước ta chưa và nước Pháp đã có tình-ý gì với nước ta chưa.

Theo như quyển *Nam-sử* cận-thời của ông MAYBON thì từ đầu thế-kỷ thứ 17 người Y-pha-nho, người Bồ-đào người Hòa-lan, người Hồng-mao và người Pháp cũng đã qua nước ta tìm đường thông-thương rồi. Nhưng đến đầu thế-kỷ thứ 18 thì cuộc giao-thiệp của nước ta với các nước ấy cũng đã nhạt. Duy chỉ còn có hai hội buôn to của người Pháp và người Anh là còn chú-ý đến xứ Nam-kỳ và nhất là về đảo Côn-lôn. Năm 1686 hội buôn của người Pháp có cử ông VÉRET đến Nam-kỳ tìm địa-thế để lập một nhà buôn, thì ông ấy có bàn xin lập ở đảo Côn-lôn. Đến năm 1721 hội ấy lại cử ông RENAULT đến thì ông này lại bác lời ông VÉRET

bảo rằng Côn-lôn nghèo lắm, nhân-dân và sản-vật không có mấy và nhất là thủy-thổ đất ấy thì người Âu-châu không thể chịu được ; bởi thế người Hồng-mao không có ý đến đấy. Đến năm 1744 lại có một người Pháp tên là DE ROTHE đi một chiếc tàu Bồ-đào từ Quảng-đông tới Nam-kỳ. Cứ như lời ông thì ở Nam-kỳ bấy giờ có cơ buôn-bán lợi lắm. Như buôn vàng thì lãi được đến 33, 43 phần trăm, buôn cau thì được đến 80 và đường thì một được một. Đến năm 1748 thì hội buôn Ấn-độ của người Pháp lại cử ông DUMONT đến Nam-kỳ. Cùng thời ấy ở *Paris*, bộ Thủy-quân có cử ông PIERRE POIVRE là người đã thông-thuộc cõi Á-Đông sang tìm kế thông-thương với xứ Nam-kỳ. Ngày 29 tháng 8 năm 1749 ông đến *Tourane*, vào bái-kiến Võ-vương và dâng lễ-vật để mưu đường giao-thông, nhưng sau cũng không ăn thua gì. Theo như lời ông thì muốn buôn bán ở đất Nam-kỳ bấy giờ cần phải luồn-lọt chạy tiền các quan mới được phép. Bởi thế ngày 26 tháng 2 năm 1750 ông lại xuống tàu về. Tuy vậy ông DUPLEIX là quản-lý hội buôn Pháp ở Ấn-độ cũng chưa ngã lòng ; năm 1752 ông lại cử ông RABEC đến Nam-kỳ, nhưng cũng không được việc gì. Đến năm 1755 ông PROTAIS LEROUX lại gửi về cho hội buôn Ấn-độ một cái tờ, trong ông có bày tỏ các lẽ nên lập thương-cục ở Côn-lôn. Cứ theo lời ông thì cũng có cơ lợi được, nhưng bấy giờ hội buôn Ấn-độ không còn thế-lực mà đem thi-hành cái lời bàn của ông nữa, là vì nước Pháp đang bị chinh-chiến với nước Hồng-mao. Loạn bảy năm trời, từ năm 1756 đến năm 1763, sau nước Pháp mất cả thuộc-địa về nước Hồng-mao, ở Á-châu thì mất cả đất Ấn-độ, ở Mĩ-châu thì mất cả đất *Canada* là hai cái thuộc-địa lớn nhất.

Từ đó nước Pháp mới thật lưu-tâm đến sự sang thông-thương ở Nam-kỳ để kéo lại những nơi thuộc-địa vừa mất ấy. Nhưng vì quan Thượng-thư CHOISEUL bị bãi, nên mãi đến năm 1774 khi ông VERGENNES lên làm Thượng-thư bộ Ngoại-giao thì mới lại nghĩ đến việc ấy. Ông có nói rằng : « Có lẽ bây giờ chỉ còn có xứ Nam-kỳ là người Hồng-mao chưa dòm đến. Nếu để cho họ nghĩ đến trước ta thì thực không bao giờ ta còn hòng đến đấy được nữa. Nếu vậy thì ta mất một cái địa-thế rất trọng ở miền Á-châu vậy. » Bởi thế ngày 21 tháng chín tây năm 1775 vua Pháp có ý một bản nghị-định tại *Versailles* lập một cuộc thông-thương tại Nam-kỳ. Nhưng sau vì người bàn ra người bàn vào lại không thành. Tòa thượng-thư vẫn muốn tìm đường đền bù cho nước Pháp những nơi thuộc-địa đã mất, song nghĩ đến những nỗi khó-khăn, những sự phí-tổn và nhất là bấy giờ 13 cái thuộc-địa của người Anh ở Mĩ-châu đang khởi-loạn để mưu đường độc-lập, nên ai cũng khuynh-hướng về việc ấy.

Năm 1777 có một người Anh tên là CHAPMAN và hai chiếc tàu Anh tới cửa Hội-an rồi đến cửa Qui-nhơn. Ông CHAPMAN vào yết-kiến Nguyễn Văn-Lữ và Nguyễn Văn-Nhạc. Ông Nhạc hỏi mượn ông CHAPMAN hai chiếc tàu ấy để đem dùng về việc chinh-chiến của ông, thì ông CHAPMAN có nói rằng ông không có đủ quyền mà quyết-định được. Nguyễn Nhạc lại ngỏ lời cho ông ấy biết rằng ông muốn nhờ ông Tổng-đốc Anh ở *Bengale* cử cho mượn một người tướng giỏi để sang dạy cho nghề binh, vì ông muốn lấy hết cả cái thổi đất từ Bắc Nam Trung-kỳ cho chí nước Xiêm. Nếu người Anh giúp ông được thì ông sẽ nhượng cho một phần đất để bù công. Ông CHAPMAN cũng nói thoái-thác để xin về trình với quan Tổng-đốc. Khi

trở về dọc đường bị quân chúa Trịnh sai đuổi chiếc tàu của ông. Ông phải đánh tháo cho thoát. Tuy vậy ông ấy cũng không bỏ cái ý thông-thương ở Nam-kỳ vì ông xem có nhiều mối lợi lắm. Trong tờ trình của ông có nói : « Đương cái lúc Nam - kỳ rối - loạn thế này, nếu Âu-châu có nước nào có ý đến đấy thì chắc dễ thành-công lắm. Xem chừng như người Pháp đang trù - tính về việc ấy. » Quả thế, ngày 12 tháng 2 năm 1778 ông CHEVALIER tại *Chandernagor* đã sai một chiếc tàu đến để dò tình-thế Nam-kỳ. Sau ông ấy có viết một bức thư cho quan Toàn-quyền Pháp ở Ấn-độ để giục ngài quyết-định mau không thì sợ người Hồng-mao đang sắp-sửa tranh mất. Ông nói giá nước Pháp cho sang giúp chúa Nguyễn độ 2 trăm lính tây, một ít trái-phá và độ 300 quân *Cipages* thì sẽ gây được một cái mối lợi rất lớn. Song tòa thượng-thư ở *Versailles* vẫn không dám quyết-định, nên nhùng-nhẳng mãi việc cũng chẳng ăn thua gì.

Ấy vì cái chính-sách do-dự như thế, cho nên từ năm 1778 đến năm 1785, chính-phủ Pháp lại bỏ bẵng việc định thông-thương với nước ta. Mãi đến khi ông Bá-đa-lộc về thì mới lại nghĩ đến việc ấy. Ông ở nước ta ra đi tháng chạp năm 1785, đến cuối tháng hai năm sau thì ông đến Ấn-độ. Ông nói ngay với ông COUTENCEAU DES ALGRAINS là người vừa được tạm thay ông DE BUSSY cai-trị 5 tỉnh mà nước Pháp còn lại ở Ấn-độ, xin ông ấy cử-binh sáng giúp chúa Nguyễn. Nhưng ông COUTENCEAU trả lời việc ấy cần phải có lệnh vua, chứ ông không dám tự-quyết. Song ông ấy có bảo ông Bá-đa-lộc rằng trong khi đợi lệnh Triều-đình thì ông ấy có thể sai một người đi một chiếc tàu đến tại Nam-kỳ để xem xét công-việc nên làm thế nào. Ông Bá-đa-lộc thấy nói thế thì trả lời rằng việc giúp chúa Nguyễn là việc cần-kíp, nếu không làm ngay thì hỏng mất. Ngày 8 tháng bảy năm 1785, ông Bá-đa-lộc viết một bức thư về cho quan Thượng-thư Pháp, thì ngài có cử ông SOLMINIHAC DE LAMOTHE là kỹ-sư về đàng binh xét việc ấy. Ngày 26 tháng giêng và ngày 25 tháng hai năm 1786, ông này có làm hai cái tờ trình, trong tờ ông có nói rằng : « Việc thông-thương ở Nam-kỳ là có lợi, mà muốn được cái lợi ấy thì cũng không tổn-hại gì là mấy : chỉ lấy 800 lính, 400 người *Cafres*, súng ống thuốc đạn giao cho một viên tướng thực giỏi có lòng khinh lợi là đủ giúp được chúa Nguyễn khôi-phục lại được giang-sơn. »

Song ông Bá-đa-lộc không thể đợi được giấy trả lời ở *Versailles* sang. Bấy giờ ông COUTENCEAU đã hết hạn quyền toàn - quyền. Ông CHARPENTIER DE COSSIGNY đã sang thay. Ông này tuy không rũ hẳn lời ông Bá-đa-lộc như ông COUTENCEAU, nhưng cũng không tự-quyết cái sự cứu-giúp dức Cao-hoàng được. Ông chỉ có thể để cho ông Bá-đa-lộc đi chiếc tàu buôn tên là *Malabar* về Pháp, tiền hành-phí thì nhà vua chịu mà thôi. Ông Bá-đa-lộc thấy ở *Pondichéry* không ăn thua gì thì lấy làm chán mà quyết - chí về Pháp. Xem trong các thư ông viết ngày tháng hai năm 1786 thì bấy giờ ông đã chán-ngán lắm rồi.

Tàu *Malabar* khởi-hành tháng bảy, chở ông Bá-đa-lộc, ông Hoàng-tử Cảnh, một ông tôn-thất và ba ông quan thị-vệ.

Trước khi tàu đi, ông COSSIGNY có viết về quan Thượng-thư một cái thư để trình ngài về việc ông đã cấp tàu cho ông Bá-đa-lộc về Pháp và dưới thư ông có nói đại-khái rằng : « Trong khi đợi lệnh ngài thì tôi có đồng-ý với ông CHEVALIER D'ENTRECASTEAUX cử viên thủy - tướng DE RICHERY đi chiếc tàu của nhà vua đến đảo *Poulo*

Panjang cùng với 34 người An-Nam đã theo ông Bá-da-lộc đến *Pondichéry*, để xét tình-hình Nguyễn-chúa bấy giờ ra sao. Ông De Richery khi đến *Poulo Panjang*, thì phải dò-la tin-tức rồi thông tin với Nguyễn-chúa bấy giờ lánh tại nước Xiêm, song đến bờ bể Nam-kỳ thì tiện dâu dỗ dẫy mà xem xét dân-tình, phong-tục và cái tình ái-mộ của dân bản-xứ đối với Nguyễn-chúa thế nào, tìm xem ở đấy có những sản-vật gì có thể buôn bán được cùng là những nơi mà quân có thể đóng được hay là lập được thương-cục, và vẽ địa-đồ các cửa bể mà tàu bè có thể đỗ được. Khi trở về vịnh nước Xiêm thì ông De Richery phải đón Nguyễn-chúa cùng quí-quyến xuống tàu đem về *Pondichéry*, hay là Nguyễn-chúa không muốn đi thì xem chừng hễ chỗ cù-lao ấy có thể ở mà chống-cự lại được với quân giặc thì để lại cho ngài ít người Âu-châu (*Européens*), lương-thực và súng-ống thuốc đạn. Nhưng trước hết ông De Richery hãy phải xem xét cái tính-cách và cái chí-khí Nguyễn-chúa thế nào, có được độ bao nhiêu quân-lính và về sau liệu có gì để mà đền bồi cho nước Pháp những sự tổn-phí về việc cứu giúp ngài. Nếu ngài là một người nhu-nhược, chí-khí tầm-thường, quân lính không được bao nhiêu mà lại do-dự không có lòng nhiệt-thành với ngài thì hãy về trình đã, chứ không được để cho Chính-phủ can-thiệp vào vội ».

Ông Richery khởi-hành tại *Pondichéry* ngày 4 tháng bảy, qua *Trengenu* rồi dỗ ở *Poulo-Panjang* để cho 13 người An-Nam và ông Paul Nghị lên với lại lương-thực đủ ăn 3 tháng. Ông ấy có hẹn ở đấy đến tháng chạp (1786) thì ông ấy về đón. Sau vì phong-ba bất-tiện ông ấy đi Phi-luật-tân chứ không đến Nam-kỳ. Ông ấy ở Phi-luật-tân ba tháng rồi đi Áo-môn. Sau ông Paul Nghị có thưa ông ấy đi buôn gạo riêng ở Áo-môn là xứ bấy giờ đang đói kém gạo bán đắt lắm. Ông Paul Nghị và mấy người cùng đi với ông dợi mãi ông Richery không được bèn làm một chiếc thuyền rồi thông tin cho Cao-hoàng biết rằng sắp có một chiếc tàu Pháp lại. Đức Cao-hoàng bấy giờ tuy có ý muốn sang *Pondichéry* nhưng lại có sự ngăn-trở không đi được, nên ngài có viết cho ông Cossigny một bức thư để nói cho ông ấy biết rằng ngài có nhận được của Nữ-hoàng Bồ-đào-nha và quan Tổng-đốc thành *Goa* một bức thư mời ngài xuống một chiếc tàu Bồ-đào, nhưng ngài không nhận lời, vì ý ngài chỉ muốn giao-kết với người Pháp thôi. Vả bấy giờ vua Xiêm đang có ý nghi ngài nên ngài cũng không thể đi tàu ông Richery được. Song ngài có hứa sẽ giao cho ông Richery một bức thư để đệ về ông Cossigny, rồi vài tháng sau ngài sẽ đi.

Bấy giờ ông Paul Nghị và những người đồng-hành với ông dợi mãi ông Richery không thấy, mà lương-thực thì hết, phải cùng nhau đến một cái đảo khác (có lẽ là *Kok kút*) mãi đến 21 tháng hai mới thấy tàu ông Richery lại. Ông Paul Nghị nói với ông ấy chở đức Cao-hoàng đi, nhưng ông ấy từ chối, sau đến xin ông ấy gửi lại cho đức Cao-hoàng một người cầm máy tàu, ông ấy cũng không thuận, ông ấy cũng không để cho ông Paul Nghị về với đức Cao-hoàng nữa và cứ bắt ông Nghị và những người An-Nam cùng đi với ông ấy trước phải về *Pondichéry*. Lúc về đến nơi thì ông Bá-đa-lộc đã về đến Pháp rồi. Ông Cossigny và ông Entrecasteaux thấy ông Richery chưa làm được trọng những điều hai ông ấy đã dặn thì lại định cử ông ấy đi lần nữa. Ngày 24 tháng 7 năm 1787 chiếc tàu *Marquis des Castries* đi năm trước lại khởi-

hành. Ông RICHERY muốn lại mang ông Paul Nghị đi, nhưng ông này thấy lần trước đã thế thì sợ, phải trốn sang *Madras* đến hai tháng sau mới lại về *Pondichéry*.

Bấy giờ đức Cao-hoàng không thể làm thế nào được, đành lại phải lánh sang Vọng-các để chờ ông Bá-đa-lộc về. Ngài đến nơi năm 1785 thì đến năm 1786 ngài giúp vua Xiêm dẹp loạn Diến-điện. Vua Xiêm thắng được trận, thì lại muốn cử binh giúp ngài về lấy Gia-định để trả ơn ngài. Song ông Nguyễn Văn-Thành can ngài không, nên để cho quân Xiêm vào nước lần nữa. Ngay thời ấy nước Xiêm lại bị người Mã-lai vào quấy loạn, vua Xiêm lại phải nhờ đến đức Cao-hoàng, thì ngài lại cử ông Lê Văn-Quân đi giẹp giặc, chẳng bao lâu được yên. Bấy giờ ông Hồ Văn-Nghị mới đến được Vọng-các báo tin cho ngài biết rằng ông Bá-đa-lộc đã về Pháp rồi. Đến cuối tháng ba sang tháng tư năm 1786 ông Tống Phúc-Đạm đến báo tin cho ngài biết tình-thế Tây-sơn ở nhà và tâu với ngài nên cất binh về đánh. Đức Cao-hoàng sợ vua Xiêm ngăn-trở không cho về, nên ngài phải để cho gia-quyến xuống thuyền đi trước, còn ngài thì đến ngày 13 tháng tám năm 1787 nửa đêm ra về. Ngài phải tạm-lưu Quốc-thái và Hoàng-hậu ở đảo Phú-quốc, rồi ngài về thẳng Long-xuyên, ở Long-xuyên ngài lại kéo quân lên Sa-đéc và Vĩnh-long, thế quân thắng lắm. Đến ngày 7 tháng chín thì ngài lấy được Sài-gòn.

Cùng ngay năm ấy vào đầu tháng hai tây ông Bá-đa-lộc tới *Lorient* là cửa bể nước Pháp. Đến nơi ông viết ngay thư cho quan Thượng-thư thủy-bộ thì ngài có phục-thư lại, trong thư có câu rằng : « Giá ngài hãy dợi lệnh vua đã rồi hãy mang những người ấy đến thì hơn ». Khi ông Bá-đa-lộc tới *Paris* thì ở các « *salons* » bấy giờ thấy Hoàng-tử còn trẻ tuổi mà phải bước gian-nan thì ai cũng động lòng. Nên đâu đâu cũng thiết tiệc mời ngài và các nhà văn-sĩ làm thơ tặng ngài. Còn ông Bá-đa-lộc thì gia-công hết sức cổ-động về việc cứu-viện và đi nói lót cả với các viên-chức có thế-lực giúp được ông. Nhờ được những các viên-chức ấy và những lời diễn-thuyết của ông với những các quan to trong các bộ, đến đầu tháng năm ông được vào yết-kiến đức Louis XVI. Những lẽ mà ông đem bày tỏ với vua để xin cử-binh sang Nam-kỳ thì cũng tương tự với những lời trình của ông POIVRE, ông PROTAIS LEROUX, ông CHEVALIER và ông DE ROTHE từ năm 1744 đến năm 1778. Ông hết sức nói cho vua và các quan Thượng-thư hiểu : một là cái việc mà ông về cầu-cứu vua là một việc đại-công-nghĩa ; hai là việc ấy có cơ dễ thành được ; ba là hễ thành được thì chúa Nguyễn sẽ cam-đoan nhượng cho nước Pháp mấy khu đất, được thế thì cuộc thương mại của nước Pháp tại các bể ở Á-châu sẽ có cơ lợi lắm. Ở các bộ bấy giờ cũng có người lưu-ý đến việc bàn của ông, nhưng cũng có người còn lưỡng-lự lắm, là vì bấy giờ tài-chính trong nước không được thịnh-vượng mấy, những việc gì mà không rõ là việc có ích-lợi thì không thi-hành được. Tuy nước Pháp bấy giờ cũng cần có một nơi thuộc-địa tốt để bù lại những chỗ đã mất, nhưng chưa biết Nam-kỳ có được là chỗ hữu-dụng không. Đất ấy ở xa thuộc-địa Hồng-mao thì là một điều hay thật, nhưng hiểm nỗi xa *Ile de France* quá, ngộ khi loạn-lạc thì nước Pháp cũng khó mà tiếp-ứng được, vì người Hồng-mao ở *Poulo Penang* có lẽ không để cho người Pháp qua đường *Malacca* mà người Hòa-lan không để cho qua đường đảo *La Sonde*. Như thế thì Nam-kỳ chơ-trơi một mình khó lòng mà

chống giữ được. Nhưng dẳng đồng-ý với ông Bá-đa-lộc thì cho những nơi nhượng-địa, cái độc-quyền thương-mại ở Nam-kỳ, cái địa-thế xứ ấy giáp nước Tàu và cái gương của người Hồng-mao đi lập thuộc-địa là những lẽ đích-đáng, nên ưng lời thỉnh-cầu của ông. Còn việc giúp Nguyễn-chúa là một việc đại-nghĩa, thì tuy triều-đình cũng có ý muốn giúp, nhưng lẽ ấy cũng không được hợp với cái phong-trào chính-trị nước Pháp bấy giờ. Lẽ đích-đáng nhất là phải biết rõ rằng việc cử-binh đi cứu giúp là không phí-tổn lắm mà lại có lợi thì mới được.

Ông Bá-đa-lộc hết sức bày tỏ các lẽ, mãi đến ngày 25 tháng 11 vua Louis XVI mới ý các bản thảo tờ giao-ước của nước Pháp với nước ta. Nhưng trước khi đem tờ giao-ước ấy cho hai bên ký với nhau thì bộ thuộc-địa có tâu với vua Pháp xin giao việc thi-hành cho ông De Conway quyết-định, vì ông ở Ấn-độ thì xem xét các lẽ được am-tường hơn.

Đến ngày 28 tháng 11 thì tờ giao-ước ký tại *Versailles*. Ngày 2 tháng 12 thì quan Thượng-thư viết thư cho ông De Conway nói rằng: « Nhà vua đã ủy-quyền cho ngài có thể tự-quyết hoặc cử-binh hoặc hoãn không thi-hành lệnh vua cũng được ». Trong thư ấy lại còn dặn ông De Conway phải cẩn-thận về cái món tiền 20 vạn đồng bạc mà Chính-phủ đã định đem dùng về việc ấy vì tài-chính của nhà vua bấy giờ đã sút lắm rồi. Nếu quyết cử-binh thì phải phòng trước hai kế: Một là hễ bại thì phải rút binh về *Ile de France*, mà hễ thắng thì ông De Conway phải trù-tính một cách cẩn-kiệm về việc lập thương-cục và binh-cục. Nếu không cử-binh thì cái món tiền 20 vạn đồng ấy không được dùng để làm việc gì cả. Xem như thế và những thư-từ của ông Montmorin là Thượng-thư bộ Ngoại-giao thì biết rằng tuy tờ giao-ước đã ký rồi, nhưng Chính-phủ Pháp vẫn lưỡng-lự không có ý quyết-định cử-binh.

Chiếc tàu *La Dryade* của ông Bá-đa-lộc và ông Hoàng-tử Cảnh đi ròng-rã 102 ngày đến mồng 8 tháng tư năm 1788 thì qua *Ile de France*. Quan Toàn-quyền đấy là ông D'Entrecasteaux tiếp-đãi ông tử-tế lắm. Nên ông lấy làm vui mừng mà mong rằng khi đến Ấn-độ ông De Conway cũng đãi ông được như thế.

Ngờ đâu ngày 18 tháng 5 tàu đến *Pondichéry*, sáng hôm sau ông lên yết-kiến ông De Conway xin ông ấy lấy tiền công cấp cho ông và hoàng-tử để tiêu dùng thì ông ấy từ chối ngay, sau ông Bá-đa-lộc nói mãi ông ấy mới chịu nghe lời. Ông lại xin ông ấy cho một chiếc tàu con đi báo tin cho đức Cao-hoàng biết thì ông ấy cũng lại nói thoái-thác đi chứ không nghe. Thế là tiền-đầu đã bất-lợi. Từ đấy ông Bá-đa-lộc và ông De Conway mang lòng hiềm-khích nhau. Sự hiềm-khích ấy sinh ra vì nhiều lẽ, nhưng dễ thường cũng tại một chút tình riêng. Nguyên khi ông Bá-đa-lộc đến *Pondichéry* thì ông đi thăm khắp mọi người danh-giá ở đấy, chỉ trừ có bà De Vienne là ông không đến. Bà này là phu-nhân một người tùy-tướng ông De Conway nhan-sắc lắm mà lại là tình-nhân ông nữa. Ông Bá-đa-lộc không những không đến thăm bà ấy mà lại thấy người ta bảo cần phải đến thì việc mới dễ thành thì ông mang lòng bi-bàng. Bởi thế bà De Vienne căm-tức xui ông De Conway hãy hoãn đừng thi-hành các công việc vội. Ông De Conway nể bà lắm nên cũng phải nghe. Ấy sử chép như thế, song cũng không lấy gì làm chắc.

Đến ngày 19 tháng năm ông De

Conway họp cả ông Saint Riveul và ông Moracin lại để bàn việc, thì ai nấy đều bảo phải đợi hai chiếc tàu chở khí-dụng và lương-thực đến và đợi ông Richery về xem sao đã rồi mới nghĩ việc cử-binh được. Mãi đến ngày 11 tháng sáu mới được tin ông Richery về, nhưng ông ấy lại không thể làm trọn được cái nghĩa-vụ mà ông De Conway đã phó-thác cho ông ấy. Ông Bá-đa-lộc thấy thế liền bàn với ông De Conway xin để ông về Nam-kỳ dò tin-tức để đợi hai chiếc tàu chở khí-dụng lương-thực đến thì vừa. Bằng ông De Conway không nghe thì ông xin ông ấy mang hoàng-tử và những người tùy-tòng ngài về Nam-kỳ, còn ông thì lại xin trở về Pháp. Nhưng ông de Conway cũng không thuận, chỉ khăng-khăng rằng: «Triều-đình sai tôi làm thế nào thì tôi làm thế, ngài đừng ngại.» Song cứ bình-tĩnh mà xét thì việc trì-hoãn ấy chẳng qua là tại các quan Thượng-thư bên Pháp còn do-dự, chứ nếu các ông ấy ra lịnh nhất-quyết thì ông de Conway cũng không trì-hoãn được.

Ngày 26 tháng sáu, ông Bá-đa-lộc viết một bức thư về cho quan Thượng-thư biết cái tình-hình ông bấy giờ ở Ấn-độ. Ông xin với Chính-phủ cử người sang thay ông de Conway vì theo ý ông thì ông này không đủ tư-cách mà thi-hành cái việc ông bàn. Đến ngày 30 tháng bảy ông lại gửi một cái thư nữa về bộ để giục.

Còn ông de Conway thì đến tháng tám lại sai ông Kersaint đi một chiếc tàu đến Nam-kỳ để do-thám tình-hình ở đấy. Bấy giờ ông lại nói chắc rằng: «Việc cử-binh giúp chúa Nguyễn thì tốn đến gấp sáu lần cái món tiền đã định mà lại không có chút lợi gì cho nhà vua cả».

Đến tháng ba năm 1789 ông Kersaint đi về. Ông Paul Nghị có gửi ông ấy đưa về cho ông Bá-đa-lộc một bức thư trong có nói rằng «Bây giờ Nguyễn-chúa đã lấy được 5 tỉnh phía Nam rồi và ngài có thể mộ được 7, 8 vạn binh; về đàng thủy thì ngài sắp có đến 50 cái thuyền ô, 2 chiếc tầu lớn và 4, 500 chiến thuyền. Song ngài chỉ ước được thêm một đạo binh nào đến nữa để cho vững lòng dân». Được thư ấy ngày 18 tháng 3 năm 1789, ông Bá-đa-lộc lại viết một bức thư để xin ông de Conway gửi cho Cao-hoàng một chiếc tầu to, một chiếc tàu nhỏ và mấy chiếc tầu đủ chở lấy 500 người lính, 50 tên pháo-thủ, 50 người *Cafres* và 6 khẩu đại-bác cùng là thuốc đạn. Ông có nói rằng: «Nguyễn-chúa sẽ chịu tiền phí-tổn nuôi quân lính thủy-bộ, và nếu nước Pháp định bỏ việc cử-binh sang giúp ngài thì ngài cũng xin chịu cả những khoản chi tiêu về mấy chiếc tầu cùng quân lính súng ống vừa nói ở trên.»

Song ông de Conway cũng không nhận lời ông Bá-đa-lộc. Chẳng những thế, ông lại còn viết thư về Bộ để bác ông Bá-đa-lộc đi. Bởi thế bên Pháp quyết-định không thi-hành tờ giao-ước nữa. Cứ xem như cái câu quan Thượng-thư phê vào cái tờ bẩm của ông Moracin ngày 20 tháng 7 năm 1788 thì đủ biết. Ngài phê rằng: «Tôi đã thay mặt Hoàng-thượng mà tư cho ông de Conway hoãn việc cử-binh đến Nam-kỳ rồi.» Đến ngày 25 tháng giêng năm 1789, khi bộ thuộc-địa hỏi quan Thượng-thư về cách trả lời ông Bá-đa-lộc bấy giờ thì quan Thượng-thư có nói: «Tôi đã tư cho ông de Conway về việc ông Bá-đa-lộc rồi và tôi có bảo ông ấy để cho Hoàng-tử cùng những người tùy-tùng muốn đi đâu thì đi, còn ông Bá-đa-lộc thì để cho ông ấy về Pháp, tiền lộ-phí nhà vua chịu».

Bấy giờ ông Bá-đa-lộc đợi mãi ở

Pondichéry không thấy ăn thua gì mà lại nghe tin đức Cao-hoàng đã hơi thắng, thì ông bãi việc về Pháp mà định về với đức Cao-hoàng. Đầu năm 1790 ông có đệ về cho Chính-phủ Pháp một bản dịch một bức thư trong có ấn và chữ ký của đức Cao-hoàng gửi cho vua Louis XVI để cảm ơn nhà vua đã lấy lòng thành-thực đối với ngài, và nói cho vua biết rằng quan Tổng-đốc Pháp ở Ấn-độ là người «không biết tiến-thoái», nên chưa đưa lại cho ngài những khoản nhà vua đã hứa giúp ngài. Ngài lại nói bấy giờ ngài cũng không cần đến những khoản ấy nữa vì là nhờ được tấm lòng ái-mộ của dân ngài đã thu-phục được một phần lớn trong nước rồi, mà binh-quyền thủy-lục của ngài cũng đã được khá. Sau hết ngài lại có nói với vua Louis XVI hễ xét xem trong nước ngài có gì dụng được ích-lợi thì cứ dùng.

Ngày 11 tháng bảy năm 1788, trước khi về với đức Cao-hoàng thì ông Bá-đa-lộc có viết cho ông DE CONWAY một bức thư, trong có câu rằng: « Nếu ngài không ưng để cho tôi đi, thì về sau tôi sẽ cho ngài biết cái tài-sản tư một mình tôi có thể dùng để mà đi cho được ích-lợi. »

Vậy ông Bá-đa-lộc trông vào đâu lấy tiền mà dám nói quả-quyết như thế? Lúc ông ở Pháp khởi-hành thì Chính-phủ có giao trả 30.000 *livres* là số tiền ông đã xuất ra trước để đưa ông Hoàng-tử Cảnh về Pháp. Nhưng sau ông lại tiêu dùng về hoàng-tử mất hơn 40.000 *livres* rồi quá cái số tiền mà đức Cao-hoàng đã gửi ông lúc ở nước ta ra đi, thì ông định xoay vào đâu được tiền để mà lo liệu về đường giúp đức Cao-hoàng nữa. Đó là một điều rất khó. Song ông đã trông về những nhà buôn Pháp có đại-tư-bản ở *Pondichéry* và *Ile de France* rồi. Xem trong cái tờ của dân các thuộc-địa ấy gửi về Bộ ngày 2 tháng chạp năm 1790 thì biết rằng có nhiều người đã biểu-đồng-tình với ông Bá-đa-lộc. Trong tờ ấy có câu nói rằng: « Các nhà buôn to sẵn lòng xuất tư-bản giúp ông Bá-đa-lộc làm trọn cái việc của ông, vì là một việc có cơ đại-lợi cho nước lắm. » Vả trong sử cũng có chép rõ tên hai người Pháp: Một người ở *Pondichéry* tên là LOUIS MONNERON và một người ở *Ile de Frane* tên là CHARPENTIER DE COSSIGNY, là hai tay có thế-lực đủ giúp được ông Bá-đa-lộc. Sau nữa đức Cao-hoàng khi ấy cũng đã có tiền mà chi-dùng về việc mua tàu bè súng ống được.

Bởi thế, bắt đầu từ tháng tám năm 1788 đã có mấy chiếc tàu tây lục-tục đến Nam-kỳ. Thoạt tiên có tàu *La Dryade* đến đỗ ở *Poulo Condore*, trong tầu có ông Paul Nghị, mấy người An-Nam, và một nghìn khẩu súng mua cho đức Cao-hoàng. Sau lại có hai chiếc tầu tên là *la Garonne* và *le Robuste* ở *Ile de France* chở súng ống đến. Chiếc tàu *Garonne* có chở đến 2 khẩu đại-bác bán cho các quan ta. Vào khoảng tháng 6 tháng bảy năm 1789 lại có chiếc tàu *le Moyse*, *le Capitaine Cook* và chiếc *Saint-Esprit* có ông JEAN-MARIE-DAYOT đến. Ông DAYOT khi qua Áo-môn lại có mua hai chiếc tầu Bồ-đào-nha đem lại *Cap Saint Jacques* nữa. Cái tàu ấy có chở thuốc đạn và lương-thực đến Nam-kỳ. Đến tháng bảy năm ấy thì ông Bá-đa-lộc và ông Hoàng-tử Cảnh đi chiếc tàu *la Méduse* cũng tới nơi. Đức Cao-hoàng thân-hành đến tận Cần-trừ là cửa sông Sài-gòn đón. Ngài trông thấy ông Ba-đa-lộc và Hoàng-tử thì vui mừng không sao kể xiết. Ông Bá-đa-lộc lại rủ được nhiều người Pháp đến nữa, lắm người trước làm ở các tàu Pháp cũng bỏ theo ông mà đến.

Theo như lời ông FAURE thì hồi bấy giờ số thủy-quân nhà vua thiếu mất đến 359 người. Trong số ấy thì không rõ được bao nhiêu người đến Nam-kỳ hay là đến cả. Song ta hãy kể tên những người đã thật có công với đức Cao-hoàng. Trước hết thì có ông VICTOR OLIVIER đến ngày 19-9-1788. Ông tuy bấy giờ mới có 20 tuổi đầu mà thông-minh và có tài chỉnh-đốn các công việc lắm. Sau có những ông J.-BAPTISTE GUILLON, GUILLAUME GUILLOUX, THÉODORE LEBRUN, MAGON DE MÉDINE, JULIEN GIRARD, L'ISLE SELLÉ VANNIER, DE FORSANS, LAURENT BARISY và hai ông thầy thuốc là ông DESPERLES và ông DESPIAU. Trong bọn ấy thì ông DAYOT có công nhất, ông có rủ cả anh ông là ông FÉLIX đến nữa.

Bấy giờ thế Tây-sơn đã hơi nhụt, vì anh em Nguyễn Văn-Nhạc và Nguyễn Văn-Huệ đã mang lòng hiềm-khích nhau rồi. Nhân thế và nhờ được những tầu bè súng ống và các người Pháp của ông Bá-đa-lộc đem đến, đức Cao-hoàng liền tiến quân ngay. Nhưng đầu tiên thì ngài cũng chưa dám đánh bạo. Bắt đầu từ năm 1792 trở đi thì việc chinh-chiến mới thành kịch-liệt. Mặt thủy nhờ có ông DAYOT và ông VANNIER thì quân Tây-sơn bị thua ở cửa Toi-nại ; trên bộ thì ra thu-phục được Phú-yên. Nguyễn Văn-Nhạc bị thua chạy về Qui-nhơn, rồi bị vây, sau phải cầu-cứu đến cháu là Nguyễn Quang-Toản mới lên thay cha là Nguyễn Văn-Huệ vừa chết, mới thoát được. Bấy giờ ông Hoàng-tử Cảnh và ông Bá-đa-lộc đang bị vây ở thành Diên-khánh. Đức Cao-hoàng phải kéo quân đến đánh, quân Tây-sơn lại bị thua. Nói tóm lại thì thanh-thế Nguyễn-triều bấy giờ mạnh lắm, đánh đâu được đấy, duy có thành Qui-nhơn mãi đến năm 1802 mới lấy được. Nguyễn Quang-Toản phải bỏ chạy ra Bắc-kỳ. Đức Cao-hoàng sai quân đuổi bắt. Khi ngài lấy được cả Trung Nam-kỳ rồi thì ngài mới ra đánh ngoài Bắc. Ngày 22 tháng bảy năm 1802 ngài hạ thành Hà-nội. Giang-sơn nước Nam Nguyễn-triều khôi-phục được là từ đấy.

Thế là cái công-lao ông Bá-đa-lộc bấy giờ đã tới ngày kết-quả. Nhưng tiếc thay ! ông đã bao phen gian-nan, đã tốn bao nhiêu tài-trí để mưu đường giúp nước, mà đến khi thành-công, ông lại không được hưởng cuộc thái-bình vinh-hiển. Nguyên năm 1799, khi đang đánh thành Qui-nhơn, thì ông Bá-đa-lộc, phần thì mệt-nhọc vì lao-lực, phần thì không phục thủy-thổ, phải thụ bệnh.

Đức Cao-hoàng sai thầy thuốc đến thuốc-thang cho ông mà cũng không khỏi phải ra về. Lúc về ông có bảo rằng : « Thôi thầy đã dùng hết tài-trí của thầy để chữa cho tôi mà cũng không khỏi thì tôi xin thầy cũng đừng lấy làm phiền, tôi xin đa-tạ thầy. Thầy về tâu cho vua biết những sự mà thầy đã trông thấy ở đây, và nói cho ngài biết rõ rằng tôi không có lo sợ chút nào, để cho ngài biết rằng người Âu-châu lúc sống biết sống thì lúc chết cũng biết chết vậy. » Ngày 9 tháng 10 năm 1799, lúc ông sắp mất ông có nói rằng : « Tôi được từ-biệt cõi trần là nơi mọi người đều cho tôi là sung-sướng, thì tôi lấy làm khoái-lạc lắm. Bình-sinh tôi được các dân-tộc trọng-vọng, các bậc quan sang kính mến, các vua chúa quí yêu, nhưng tôi cũng không tiếc những cái vinh-dự ấy, vì đó là những cái phù-hoa khổ-sở mà thôi. Nay chết đến nơi tôi sắp được hưởng cõi an-nhân là cái sở-ước của tôi, nên tôi nóng lòng mong-mỏi lắm. Giá tôi sống mà còn ích-lợi gì được cho cõi trần này thì tôi cũng không ngại gì cái công-lao. Nhưng nay trời đã gọi tôi về thì thực là tôi được mãn-nguyện. » Nói xong, đến 10 giờ rưỡi sáng thì ông mất.

Đức Cao-hoàng được tin lấy làm thương tiếc vô-cùng. Ngài truyền rước linh-cữu ông về Gia-định, rồi đến ngày 16 tháng chạp thì làm lễ quốc-táng. Ông Hoàng-tử Cảnh đi trước linh-cữu. Đám ma kể đến 4 vạn người đi đưa. Đức Cao-hoàng, các bách-quan và đến cả quốc-thái, hoàng-hậu, hoàng-tử và cả các cung-tần cũng đưa ông ra đến tận huyệt. Táng ông tại cái vườn gần Sài-gòn mà lúc bình-sinh ông vẫn hay ra giồng giọt và ông đã định để sẵn làm cái sinh-phần của ông. Khi đưa ma đến huyệt thì đức Cao-hoàng có đứng đọc một bài viếng nghe rất thảm-sầu ; theo như lời một người Pháp bấy giờ nói thì « đến người không khóc bao giờ nghe cũng phải rớt nước mắt ». Sau ngài lại bắt làm một đạo sắc thêu vào một bức gấm để tặng gia-quyến ông làm kỷ-niệm. Đến tháng tám năm 1800 Ngài lại sai xây cho ông một cái mộ rất trọng-thể, trên dựng một tấm bia khắc những lời châu ngọc để kỷ-niệm cái công-đức của ông.

*
* *

Ấy, thưa các Ngài, cái công-lao ông Bá-đa-lộc đối với đức Cao-hoàng, và cái nguyên-nhân người Pháp sang giúp nước ta là thế đấy. Ông Bá-đa-lộc thực là một tay có công trong việc khai-thác nơi thuộc-địa này cho nước Pháp. Không có ông thì dễ thường nước Pháp không có ngày nay ở đây, mà cõi Đông-Pháp này có lẽ đã là một cái thuộc-địa của một nước nào khác ở Âu-châu rồi. Bởi vậy những nhà chép truyện, nhất là ông FAURE, có tiếc rằng : « Giá bấy giờ Chính-phủ nước Pháp mà sẵn lòng giúp ông Bá-đa-lộc thì có lẽ ông ấy đã lập nên cho nước Pháp thành cuộc bảo-hộ ở nước Nam ngay từ cuối thế-kỷ thứ 18 rồi, khiến cho về sau không phải dụng đến binh-lực mới thành công việc. » Nhưng dù thế nào mặc lòng, nay sự cũng đã rồi. Ta chỉ nên ghi nhớ rằng ông Bá-đa-lộc là người đã lao-tâm lao-lực trước nhất cho nước Pháp ở xứ ta và nhờ về cái công-lao của đức Cao-hoàng mà nước ta xưa kia biên-tiểu nay thành được một nước vĩ-đại, gồm được khắp cả ba kỳ. Cái thổi đất 339.965 nghìn thước vuông mà ta ở bây giờ tức là một cái hương-hỏa của các tiền-nhân ta đã tốn bao nhiêu mồ-hôi nước mắt mới lưu-truyền lại cho ta được. Nay ta được an-cư lạc-nghiệp ở cái đất này, thì ta phải làm thế nào cho khỏi phụ cái công-lao của các ngài và tránh cho khỏi cái tiếng là đàn con bất-hiếu mới được. Ta phải nhân cái chính-sách nhân-từ quảng-đại của nhà-nước Bảo-hộ mà gia-công hết sức làm thế nào cho nước ta mau thành được một nước phú-cường có thể chen vai với các nước văn-minh trên thế-giới. Tôi thiết-tưởng các Ngài cũng đồng-ý với tôi mà mong được như thế. Vậy tôi xin các Ngài cùng tôi một lòng thành-kính mà khẩn-cầu các bậc tiền-nhân ta « sống khôn chết thiêng » phù-hộ cho ta mau đạt được cái mục-đích cao-thượng ấy.

ĐỖ ĐÌNH-NGHIÊM

MẤY LỜI BÌNH-LUẬN VỀ VĂN-CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU

Một nhà đại-tư-tưởng nước Đức, ông GOETHE, có nói một câu rất sâu-sắc rằng: « Chỉ những công-cuộc nào vì cảnh-ngộ mà làm nên mới lâu bền được. » (*Les seules œuvres durables sont des œuvres de circonstance*).

Quyển *Kim-Vân-Kiều* nước ta thật là một quyển truyện vì cảnh-ngộ mà làm nên. Cụ Nguyễn Du là một người đa-tư đa-lự, biết thương-tâm vì những điều trông thấy, lúc sinh-thời hay gặp nhiều nỗi bất-bình uất-ức, đến khi sang sứ bên Tàu, trong lúc tha-hương cố-quốc, lặn suối trèo non, lại được biết truyện nàng Kiều là một người hồng-nhan bạc-mệnh; vì có những cảnh-ngộ ấy, nên quyển *Kiều* mới trở nên một áng văn-chương tuyệt-tác trong nền quốc-văn ta, và có lẽ lâu bền đến thiên-cổ.

Quyển *Kiều* xuất-hiện ra cũng là một sự ngẫu nhiên vậy. Ngẫu-nhiên là vì trước quyển *Kiều* chưa có sách nào hay bằng, mà sau quyển *Kiều* — kể đã được hơn một trăm năm rồi — cũng chưa có sách nào hay bằng. Cái đặc-tài của cụ Nguyễn Du về đường văn-chương như ở nước ta thật là không hai; khi nào đọc đến và hiểu-thấu được truyện *Kiều*, thì ai ai cũng công-nhận rằng văn-chương cụ từ xưa đến nay thật chưa chịu kém văn-chương nào.

Cái làn sóng thơ *Kiều* hình như lai-láng khắp cõi Nam. Trừ những câu ca-dao ra, thật không có quyển truyện nào phổ-thông trong đám dân-gian bằng truyện *Kiều*. Vì văn *Kiều* hay quá, nên những người nhà-quê không có học-thức cũng thích xem và thích ngâm-nga.

Nhưng nói đến cái hay của văn *Kiều* thì chưa biết thế nào mà kể được. Ta chỉ nên nhận rằng văn-chương *Kiều* có thể làm cái mẫu rất tốt cho văn-chương quốc-ngữ, và người nào làm văn cũng nên theo cách làm văn trong truyện *Kiều*, vì những câu thơ trong truyện đó đã tới được cực-điểm. Tôi xin nói quyết một lời rằng: « Mong được một quyển truyện nào hay hơn truyện *Kiều* là mộng-tưởng. » Cái trình-độ thơ quốc-ngữ đến như thế là tuyệt-đích rồi. Cái phần ngang thì họa may, cái phần hơn thì không có nữa.

. . .

Đây không phải nói về cách bố-cục trong truyện *Kiều*, cũng không phải nói về nhân-vật, duy chỉ nói về văn-chương, về cái hay của từng câu, từng đoạn, về cách dùng chữ khéo, về cái tài-tình, cái mĩ-thuật của văn-chương *Kiều*. Nhân tiện nói góp vài lời về cách làm thơ làm văn.

Văn tự lòng mà ra; có cảm-xúc đến tình-tình, đến tư-tưởng rồi mới có văn được. Cụ Nguyễn Du tất cũng vì cảm-xúc đến tình-tình, đến tư-tưởng mà làm nên truyện *Kiều*. Thân-thế cụ là thân-thế cô Kiều, cụ viết truyện cô Kiều, đó là thuộc về mối cảm-xúc. Cụ là người hiểu thấu việc đời, biết đau-đớn lòng vì những điều trông thấy, nên cầm bút viết là tả cái tình-tình, cái cảm-giác nó bắt-buộc. Ngoài hai điều ấy, còn phải có tư-tưởng, vì tư-tưởng là phần cốt chính của văn, có tư-tưởng thời văn mới lâu bền, ý-tứ mới sâu-xa, có tư-tưởng thời văn-chương mới có chân-lý.

Cái đặc-quyền của một câu văn là cảm-động được lòng người, cảm-động về cái hay, vì nếu không cảm-động được, thơ văn dầu luyện đến đâu, lúc đọc đến chỉ như dòng nước chảy xuôi, không để lại một chút gì vào trong tâm trí cả. Văn *Kiều* chắc không bao giờ như thế, vì văn *Kiều* cảm được lòng người; ai đã hiểu thấu được truyện *Kiều*, biết ngẫm-nghĩ về cái hay cái dở của nhân-tâm, thế-sự chắc đem lòng thương yêu người đời lắm. Cụ Nguyễn Du lấy cái khổ-sở, cái đau-đớn mà làm cho cái lòng thương nhân-loại như lai-láng thêm ra... Xem truyện *Kiều*, không phải chỉ thương một mình cô Kiều, mà thương chung cho cả mọi người đắm chìm trong bể khổ.

Những quyển sách nào có thể gợi lên trong óc người xem truyện một cái tình-tình gì tốt mới gọi là có giá-trị. Người nước ta còn thiếu bao nhiêu tình-tình

tốt, thế mà nào có được một quyển sách để di-dưỡng lấy những tính-tình đó! Cái vấn-đề này, những nhà làm sách ở nước ta bây giờ phải nên chú-ý đến.

Nay hãy nói đến cái hay của từng câu trong truyện *Kiều*. Giọng văn *Kiều* khi thì cứng-cỏi, sắc-sảo, hùng-tráng, não-nùng, cay-nghiệt, khi thì êm-đềm, nhẹ-nhàng, thanh-thú, mát-mẻ, dịu-dàng; văn *Kiều* thật là tả được hết ý, văn đã tả được hết ý là văn hay.

Nhưng câu thơ hình như gọt-dũa từng ly từng tý, đổi một chữ cũng không được, không biết cụ Nguyễn Du làm văn có phải khó-nhọc không, hay cụ chỉ đặt bút là câu nào ra câu ấy rồi? — Tuy cụ có thiên-tài và lại có cảm-xúc thật, nhưng cứ như ý-kiến tôi thiết-tưởng chắc phải nhiều công-trình lắm mới nên được những câu hay như thế; mà cái gì đã hay chắc không có thể làm mau mà xong được. Giá có cái bản thảo của cụ Nguyễn Du để làm thí-dụ cho cách làm văn thì hay lắm. Ông CHATEAUBRIAND có nói rằng. «Tôi khuyên ai nên khảo-cứu những cái bản thảo của các nhà viết văn giỏi. Ta sẽ tập dần cái tính hay sửa-đổi, hay gọt-dũa câu văn, tuy không chắc ngang bằng họ, nhưng ta thấy họ đập đập xóa xóa nhiều chỗ, ta cũng bắt chước được ít nhiều.» — Thật thế, câu văn muốn hay, chắc phải có công sửa-đổi; vì càng sửa-đổi lại càng thêm hay hơn lên. Chọn chữ, tìm ý, gọt-dũa, xếp-đặt, cân-nhắc, là cần cho sự làm văn lắm-lắm.

*
* *

Làm thơ mà biết cách dùng chữ như trong truyện *Kiều* tưởng cũng không phải là dễ, là vì nhiều khi một chữ cũng có thể làm yếu cái thế văn hoặc đổi hẳn cái giọng văn đi. Trong truyện *Kiều* chữ nào cũng cân-nhắc, so-sánh, đổi một chữ đi là kém hay ngay. Nhà làm văn nên có ý cẩn-thận, phải tìm chữ nào tả rõ ý, rồi mới nên dùng, phải so-sánh chữ nọ với chữ kia, nói ngắn lại là phải chịu khó.

Tôi kể ra mấy câu đây để làm thí-dụ hiển-nhiên rằng trong một câu thơ câu văn đổi đi một chữ thì nó khác nghĩa đi thế nào.

Trong *Kiều* như câu:

Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thừa,

vì có chữ *thơ* nên câu văn mới nổi giá-trị, mới có vẻ êm-ái và dịu-dàng, rõ ra lời nói của một người con gái đẹp còn trẻ tuổi; nếu bỏ chữ ấy chắc không chữ nào thay vào được.

Chữ *thơ* trong câu văn ấy tức là «một ngón tay lạ-lùng, chạm khẽ vào óc ta như chạm vào một sợi giây đàn, rồi trong linh-hồn ta như vang lên một tiếng thanh-tao». Tiếng thanh-tao ấy tức là dáng-điệu có vẻ đáng yêu của cô Kiều mà ta hình-dung ra khi đọc đến câu thơ đó.

Ấy một chữ cũng có thể thêm ý và thêm hay cho nên câu văn như thế; nhà làm văn nên cẩn-thận, vì nhiều khi có lắm cái vẻ đẹp nhuần-nhã ý-nhị, nhưng thường thường hay mong-manh và khó đạt tới.

Trong câu văn xưa nay, ta thường tránh chữ *thì*, chữ *mà*; hai chữ ấy không phải là không hay, song là vì khó dùng; thí-dụ trong câu:

Có tài mà cậy chi tài!

chữ *mà* đó dùng mới có giá-trị, vì câu thơ một nửa hình như lời than-vãn chán-ngán, một nửa như lời khinh-bỉ để khuyên-răn, nếu đem đổi là: có tài *chớ* cậy hay *đừng* cậy chi tài, thời chắc kém ý.

Chữ *cậy em* và chữ *chịu lời* trong câu:

Cậy em em có chịu lời,

dùng thật rất khéo. Cụ Nguyễn Du dùng chữ *cậy* có lẽ là muốn cho câu văn dễ đọc, vì nếu thay chữ *nhờ* vào thì chữ *lời* (nhời) với chữ *nhờ* đọc không thông.

Đáng lẽ dùng chữ *nghe lời*, cụ lại dùng chữ *chịu lời* cho nó mạnh ý, vì điều cô Kiều sắp nói cho em biết là thuộc về tình, nên chưa chắc em đã «chịu» lời cho. Nếu đổi câu ấy ra:

Nhờ em em có nghe lời,

chắc không còn ý-vị gì nữa; câu văn mất cả cái tinh-thần, cái khí-sắc, thành ra tầm-thường nhạt-nhẽo.

Chữ *tốc* dùng trong câu:

Tú-bà tốc thẳng tới nơi,

là tuyệt khéo. Ta dẫu chỉ nghe câu thơ ấy không thôi, cũng đủ biết rằng mụ Tú-bà giận dữ lắm, dáng-bộ hung-hăng vội-vàng. Chữ *tốc* nó có một cái sức mạnh lạ nhường!

Như chỗ nàng Kiều trèo tường để trốn khỏi *Quan-âm các* nhà Hoạn-thư,

Cất mình qua ngọn tường hoa,

chữ *cất* dùng ở đây cũng tuyệt khéo; vì ý nó mơ-màng, ta không biết rằng nàng Kiều văng mình qua tường, hay trèo qua tường. Ta chỉ hiểu, nhưng ta không tưởng-tượng được.

Trong *Kiều* như câu:

Lơ-thơ tơ liễu buông mành,

là nhiều người thích ngâm nhất. Ba chữ *lơ thơ tơ* nghe rất êm-tai; câu ấy hay về phần tưởng-tượng ít mà hay về phần âm-điệu êm-ái nhiều hơn. Còn như câu:

Nách tường bông liễu bay ngang trước mành

là hay về cảnh-sắc. Buổi sáng sớm, ai có nhìn bóng lá cây gió đưa bay ngang trước mành mới biết câu ấy là hay.

Mấy câu thí-dụ kể trên này là để chứng cái giá-trị của từng chữ; ta làm văn cũng nên lưu-ý đến.

Ông ANATOLE FRANCE bình-phẩm về văn ông LA FONTAINE có nói: « Ông thích từng chữ và ông biết chọn chữ. Có như thế mới là người viết văn giỏi được. Chữ tức là ý, muốn bàn luận cho chính-đáng, phải biết xếp đặt và dùng đúng chữ. » Cứ như lời tiên-sinh nói, thời cụ Nguyễn Du nước Nam mình cũng một tính như cụ LA FONTAINE nước Pháp. Thế nhưng đã mấy người được như cụ Nguyễn Du!

Nay cứ xét trong toàn-thiên truyện *Kiều*, ta thường hay gặp những « chữ đôi »; những chữ ấy cũng dự một phần khá to trong cách làm văn. Thí-dụ như hai câu:

Sợ lần-khân quá ra sớm-sỡ chăng....
Bâng-khuâng duyên mới ngậm-ngùi tình xưa...

toàn là những câu hay cả, mà hay cũng vì có những chữ: *lần-khân, sớm-sỡ, bâng-khuâng, ngậm-ngùi.*

Những chữ ấy thường khi lại đối nghĩa nhau nữa. Như hai câu:

Xem trong âu-yếm, có chiều lả-lơi...
Cho duyên đằm-thắm ra duyên bẽ-bàng...

Cụ Nguyễn Du biết khéo dụng những chữ ấy là lần đầu, trước cụ chưa ai dùng được tài-tình như vậy. Lại giỏi nữa là cụ biết tìm-tòi những chữ rải-rác ấy để « áp-dụng » vào câu văn, vì những chữ đó thật là khó tìm lắm.

Trong *Kiều* chắc lắm chữ trước chỉ thông-dụng trong đám dân-gian, sau Nguyễn Du mới đem dùng vào câu văn. « Suy như vậy thời không cứ thứ chữ nào, hễ biết dùng là có giá-trị ngay. Những chữ của bọn thường-dân, đối với người biết dùng chữ tức cũng như một kho vô-tận, không bao giờ thiếu-thốn, thiếu-thốn là tại người thôi. » Như những chữ *đấy đây* không mấy khi dùng làm văn, chỉ có ở trong những câu ca-dao mà thôi:

Muốn cho xum họp đấy đây một nhà...
Đấy vàng đây cũng đồng đen,
Đấy hoa thiên-lý, đây sen nhị-hồ.....
Rõ ràng đấy ngọc đây ngà,
Đấy hoa bạch-tuyết, đây hoa bích-đào.

Tuy vậy ở trong *Kiều* cũng lem-lỏi đưa vào mấy chữ *đấy-đây*, như câu:

Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây.

Nhưng trong *Kiều* có bốn câu thơ hay nhất nói về tiếng đàn, văn đến như thế thật là tuyệt khéo.

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.

Những tiếng: *trong như, bay qua, nước suối mới sa, khoan như gió, mau, mưa* toàn là những tiếng mà thanh-âm nghe trong vắt. Có người đem bốn câu thơ hợp vào đàn, nghe cũng hay hay.

Nhưng còn tiếng đàn mà gồm được hết nhiều cái giọng điệu thanh-tao như thế thì chắc không ai đánh được. Hay là chỉ tại trí người tưởng-tượng ra thôi: chàng Kim Trọng ngồi nghe một người thiếu-nữ xinh đẹp như cô Kiều đánh đàn, thế nào mà tiếng đàn chẳng nỉ-non thánh thót.

Tôi cũng tưởng-tượng ra một người đánh đàn giỏi, ngồi một mình trong chốn nhà tranh, ở nhà quê, về một buổi chiều mùa đông..... Ngoài vườn tĩnh-mịch chỉ có gió than-vãn... Người ấy ôm đàn mê-mẩn, mỗi một tiếng đàn như rung động cả linh-hồn, và cứ tưởng-tượng rằng những tiếng não-nùng ai-oán ấy nhẽ ở tận tâm-can tự-nhiên vang lên, hay nơi đâu xa-xôi, theo ngọn gió đông đưa lại. Trong lúc người ấy đánh đàn, văng vẳng có tiếng ai hát..... có lẽ là một người thiếu-phụ nào xa chồng thấy đêm đông

lạnh-lùng, nên nhớ thương mà bát lên để than-thở nỗi lòng.

Gió bấc than-vãn, tiếng đàn của khách tư-lự, giọng hát của người xa chồng trong cái buổi chiều tưởng-tượng ra ấy, như hòa với nhau, mà thành ra một âm-điệu lạ-lùng dễ cảm ; chỉ có cái âm-điệu ấy mới có thể gọi là xứng-đáng với câu văn tả tiếng đàn của cụ Nguyễn Du được.

« Khi nào một cái tiếng hay mất nghĩa cũ và ý hẹp lại hay sai đi thì cái phận-sự của người viết văn là phải hoàn-phục cái ý cũ rộng-rãi của nó lại. Nếu người viết văn có đặc-tài thì có thể làm cho cái nghĩa cũ ấy sâu-xa hơn hoặc áp-dụng vào câu văn một cách thần-tình ». (1)

Như chữ *thoi-thót*, trừ ở trong *Kiều* ra, tôi chưa thấy dùng ở đâu. Có người bảo *thoi-thót* là từng con một, có người bảo *thoi-thót* là như cái thoi ném, có người lại cho là *thơ-thớt* mà đem đọc lầm đi; nhưng cụ Nguyễn Du dùng chữ *thoi-thót* để nói về đàn chim bay về rừng thì thực hay lắm. Chữ *thoi-thót* nghĩa hay như vậy, sao lại ít người dùng đến ? Vậy cái phận-sự ta là phải đem « áp-dụng » vào câu văn. Trong câu :

Chim hôm thoi-thót về rừng,

chữ *thoi-thót* dùng để tả đàn chim hôm bay về rừng thật là khéo, vì chữ *thoi-thót* làm cho ta tưởng-tượng đến cái vẻ buồn của ban chiều ; có lẽ là tại chữ *thoi-thót* đọc hơi giống như chữ *thoi-thóp* chăng ?

Chữ *ngơ-ngác* chắc ai cũng biết nghĩa và thường dùng. Thí-dụ như nói : *thằng bé này ngơ-ngác, không hiểu chi-chi cả*. Cụ Nguyễn Du lại dùng để nói ngọn cờ :

Ngọn cờ ngơ-ngác.....

Thế nào là *ngọn cờ ngơ-ngác*, ngọn cờ bao giờ lại ngơ-ngác được ? Thế mà câu thơ lại hay. Chữ *ngơ-ngác* đây không chỉ nghĩa cũ nữa ; *ngọn cờ ngơ ngác*, nghĩa là không có thứ-tự hàng-đội gì. Dùng tuy có đổi nghĩa, nhưng câu thơ lại nói giá-trị. Ấy đã mấy người biết cách dùng chữ được như thế.

Lại như câu :

Kiều còn ngơ-ngẩn biết gì,

và câu :

Sớm ngơ-ngẩn bóng, đêm năn-nỉ lòng.

Hai chữ *ngơ-ngẩn* ấy nghĩa dùng có khác, một đàng là ngơ-ngẩn không biết gì, một đàng là ngơ-ngẩn bóng. *Ngơ-ngẩn bóng*, có lẽ là bóng thờ-thẩn và buồn-rầu chăng ? hay là vì có một mình cho nên *ngơ-ngẩn bóng* ? hay vì nàng Kiều không hiểu tại sao mình phải đến đây mà ngơ-ngẩn chăng? Nói ngắn lại là nghĩa còn ngờ lắm, nghĩa tuy ngờ nhưng câu thơ vẫn có ý-vị.

Ta thường nói *dang tay* nghĩa là nhấc hai tay lên, thí-dụ như : *dang thẳng cánh tay*. Trong *Kiều* như câu :

Chị em thơ-thẩn dang tay ra về,

chữ *dang* dùng cũng có khác nghĩa ; *thơ-thẩn dang tay ra về*, nghĩa là dắt tay nhau ra về.

Lá rụng, hoa rơi, đó là những chữ mà các nhà văn-sĩ vẫn thường dùng để tả cảnh-vật tiêu-điều về mùa thu, hay để dùng làm lời khóc-than viếng một người thiếu-nữ : « Than ôi ! lá rụng hoa rơi ! » Cụ Nguyễn Du dùng để chỉ nghĩa khác, nghĩa này có lẽ hay hơn :

Vội-vàng lá rụng hoa rơi.

là nói lúc chàng Kim Trọng phải từ-giã Thúy-Kiều vì nghe thấy tiếng người xôn-xao. Trong văn *Kiều* thường thốt-nhiên ra những cách dùng chữ tài-tình như vậy.

Ta phải nên nhận rằng cụ Nguyễn Du tuy dùng nhiều chữ như vậy, nhưng chưa hề bịa-đặt ra bao giờ. Thường thường những người viết văn giỏi không mấy khi mắc phải cái tật ấy, vì cứ tiếng thường cũng đủ dùng rồi. Chỉ hơn nhau về cách tìm và cách chọn chữ thôi. Nếu không có tài-tình, không chịu khó là kém ngay, chớ có kêu-ca rằng không đủ tiếng để mình dùng.

. . .

Làm văn cốt phải vắn-tắt, nghĩa là dùng ít chữ để nói nhiều ý, gồm cả bao nhiêu tư-tưởng vào một câu văn. Nhưng dễ thường chỉ trong truyện *Kiều* mới có

(1) *Le génie Latin. Quelques remarques sur la langue de La Fontaine.* (Anatole France).

những câu nhiều ý như vậy. Thí-dụ như hai câu :

Canh khuya thân gái dặm trường...
Sượng-sùng giữ ý dụt-dè. . .

Trong một câu thơ có sáu chữ mà nói được nhiều ý, tả được nhiều dáng như vậy, thật là khéo lắm. Ta làm văn nên vắn-tắt như vậy, đừng có rườm-rà thành rắc-rối khó hiểu ; văn rắc-rối đủ chứng rằng ý nghĩ cũng rời-rạc, không minh-bạch. Chỉ những người ý-tứ tầm-thường là muốn cho câu văn mình khúc-khủyu để người đọc khó hiểu ; những người có ý-tứ sâu-xa lại cố làm thế nào cho văn thật vắn-tắt, giản-dị, để người đọc đến dễ hiểu ngay.

Như trong câu :

Canh khuya thân gái dặm trường,

có sáu chữ thôi, mà ý-tứ rộng mông-mênh. Canh đã khuya, lại một mình thân gái trên con đường dài vô-hạn, thật là đủ tả cái sợ, cái buồn của một cô con gái nhà khuê-các, bỗng-nhiên phải lạc-loài, bơ-vơ nơi đất khách. Chung quanh mình nào biết có ai, trông ra chỉ mịt-mù dặm cát đồi cây, trong khoảng trời đất mông-mênh, chỉ một thân yếu đuối chống lại biết bao nhiêu điều gớm-ghê của tạo-hóa. Cho nên cái vẻ buồn của câu thơ : *Canh khuya thân gái dặm trường*, vẫn có nhiễm ý sợ-hãi. Câu thơ này cũng tựa-tựa như câu :

Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi.

Câu trên thì « *thân gái dặm trường* », câu dưới thì « *một mình muôn dặm* ». Cụ Nguyễn Du biết dùng một ý mà đặt ra hai câu thơ đều hay cả, mỗi câu nhiễm một cái vẻ buồn khác nhau.

Một hôm tôi được thừa-tiếp một cụ đồ nho ở nhà quê. Tôi hỏi cụ xem câu nào hay nhất trong *Kiều* ; cụ nghĩ một lúc rồi cụ cho câu :

Canh khuya thân gái dặm trường,

là vắn-tắt, là nhiều ý, là giản-dị, là cảm-động nhất.

Còn như câu :

Sượng-sùng giữ ý dụt-dè,

là thuộc về lối tả dáng, tả đến như thế thật là tuyệt khéo, khéo là vì dùng ít chữ mà tả được nhiều ý và đúng như thật. Rõ ra dáng-điệu một người con gái đẹp đứng trước một người lạ lần thứ nhất. Đã *sượng-sùng* lại *giữ ý, dụt dè*, đứng khép-nép, e-lệ cúi đầu mà lại có vẻ âu-yếm. Thật là tả rõ dáng-điệu hai người trai gái gặp nhau lần đầu.

. . .

Cụ Nguyễn Du lại dùng những ý có vẻ thơ. Như lúc cô Kiều dặn lại em, có nói rằng khi nào

Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu-hiu gió thì hay chị về.

Ý ấy có vẻ thơ lạ-lùng ; cớ sao trông ra ngọn cỏ lá cây thấy hiu-hiu gió thì biết rằng nàng Kiều đã thác và linh-hồn đã bay về đó? Ý ấy cũng là vì sự mộng-tưởng của tâm-trí con người ta vậy : vì linh-hồn là vật vô-hình, muốn biết linh-hồn cô Kiều về, lấy cái gì mà chứng-nghiệm ra được, nên vì linh-hồn cô Kiều hiện ra tất cũng như ngọn gió vô-hình lay động lá cây rồi thoảng qua đi mất. Đọc đến câu thơ ấy, trong tâm-trí như vướng một nỗi buồn, là buồn vì cuộc đời ngắn-ngủi, người trên đời phút chốc tan đi, chỉ còn một chút linh-hồn vơ-vẩn ; những đêm sáng trăng, ta đứng trước vườn, thấy ngọn gió thoảng qua, lay động lá cây, có lẽ là linh-hồn của những người đã khuất, nhân đêm khuya thanh-vắng đến than-vãn cùng ta chăng?

Lại như lúc cô Kiều sang nhà Kim Trọng lần thứ hai, Kim Trọng lúc bấy giờ đương

. . . . . Tựa án thiu-thiu,
Giở chiều như tỉnh, giở chiều như mê.

Nàng Kiều đi đến nơi ; gót sen làm cho Kim Trọng sực tỉnh dậy thấy

Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần...
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng...

Mấy câu thơ đó thật tả một chỗ tuyệt-thú và có vẻ nên thơ.

Lại như câu

Đóa trà-mi đã ngậm trăng nửa vành,

chắc phải có quan-sát nhiều mới làm được. Câu thơ hay nhưng hơi bạo một chút. Lắm người có quan-sát, song tỉ-mỉ quá, nên ý mình diễn ra có vẻ mới mà không hay. Như trong câu thơ này thì ý diễn ra rất mới mà lại rất hay : còn cảnh nào thú-vị và nên thơ bằng trông một đóa trà-mi in vào mặt trăng không ?

. . .

Trong *Kiều* nhiều chỗ cảnh với người có liên-lạc.

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ !

Người buồn, cảnh cũng buồn ; người vui, cảnh cũng vui ; non sông tất cũng như cái gương phản-chiếu của linh-hồn con người ta. Người buồn thì cho

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

người vui lại cho là non-sông hớn-hở tươi cười. Như lúc Thúc-sinh trở về với nàng Kiều, trông ra cảnh-vật cũng hình như chia vui với mình :

Long-lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

Kiều và Kim Trọng gặp-gỡ nhau lần đầu, khi hai bên từ-giã, cô Kiều còn trông theo, nhưng nào thấy gì đâu, chỉ thấy

Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.

Cụ Nguyễn Du đặt hai câu đệm ấy vào thật là tả rõ được cái buồn, cái nhớ của cô Kiều mà hình như cảnh-vật cũng âu-sầu.

Lại như chỗ nàng Kiều một mình đứng trên mui thuyền, trước khi dầm dầu xuống sông Tiền-đường,

Trông vời con nước mênh-mông,

để từ-giã cõi trần một lần cuối cùng nữa. Câu đệm ấy thật là đúng tâm-lý con người ta lắm, vì trước khi vĩnh-biệt cõi đời, dầu ai ai cũng vậy, trong lòng bao giờ cũng còn một chút tiếc thương. Vì có câu thơ ấy nên ta mới có thể tưởng-tượng được phong-cảnh sông Tiền-đường trong lúc bấy giờ. Ta đọc đến đấy, trong trí như trông thấy một chiếc thuyền con đi giữa khoảng sông nước rộng mênh mông ; trên mui thuyền in vào phương trời, có một bóng người con gái, quần áo phất-phơ trước gió, đương vào lúc ghớm ghê, nhất là lúc sắp từ-giã cõi trần. Người dầm dầu xuống nước, một tiếng động trong đêm thanh vắng, một làn sóng cuồn-cuộn, rồi dòng sông lại lờ-đờ chảy như thường, thế là xong một đời người. Thương thay !

Trong văn cụ lại còn có nhiều tưởng-tượng.

Ngọn triều non bạc trùng-trùng !
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.

Và mấy câu :

Dường như trên nóc bên thềm,
Tiếng Kiều đồng-vọng bóng xiêm mơ-màng.

Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.

Người làm văn nên chú-ý đến. Một nhà viết văn giỏi người nước Anh tên là WILLIAM SHAKESPEARE thường hay dùng lối văn như thế lắm.

Trong *Kiều* lắm khi dùng những chữ mạnh ý lắm.

Uốn lưng thịt đổ, rập đầu máu sa...
Dẫu rằng sương trắng quê người...

Cụ Nguyễn-Du lại dùng những chữ thô để làm cho mạnh ý. Người đọc đến không mấy khi ngượng vì chữ thô đó, là cái ý cả câu nó đè nén cái nghĩa của một chữ đi. Như mấy câu :

Bấy giờ mới nổi tam-bành mụ lên...
Tú-bà vắt nóc lên giường ngồi ngay...
Tú-bà tốc thẳng tới nơi...
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao...

. . .

Từ trên kia trở xuống là nói về cái hay của từng câu trong truyện *Kiều*. Câu văn gọt-dũa sắc-sảo, tô-điểm như một vật quí-báu, một đồ trang-sức, thật không khác gì những câu thơ của một nhà danh-sĩ cận-thời bên Pháp tên là JOSÉ-MARIA DE HÉRÉDIA. Nay nói đến cái hay của từng đoạn văn trong *Kiều*, đọc xong mỗi đoạn cảm-tình ý nghĩ thế nào.

Văn *Kiều* ý-tứ đã hay mà đọc đến lại trơn-tru lưu-loát. Có thế mới gọi là toàn được; vì nếu văn khúc-khuỷu, người đọc mất cái thú ngâm-nga và cái thú vui tai. Muốn cho văn trơn-tru, cần phải gieo vần cho hợp; tưởng thế cũng là một việc khó lắm, có khi nghĩ mãi mệt cả óc, lựa mãi mỏi cả mồm, cũng không tìm được một vần xứng-đáng. Ông Boileau trong một bức thư gửi cho bạn có nói về cái khó-nhọc tìm vần: « Chỉ tôi có khi mệt nhoài về nghề đó, cố công tìm toát cả mồ-hôi mà không sao tìm thấy ». Về phần cụ Nguyễn Du không biết cụ lựa vần có phải khó-nhọc thế không, hay cụ chỉ đặt bút là có vần rồi? Văn cụ không câu nào lạc-vận cả, nên đọc đến trơn-tru lưu-loát lắm. Câu văn như lướt theo tư-tưởng.

Văn cụ lại được cái tài-tình thay đổi giọng. Còn câu nào êm bằng câu:

Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.

Mạnh bằng câu:

Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô-tích, đạo vào Lâm-tri...

Cứng-cỏi bằng câu:

Lão kia có giở bài bây,
Chẳng văng vào mặt mà mày lại nghe.

Cay-nghiệt bằng câu:

Bề ngoài thơn-thớt nói cười,
Mà trong nham-hiểm giết người không dao.

Chán-nản bằng câu:

Thân lươn bao quản lấm đầu,
Chút lòng trinh-bạch từ sau xin chừa!

Văn *Kiều* thay đổi giọng rất khéo, người đọc đến không chán; như một con đường dài, nếu hai bên trông ra phong--cảnh bao giờ cũng giống nhau, chắc lâu không muốn nhìn nữa; cảnh-sắc phải thay đổi luôn; chỗ này một con sông, chỗ kia một cái đồi, người bộ-hành mới vui lòng mà đi đường không biết nhọc. Đọc một quyển sách cũng như đi một con đường, nên văn phải thay đổi giọng mới mong người xem vui lòng đọc hết truyện. « Sung-sướng thay những người nào có thể cứ nhẹ-nhàng mà câu văn đương ảm-đạm đổi ra êm-ái, đương bông-lơn đổi ra nghiêm-khắc ».

Tả cảnh như câu:

Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng,
Nách tường bông liễu bay ngang trước mành,

thật là rõ một buổi sáng mát-mẻ thanh-khiết, có tiếng oanh hót trong ánh sáng mùa xuân, có gió mát thoảng ngoài lay động bông liễu. Cảnh-vật chung quanh cô Kiều đều có vẻ nên thơ như thế cả.

Lại như nói lúc nàng Thúy-Vân nằm chiêm-bao thấy chị;

Đêm xuân trướng rủ hoa-đào,

câu tả-cảnh ấy ý mới-mẻ, êm-ái, nên thơ và rất hợp với lúc một cô con gái đẹp đương mơ-màng trong giấc mộng!

Trong *Kiều* như về nhân-vật, về luân-lý, về triết-lý, về cách tả người, tả dáng, tả tình, tả cảnh, v. v., đã nhiều người có kiến-thức, có tư-tưởng rộng nói đến, nên tôi không đem bình-luận làm gì nữa.

Đây gọi có mấy điều nhọ-nhặt nhận-xét được trong khi ngâm-nga thơ *Kiều*. Vậy tôi cũng bắt-chước như trăm nghìn người trước tôi, ca-tụng truyện *Kiều* một vài câu:

Truyện *Kiều* thật là một tấm gương luân-lý thiên-cổ, một cái thú giải buồn cho người thích ngâm thơ, một cái thú gợi buồn cho người buồn, một bức tranh vẽ cuộc đời cho người biết nhân-tình thế-thái, một quyển bói cho người hay tin, một tập văn mẫu rất bổ-ích cho người làm văn.

Nòi-giống Việt-Nam còn, văn-chương Việt-Nam thịnh, thì không bao giờ là không có người biết đến truyện *Kiều* và thảm-phục cái đặc-tài của cụ Nguyễn Du.

Ở chốn thôn-quê, đêm sáng trăng, nghe tiếng võng đưa trong một chiếc nhà tranh với tiếng ru con bằng những câu thơ *Kiều*:

Trăm năm trong cõi người ta...

dễ ai ai nghe đến cũng có một cái cảm-giác giống nhau, cảm-giác chung cho cả một quốc-dân vậy.

Nguyễn Tường-Tam.

MỘT TẬP DU-KÝ CỦA CỤ LÃN-ÔNG(1)

Thượng-kinh ký-sự

上京記事

(*Nguyên hán-văn dịch ra quốc-ngữ*)

III

CHƯƠNG THỨ IV
Hội tao-đàn lần thứ nhất ở trong Kinh

Bấy giờ trong Kinh người ta nghe tiếng mà đến chơi với tôi nhiều lắm. Nguyên họ cứ truyền-ngôn đi rằng: Tôi là một người mà đại-thần cử-tri, Thánh-chỉ tuyên-triệu, thì họ ngờ tôi có cái kỹ-tài gì ở nơi nham-huyệt; còn sự làm thuốc thì họ cho là cái nghề mọn có kể chi. Bởi thế các cậu tấn-thân-đệ-tử cùng các thầy nho-học-trung-nhân, ngày nào cũng rủ nhau từng bọn hỏi thăm đến chơi, người thì đàm-kim thuyết-cổ, kẻ thì luận lẽ thấp cao trong y-đạo, thật là chè không vơi chén, khách vẫn đầy giường. Trong những khi đó tôi phải thù-tạc với đời rất là bấn-bít. Có một hôm có bốn ông là: một quan Viên-hình Bật-trực 員刑弼直, người An-toàn 安全; một viên Giám-sinh 監生 tên là Hằng 恆, người Nôn-liễu 嫩柳; hai anh em ruột quan Huấn-đạo 訓導, người Đông-điệp 東疊, một ông là Dự 預, một ông là Vụ 務; một thầy Giám-sinh nữa người Sơn-tây hiệu là Thanh-hồ 清壺; một thầy có chân hội Sơn-nam-thi-xã hiệu là Thúy-anh 翠英; cùng với mấy người dật-sĩ cùng đem rượu đồ nhắm đến chỗ nhà trọ tôi giở ra các ông chén với nhau rồi hỏi tôi rằng: « Nghe Tiên-sinh đã thâm-minh về tính-mệnh-chi-học mà thơ lại có cái vẻ Lý Đỗ phong-lưu, tất có nhiều bài hay; xin Tiên-sinh đừng tiếc lời vàng ngọc mà cho vãn-bối chúng tôi được ngó thấy cung-tường, nên chăng? » Tôi thưa rằng: « Thơ là để nói cái chí mình, chí phải hình ra thơ, túng-sử có trộm làm được một đôi bài vở nào thì cũng là lời thô nghĩa hủ cả, có đâu dám múa rìu qua trước mắt thợ, để các ngài cười. » Các ông ấy nói: « Tiên-sinh đừng nên quá khiêm, đạo-đồng ý-hợp với nhau, hà-tất phải kỳ nề. » Tôi bèn lấy bài thơ « Cảm hoài tự-tự ở dọc đường khi phụng-chỉ phó Kinh » ra cho các ngài xem. Quan Viên-hình nói rằng: « Thơ này đạm mà có ý-vị, hòa mà kiêu, không nói chữ *quí* mà nói chữ *phú*, thật là ý tại ngôn-ngoại, mà nghe ra hàm-súc bất-tận. » Các thầy Giám-sinh nói: « Nhất mạch yên-hà khí-vị, thật là một bậc ẩn-giả. » Đến chiều tan tiệc đều về. Hôm sau mỗi ông cho một tên gia-đồng đem một phong thư lại, tôi bóc ra xem thì đều là những thơ họa lại, tôi chép đủ cả để làm lưu-chiểu như sau này. (Sau này những thơ họa, bài nào hay thì mới dịch cả toàn-đề, còn bài nào không được hay thì chỉ chọn lấy những câu nào sảo-khả mà dịch, để cho đủ số thơ của người họa mà thôi).

1o — *Lời dẫn và một bài thơ họa của quan Viên-hình* (dịch 4 câu.)

— Tiên-sinh vốn cửa trâm-anh, bỗng vào nơi lâm-toàn, đã bao niên-tuế, một người thức thời-vụ thế, tất có chỗ cao-trác hơn, nữa là lại tàng-

(1) Xem *Nam-Phong* số 77, 78.

tu du-lãm trong trời bể bấy lâu, thực là một bậc lĩnh-tụ sơn-đầu cho đời, văn-bối tôi đâu kịp được. May nay được thừa-nhan tiếp chuyện, còn được mùi hương, vui mừng khôn xiết. Lại bấy lâu nồi tiếng cầm-đài (vì ông thấy tôi có cái đàn thất-huyền treo ở chỗ ngồi), cái phong-nhã khiến cho người ta cảnh-mộ mà không tự biết. Vậy xin nối điều một bài như sau này, tiên-sinh dung-nạp cho là may.

萬一金銖
丈髓沙視
烟桂銀響
霞光雪纓
方樂不去
外中爲練
身。物。貧。異。

Trút bỏ trâm-anh để luyện chân,
Cát vàng tuyết bạc phải đâu bằng.
Một hòm quế-truật thơ riêng vị,
Muốn trượng yên-hà rảnh chiếc thân.

Văn-bối : Viên-hình Bật-trực 員 刑 弼 直 bái-họa.

2° — *Lời dẫn và một bài thơ họa của Giám-sinh-Hằng* (dịch 4 câu)

— Quyển vàng lần giở chốn chi-đài, gió mát thoảng đưa ngày bán-hạ, ấy cái lạc-thú của ông là thế. Nay ông tuổi hạc càng cao, lại càng thêm cái chí cao-thượng, tôi may được hầu ông, ông cho xem một bài thơ thuật-hoài ở dọc đường của ông, kính đọc đôi ba lần, đủ hiểu cái lời cứng-cáp, cái cốt cao-siêu của ông. Nhưng tôi cũng hận cái hồn bạc-thạch, cái mây tử-hà ở chỗ cố-sơn nó làm lưu-luyến cho ông vậy. Xin nối điều phụng-họa như sau này :

贊爲堪元知從山縱
明調補備仁容野斷
君。五剩。參身。水客。琴
味不石棋

.....Cầm kỳ tục đoạn vui riêng thú,
Non nước thong-dong thoả tấm thân.
Những vị sâm linh trong tủ sẵn,
Nên đem điều-bổ giúp minh-quân.

Văn-bối : Nộn-liễu Lê-Hằng 嫩柳 黎恆 bái-thượng.

3° — *Một bài thơ họa của quan Huấn đạo anh* (dịch hai câu).

林泉倏爾清閒趣。
京國翩然道德身。

.....Bấy lâu rừng suối thanh-nhàn thú
Phút chốc kinh-kỳ đạo-đức thân.

Huấn-đạo Đình-Dự 訓導廷 bái-họa.

4° — *Một bài thơ họa của quan Huấn đạo em* (dịch 4 câu)

自琴非弓寓月供花
適鶴常旌閒窗勝窒
人。終典。乍身。無客。有
成 覺 色 香

Thơm nức non Hương người mến cảnh
Trong veo song nguyệt thú nhàn tâm
Cung-tinh lễ trọng không thường thấy
Cầm-hạc vui riêng chẳng bấn chân.

Huấn-đạo Đình-Vụ 訓導廷 務 bái-họa.

5° — *Một bài thơ họa của Giám-sinh Sơn-Tây* (dịch 4 câu)

太三巢爲會三明八
平皇許我心才體陣
君。四語。當身。天制。古
聖 爲 地 今

....Cổ kim bát-trận tinh nhiều thế,
Thiên-địa tam tài hội một thân...
Nhẫu bảo cụ Sào cùng cụ Hứa,
Tam-hoàng lại thấy thái-bình quân.

Sơn-tây Giám-sinh hiệu Thanh-hồ 清 壺 bái họa.

6° — *Một bài thơ họa của một hội-viên trong Cựu-thi-xã* (dịch 4 câu)

(Lúc tôi còn nhỏ ở trong Kinh có kết với mười mấy người anh em bạn

làm một thi-xã, nay trở lại thi vật đổi sao dời, chỉ còn vài người mà thôi).

故 庭 行 路 百 紫 三 青
知 卿 旅 上 戰 塞 宜 山
人。風 客。塵 身。饒 趣。樂
月 埃 他 我

Thăng luôn ải tía tha-hồ họ,
Thú mọn rừng xanh tự thích thân.
Trước sân phong-nguyệt người quen mặt,
Ngoài ngõ trần-ai khách mỏi chân.

Sơn-nam Đặng Huy-Trai đạo-hiệu Thúy-anh 山南鄧輝齋道號翠英 bái-họa.

Tôi xem khắp cả một lượt rồi tự nói rằng : « Ông Viên-hình này có cái phong-vị của nhà thi-gia ; Nộn-liễu Giám-sinh với Sơn-tây Giám-sinh cùng hai quan Huấn thì ra cái khí-vị nhà nho, nhưng chưa thoát tục. Còn thơ của Thúy-anh thì bông-lông buồn cười quá, nhưng cũng chép cả lại để xem cho vui. » Từ đó trở đi không ngờ cái bài thơ « Phụng chiếu đi đường tự-thuật » của tôi, họ sao truyền mãi đi, có khi ba ngày lại có một người đưa thơ họa đến, nhiều người không từng quen biết bao giờ cũng có thơ đưa đến họa, kể được nhiều lắm, nhưng chỉ chọn những bài kha-khá ghi lại mà thôi.

7o—Một bài thơ họa của quan huyện Cẩm-giàng (ông này là con quan Tả-binh Mai Sĩ-Uông 枚士汪 đã về trí-sĩ) (dịch 4 câu :)

以 窗 之 海 且 故 能 非
上 北 中 東 藏 寧 濟 有
人。義 地。超 身。道 世。功
皇 甸 德 名

....Chẳng có công-danh gì giúp thế,
Thà đem đạo-đức để yên thân.
....Bể đông quanh-quất từng quen tiếng,
Song bắc thanh-nhàn tạm gác chân....

Văn-sinh : Lan-nghị Ái-Liên-tử 蘭宜愛蓮子 bái-cảo.

8o — Một bài thơ họa của Nam-sơn Giám-sinh (dịch 4 câu :)

濟 濟 惟 廊 興 唐 皆 軒
吾 吾 所 廟 吾 虞 此 扁
君。民 遇。江 身。天 道。聖
亦 湖 地 賢

Thánh hiền Hiên Biền chung đồng đạo,
Bờ cõi Đường Ngu hệ một thân....
Lang-miếu giang-hồ tùy gặp-gỡ,
Giúp ngô-dân cũng giúp ngô-quân.

Văn-sinh : Liên-đình-tử Trần Nguyễn-Thuyên 蓮亭子陳阮佺 bái-cảo.

9o — Một bài thơ họa của quan cựu Thiêm-bình (dịch 4 câu) :

剩 喜 風 雲 遭 際 會。
皋 夔 爲 佐 舜 爲 君。

Rồng mây gặp-gỡ nay vừa hội,
Vũ Tắc hiền-thần Thuấn thánh-quân.

Thiên-phúc-thị Thuật-trai 天福氏述齋 bái-cảo.

10° — Lời dẫn và một bài thơ họa của quan Huấn-đạo phủ Tam-đới (dịch 4 câu)

— Bữa nọ, nhân đi thăm bạn, may được thừa-nhan, kính hỏi ra thì Ngài là một bậc trâm-anh hoa-trụ, toàn-thạch tiên-ông, trong nhà luyện linh-đan mà động đến cung-tinh xuống triệu ; lại được xem một bài thơ dọc đường, không những cái thanh-phong cao-trí, đáng thán-tưởng thay cho thế-đạo, mà lời thơ lại đạm mà ý-vị, thật mà văn-hoa, thực là những bậc tao-ông trong rừng hàn-mặc cũng ít theo được. Văn-sinh tôi hâm mộ vô-cùng, kính theo nguyên-vận một bài, gọi là múa rìu trước mắt thơ để bày cười vậy.

回 春 水 石 舒 雙 眼。
寄 世 參 芙 任 一 身。

Hồi xuân non nước bừng đôi mắt,
Thọ thế sâm kỳ nặng một thân....

Văn-bối : Huấn-đạo phủ Tam-đới Thìn, 三帶府訓導。辰。bái-họa.

11° — *Lời dẫn và một bài thơ họa của một người làng Thổ-khối* (dịch 4 câu) :

— Khách tôi một buổi sáng kia được đọc trộm đôi lời vàng ngọc, cũng đủ biểu cái phong-vận rồi. hà-tất phải trông thấy người mới biết được cái cao-trí. Ôi ! tuy thế nhưng chưa được mừng mặt một lần thì vẫn cứ ân-hận là tạo-vật vô-tình vậy. Dù thế mặc lòng, chưa tiếp dong-quang mà trộm nghe tiếng ngọc thì cũng là may rồi, bởi cái tính ái-tài mà bất-giác càng thêm yêu mến. Vậy kính theo nguyên-vận nối một bài để tán-dương, vẫn biết âm-vận thô-quê, không đủ sánh với những khúc ngọc-hồ xuân-họa, mà tấm thành tưởng-vọng đến bao giờ không có thể nín vên đi được. Cho nên không kịp so hay dở, xin Ngài xem đến lấy tình mà chiếu-tình cho, chớ đừng lấy cái sự công-chuyết trong thơ mà phụ lòng mới phải.

社稷身。今日朝廷。軒岐學。少年鵲。不宜貧。如公道。認得抱真。一眼。英雄

Con mắt anh-hùng nhận đã chân.
Như ngài vui đạo há lo bần.
Thủa nhỏ Hiên-Kỳ đà quyết chí,
Ngày nay triều xã đáng nên thân.....

Thổ-khối, Tồn - khiêm - tử 土塊存謙子 ảnh họa.

12° — *Lời dẫn và một bài thơ họa của quan Vĩnh-ninh-châu* (dịch 4 câu) :

(Tôi có soạn 3 quyển sách « Châu-ngọc cách-ngôn », không biết ai đưa cho ông này mà ông ấy đã kể ra ở trong lời dẫn này).

— Từ được đọc trộm sách « Châu-ngọc cách-ngôn », bấy lâu vẫn thần đạo trên tờ giấy mà cảnh-ngưỡng là dường nào ! Tự thẹn cái thân làm tôi-tớ cái hình, nên chưa được thừa-nhan, chỉ xa nghe đôi lời giáo-ích ở ngoài cho thư cái tình nhớ mến. Vậy gọi có mấy lời quê-kệch để tỏ nỗi lòng, nếu ngài hạ-cố mà dạy bảo cho thì may lắm.

懶投人。峽成。堪珠玉。秘發極。自在軒。明月清岐。無多非。晚松早菊

Tùng trưa cúc sớm là xong việc,
Gió mát trăng trong tự-thích thân.
Mấy lời châu-ngọc còn ghi sách,
Một cửa Hiên Kỳ sớm nhẹ chân.

Ninh-dương - phiên, Lương - nhu 寧陽番。良孺 bái-thư.

13° — Một hôm thị-nội Tả-quan 侍左官 thoái triều về, ra nhà trọ tôi chơi nói chuyện. Ông bảo tôi rằng « Cụ nức tiếng ở trong kinh-kỳ này, không những người xin thuốc, kẻ chữa bệnh, đến những bạng danh-gia tử-đệ cũng đều tưởng mến cái cao-phong của cụ, còn nhiều người mộ mà muốn đến hầu. Bữa nọ ở trong dinh quan Tiền-hùng tả-quân có thấy nói bài thơ của cụ, ai xem cũng lấy làm hay, tôi tuy là vũ-nhân bất-học, cũng biết lấy làm thích, vậy xin họa một bài bỡn cười cho vui ». (dịch 4 câu :)

保身。若危。舒眼。玄黃。不笑。道貧。得賦富。充真。性爲來

Phú dữ từ xưa vẫn tính chân,
Chứa-chan đạo-nghĩa phải chi bần.
Bầu trời cười-cợt thư đôi mắt,
Lũ trẻ an-ngu hệ một thân.

Hàm-xuyên-hầu 邯川侯 bái-họa.

Tôi đọc đi đọc lại mãi rồi nói rằng « Không ngờ thơ của quân-hầu sẽ diệu đến thế này, tôi từ nay biết thế

ra một cái phép làm thơ. » Còn đang cười nói với nhau, bỗng thấy quan Hùng-tả-quân đẩy cửa vào, vừa cười vừa nói rằng : « Hai ngài đang cao-ngâm lẫng-tụng, thực thú lắm nhỉ ! Tôi cũng có một bài thô-chuyết xin đem đến hiến-tiếu đây. » Bèn rút ở trong tay áo ra, Hàm-xuyên-hầu nâng lấy xem trước. Nguyên Hùng-tả-quân là con nuôi Ngô Hoàng - giáp người Lai-thạch 萊石 làm Thự-trấn Lạng-sơn mới qua đời, trước Hùng-tả đã đi thi được cử làm Giám-sinh trường Quốc-tử, sau có việc « trần-ngôn » được xứng-chỉ, đặc-ban cho chức Hùng-tả-quân. Khi còn ở Hoan-châu ông có lai-vãng thư-trát với tôi mấy lần mà chưa tiếp nhau bao giờ. Lúc tôi tới Kinh, ông đã tìm đến thăm, nhưng vì có công-sự lại phải đi xa, nên nay mới đến chơi được. Hàm-xuyên-hầu xem xong khen nức - nở mãi, tôi lại nâng lấy mà xem, thấy lời dẫn với thơ mà giật mình lên nói rằng : « Ông xem thấy bài thơ tôi ở đâu ? » Hùng-tả-quân cười mà rằng : « Tiếng tôn-thúc lừng-lẫy cả trong triều ngoài nội mà bài thơ ấy đến đưa cho trẻ con trong Kinh này nó cũng thuộc nữa là tôi. » Vì tôi với tiền Hoàng-giáp là chỗ thế-giao, ông xưng tôi là thúc. Tôi cười rằng : « Quân-hầu nói làm chi cho tôi thêm thẹn. » Rồi lại tự nghĩ rằng : « Người này vẫn có tiếng hay thơ cho nên lời lẽ thanh-tân, thật là thi-gia phong-vị. » Sau khi câu chuyện vẫn, ấm trà tàn, lò hương vừa nguội, tiệc khách hồ tan, nhân chép lại để ghi cuộc giai-thắng như sau này :

14°. — *Lời dẫn và một bài thơ của Hùng-tả-quân dịch cả bài :*

— Kể từ bên sông chia rẽ, chốc ngoại hai-mươi năm trời, họp mặt dãi lòng, những mong chưa phỉ, bấy nay lật-đật, luống những mến trông, vậy xin kính theo nguyên - vận :

昕 何 乘 翔 書 幽 年 自
夕 緣 軒 匀 餅 懷 來 少
將 重 鬱 覽 事 只 同 神
相 訂 祿 鯨 知 解 病 交
祝 香 我 公 誤 像 又 意
聖 山 如 是 此 閒 同 氣
君。會。人。鳳。身。處。貧。眞。

Từ nhỏ thần-giao ý-khí chân,
Mà nay đồng-bệnh lại đồng-bần (1).
Chút lòng lười nọ đà quen nết,
Cái bánh vẽ kia lỡ đến thân.
Bay cao nghìn nhận ông là phượng,
Theo hút trăm quan chán chậm chân.
Bao giờ về chốn Hương sơn cũ
Hôm sớm cùng nhau chúc thánh-quân.

Người ngày nọ, Song-nam Giai-đình Nguyễn Ngô - Đăng Vu - ngạn 雙南, 偕亭阮吾登于岸 bái-cảo.

CHƯƠNG THỨ V

Cảnh lữ-huống ở trong Kinh

(Tiếp chương thứ III)

Một hôm có một người ở trong nhà quê Hương-sơn, hiện đang làm quan Huấn-đạo huyện Hà-hoa, đến chơi cáo-biệt với tôi để về trong quê nhà, tôi nhân tiện gửi ông đem về hộ một phong thư và mấy thức quà đồ kinh-đô. Ông lại nói với tôi rằng ông làm một chức quan nhỏ ở Kinh, tháng ngày lận-đận, mà lúc về không còn một đồng dính túi, hỏi vay tôi, tôi cho vay vài chục quan tiền, ông mừng lắm, tạ tôi ra đi. Đêm hôm ấy, tôi ngồi một mình, buồn ê-ẩm nói sao cho xiết, nhân sực tỉnh bớ đến vầng minh - nguyệt đang chếu dọi trước song ở chốn cố-sơn, mà mối cảm-tình lại càng thêm lai-láng khôn hàn. Đêm đã khuya, mỏi lưng mới nằm ngả xuống ở chỗ

(1) Chỗ này là ông nói ông với tôi cùng bị triệu đến Kinh *Nguyên-chú*

trong cửa sổ, nhưng cái sầu-hồn kia vẫn quanh-quẩn dâu bên gối mà không sao ngủ được. Bỗng nghe tiếng chim vừa bay vừa kêu ở trên không, giật mình tỉnh dậy, thì một ngọn đèn tàn vẫn còn lờ-mờ trên vách, bấy giờ mới gọi tên đồng ôm cây đàn đến, tôi lên đây rồi gẩy một hồi lâu, thời nghe ra những tiếng thê-lương rầu-rĩ, thì lại thôi. Lại sai đồng đi quạt nước pha trà, uống được vài chén, thấy nhạt-nhẽo vô-vị thì lại bỏ mà ra đi tản-bộ trước sân, cố gượng ngâm một đôi câu để mình lại tự-úy lấy cho mình. Thơ như sau này :

Bài thứ nhất :

何若依每獨平階醒
我愚然事烏湖前後
弄原在遊作起月末
虛且帝山離秋又鄉
名。智。城。夢。聲。色。生。去。

Tỉnh ra vẫn chửa lại quên mình,
Kia lại vầng trăng mọc trước mành.
Chim lạc canh khuya kêu nháo-nhác,
Hồ thu nước phẳng ánh long-lanh.
Mộng thường chơi nhởn nơi sơn-thữ,
Thân vẫn y-nhiên chốn đế-thành.
Ai có kể gì ngu với trí,
Sao mình cứ giữ cái hư-danh ?

Bài thứ hai :

星鄰琴茶樹湖雲夜
斗鷄餘歌古明遠坐
滿鳴客詩彈深聽偏
關失思懷開得雁岑
河。度。多。少。花。月。過。寂。

Có đêm ngồi ngẫn suốt canh thâu,
Vằng-vằng bên trời nhạn gọi nhau.
Hồ trong vầng nguyệt in sâu xuống,
Cây cỗi bông hoa gượng lấy màu.
Uống cạn ấm trà thơ vẫn sáp,
Gẩy xong đàn sắt (1) tứ thêm sầu.
Đêm đang vằng-vặc trăng sao sáng,
Gáy hoảng gà nào bỗng giục mau.

Một đêm kia, đã canh hai, tôi vừa đi nằm, thấy tên lính hầu vào báo rằng : « Ngoài cửa đi vào có hai cái đèn lồng dẫn một cái võng trần sang-trọng lắm, không biết là ông nào. » Tôi vội dậy ra đứng đoi thì thấy Quận-hầu vào, tôi giật mình vội mời ngồi mà hỏi : « Đêm hôm Quận-hầu đến chơi tất có việc gì ? » Quận-hầu nói : « Thừa mệnh gia-quân tôi cho đến hỏi cụ một vị thuốc, vì hôm nay có người đệ khải tiến một bài thuốc, trong có kê một vị Thần-thảo (神草), không biết khí-vị thế nào, đã tra khắp cả các sách bản-thảo (本草) cũng không thấy, nên cho tôi đến hỏi cụ để biết cách về mà bào-chế. » Tôi bèn lấy giấy bút viết tinh-tường, rồi đưa cho Quận-hầu, Quận-hầu cầm giấy không kịp uống nước mà cáo-biệt ra về. Tôi nhân tự nghĩ rằng : « Từ khi mình lại Kinh tới giờ, lần nào vào yết quan Chánh-đường ông cũng lấy lễ trọng-đãi mình, nay hỏi một vị thuốc là cái việc tầm-thường mà ông bắt con kính-cẩn như thế, thời cái qui-kỳ của mình chửa biết đến bao giờ mà đoán được. » Tôi bèn đem hai bài thơ của tôi mới làm đưa đến để Quận-hầu xem mà biết cho cái tình lữ-tứ hương-hoài của tôi, may có đạo-đạt được đến cho tôi chăng, vì từ bữa tôi được phép ra trọ ngoài đãi-mệnh, thời thường-thường nhờ Quận-hầu nói với quan Chánh-đường cho. Quận-hầu cũng cố sức trăm phương nghìn kế để cứu-giải cho mà không được. Nay Quận-hầu mới nhận đem những bài thơ của tôi mà tiến trình quan-lớn và lại cố kêu cho lần nữa. Nhưng ông cầm thơ, phản-phúc xem mãi rồi chỉ tủm-tỉm mà thôi.

Bấy giờ đã đến tháng năm, nhà tôi có ngày dỗ gia-tiên, tôi làm khải xin phép về cố-hương, mà thế nào cũng không được, bởi vì lúc đó tuy không dùng bài

(1) Cụ Lãn-ông hay gẩy cây đàn thất-huyền.

thuốc của tôi, nhưng có dùng bài thuốc nào cũng giao cho tôi xem xét, mà độ này bệnh Thế-tử đang kịch, tôi biết không li-ngụ đi đâu được, mới sắm-sửa hương-đăng đặt bàn để cúng ở nơi ngụ-sở.

Một bữa kia có một bà Quận-chủ bị bệnh lậu-thai, chồng bà là Phù-mã Cung 駙馬 con Quan Quận-công 冠郡公 người ở đồng-huyện với tôi, cho người mời tôi và kể cả cái tình lân-lý. Tôi qua xem mạch xong thì ý muốn giữ tôi ở lại vài ngày, để điều-hộ cho. Tôi cáo có lời quan Chánh-đường dặn không được li-ngụ, còn phải đợi Thánh-chỉ tuyên-triệu. Bà không nói lại gì sốt cả. Hay đâu Quận-chủ đã sai thầm một con thị-tì chạy ù vào kêu trong phủ xin phép lưu tôi lại để chữa bệnh cho bà, ngự - phán rằng : « Người ấy già, yếu không dùng được. » Bèn sai ông Tán 贊 là chức Hữu-viện thủ-phiên 右院首番 đến. Phù-mã nói thực việc ấy với tôi, mới biết là quan Chánh-đường đã tấu đạt cái ý mình lên rồi, nhưng chỉ vì ông người vốn lắm bệnh không muốn cho mình về, nên mượn việc công mà giữ lại. Tôi mới đến nhà Quận-hầu mà nói rõ việc ấy. Quận-hầu nói : « Gia-quân tôi vốn lấy một lòng thành mà đãi người, thấy cụ thì mười phần kính yêu, mà không muốn xa nhau đó thôi, chứ không có ý gì cả, cụ nay đã không có bụng ở, thì lẽ nào mà chả nghe. Những bài thơ cụ mới làm hôm nọ, tuy gia-quân tôi không nói rõ, nhưng cũng có ý ta-thán ngầm trong bụng rồi, thì cái kế qui-sơn của cụ, chắc nhất-định là xong. » Tôi mừng mà tự-thán rằng : « Cổ-nhân ngâm thơ mà kinh-động được cả qui-thần, bây giờ thơ của tôi cũng cảm được đấng vương hầu, thời ra thơ có ích thực, chứ không sai. » Tôi lại đọc một bài thơ « Nhà trọ đêm mưa cảm - hoài » với một bài « Thấy trăng nhớ nhà », mà tôi với ông bạn tôi là viên-hình-quan đã cùng nhau làm ra để Quận-hầu nghe. Hai người vừa ngâm thơ vừa đều nói chí riêng của mình, trong có thế nào tất hình ra ngoài như vậy. Lúc đó tôi như đứa say đứa dại, thời thế nào mà Quận-hầu không phải thương đến tình tôi. Hai bài thơ rằng :

1. — *Nhà trọ đêm mưa cảm-hoài*

應不何歸平遠客狂
知謂處巢湖樹舍風
此苦疎暮吹含蕭騷
夜茶鐘鳥浪烟蕭雨
夢能報分水雲萬忽
難却曉羣中外縷然
成。睡。鳴。去。明。暗。情。生。

Mưa dồn gió dập bất thình-lình,
Quán khách càng thêm bối-rối tình.
Ngoài dẫy cây xa mây kín mít,
Trước hồ sóng gợn nước long lanh.
Tổ nọ chim về vừa chập tối,
Chùa nào chuông đà báo tàn-canh.
Nào phải nồng trà mà tỉnh ngủ,
Đêm nay vẫn biết mộng không thành.

2. — *Thấy trăng nhớ nhà*

莫頤應但近倚如認
鼓眞知覺水樓何得
瑤堂淡清亭歌夜香
琴上逼添臺管夜山
作今旅篷萬千照一
怨宵中上色回神片
聲。會。情。曲。生。醉。京。月。

Trăng kia nhận đích của Hương-sơn,
Sao bỗng đêm đêm chiếu đế-nhang.
Tựa lầu đàn hát đang say tít,
Kề nước đình-đài tự sáng choang.
Chỉ biết mát thêm người giữa tiệc,
Nào hay sướng lắm khách trong hàng.
Di-chân đường ví đêm nay họp,
Tiếng oán đừng nên phả khúc đàn.

Quận-hầu hỏi : « Di-chân-đường là ở đâu ?» Tôi nói : « Là một cái nhà của tôi làm vào nơi cây-cối tùm-bum mát-mẻ lắm. Khi nào trời sáng trăng, cho gọi con cháu đến đấy uống rượu bày vui. « Quận-hầu cười rằng : « Cổ-nhân

có người nhớ mùi thuần-hức mà bỏ quan về, nay cái thanh-dật lạc-thú của cụ lại còn bằng mấy mươi thuần-hức, thảo nào mà chả khoái-khoắc chỉ muốn về.» Lại nói : « Cụ về viết tinh-tả hai bài thơ ấy ra rồi cho gia-đồng đưa đến đây để tôi xem lúc nào tiện dịp, thì tôi sẽ đệ-trình cho.» Tôi tạ từ ra về nhà trọ, vội-vàng lấy bút giấy viết xong hai bài thơ liền đưa gia-đồng đem đến nộp ông Quận-hầu.

Chương thứ VI

Hội tao-đàn ở trong Kinh lần thứ hai

Nói về một ông anh ruột tôi, làm trấn-thủ Lạng-sơn, một ông em đường-đệ thì làm Đốc-đồng cùng tỉnh ấy, hai ông hẹn với tôi cùng hội nhau ở nhà quê mà mãi không thấy tôi về, nhưng hai ông còn phải ở nhà chữa lại cái nhà thờ, nên nay mới lại Kinh thăm tôi, lại hôm ấy người cháu gọi tôi bằng ông cùng bằng chú bác họ cũng theo đến chơi với tôi, ông anh tôi trông thấy trên án có một chồng thi-tập, ông giở ra xem với ông Đốc-đồng suốt mấy giờ rồi nói rằng : « Thực là một bảo-hội đây, có lẽ chúng ta lại chịu nín im hay sao ? » Bấy giờ những cậu con cháu ai nấy đều xin họa, rồi lui về nhà trọ cả, vài hôm sau đóng thành một tập thi-cảo đưa lại, tôi xem lâu lắm, lấy làm mừng-rỡ quá chừng. Bèn chép lại để ghi nhớ về sau này.

15° — *Một bài thơ họa của quan Trấn-thủ Lạng-sơn* (dịch 4 câu).

爾江新岩自芝逃雲
遊山詔谷在尤名溪
人。如命。乍身。閒趣。雅
戀傳顧樂

Nước mây vui thú cần chi tiếng,
Chi truột cung nhân rảnh lấy thân,
Vẻ-vang khê-cốc vâng tờ chiếu,
Quen-thuộc giang-sơn nhận lốt chân...

Ngân-hồ cư-sĩ 銀壺居士 họa.

16° — *Một bài thơ họa của quan Đốc-đồng Lạng-sơn* (dịch 4 câu).

喜萬鶯一呂岩和
故世新州鍾溪扁
人。賓寵。重身。嚴手。有
朋更事丹

Duyên-hồng đau thiêng nhà sẵn thuốc,
Suối rừng cảnh vắng thú nhàn thân,
Tiếng nức một vùng may-mắn dịp,
Bạn mừng muôn dặm đón đưa chân...

Đường-đệ Hào-khê 豪溪 cùng họa-bài.

17° — *Một bài thơ họa của quan Viên-hình* (dịch 6 câu).

却欲笑喜江花
嫌學我公山拳
才雙疎放彩香
學爾狂懶煥傳
不同甚皆舊新
如此異成開詔
君。病。人。用。人。命。

Ơn trên chiếu mệnh thơm-tho cỏ,
Bước cũ giang-sơn rực-rỡ thân.
Bác thời phóng-lãu mà nên việc,
Em vốn sơ-cuồng chịu lỡ chân.
Đồng-bệnh muốn theo người họa trước
Nhưng tài em kém Nguyễn-ngô-quân.

Đệ Viên-hình Lê Đạm-Như 黎淡如 bái - thượng.

18° — *Một bài thơ họa của cậu Công tử Mười là đường-đệ* (dịch 4 câu).

望醫勤待己呂經和
異國明珍隱伊妙扁
人。名詔。席身。丹手
高上鼎

Bầu Biển níp Hòa đà thuộc ngón,
Đơn Y vạc Lã sẵn tùy thân.
Đãi-trân vua trọng đôi hàng chiếu,
Y-quốc người mong một bước chân...

Ngọc-hồ cư-sĩ 玉壺居士 bái thượng.

190 — *Lời dẫn và một bài thơ họa của quan huyện Ngự-thiên* (dịch 4 câu).

— Phong-cảnh Hoan-châu, nhiều nơi đẹp lạ, ngô-bá nốc-cư ở ấp Tình-diềm, núi Hương-sơn, lấy nghề y để độ người, ẩn ở nghề đó cho được di-nhân tính-mệnh, mà nơi rừng suối cũng thêm vẻ phong-quang, nay ngô-bá qua đây, nào tinh phần-tử, nào hội tân-bằng, tưởng chỗ lâm-bác kia cũng không có thể cầm giữ lại được. Thánh-đức đã ban ơn bao-tưởng thời cái qui-kỳ mà an-dưỡng chốn cố-sơn kia sẽ tới. Châu đây xa nhậm một nơi ấp nhỏ, bữa nọ sẩy bị một chứng bệnh, nhờ ngô-bá cho bài linh-đan, thời được khỏi ngay, châu lấy làm hân-hạnh không biết là chừng nào, vậy xin họa bài thơ làm dọc đường khi bị triệu, ngô-bá giáo-chính lại cho, châu xin cảm ơn khôn xiết.

霜 知 新 乍 懶 烟 丹 驛
主 是 醫 陪 翁 霞 詔 路
人。香 士。京 身。雨 命。千
山 國 繫 重

Sương tuyết sắc pha đôi mái tóc
Rồng mây chiếu giục dặm nghìn thâu.
Ông chủ Hương-sơn lừng-lẫy tiếng,
Thầy lang Kinh-quốc nhẹ-nhàng chân.

Tiểu-điệt, Tri-Ngự-thiên Doãn Lê-thị Kính-chi 小姪知御天尹黎氏敬之 bái-cụ.

20° — *Một bài thơ họa của Giám-sinh họ Trần là châu ngoại-sanh* (dịch 4 câu).

縉 錦 華 鶴 道 遥 芝 柴
紳 堂 夏 侶 狗 閣 爲 門
人。不 表。己 身。今 友。昔
似 移 而 也

Cỏ hoa đan-dìu từ bao thủa,
Đạo-nghĩa đa-mang với một thân.
So bạn tấn-thân người khác vẻ,
Nhớ miền hoa-hạ hạc dừng chân.

Thượng-đường-sĩ 上唐士 bái-họa nguyên-vận.

— Nói về vợ Quận-hầu có bệnh, mời tôi coi mạch, tôi đoán là có « nam-thai » đã ba tháng, tôi bốc cho vài chén thì yên ; từ đó cả một môn nhà quan Chánh-đường ai cũng đều lấy thuốc của tôi. Trong bọn đó có quan Thự-trấn Quảng-yên là người tình nghĩa rất thân với tôi, bà mẫu ông với người em gái có bệnh, tôi hết lòng điều-trị đều được khang-an cả. Còn các quan quân như là Tiền-ninh 前寧, Hậu-dũng 後勇, Nhương-trung 釀中 đều đi lại quen biết thường xin thuốc-men, song đó là chuyện thường mà thôi, chẳng kể.

Có một hôm tôi hỏi Quận-hầu rằng « Ngày hôm nào tôi được về ? » Quận-hầu nói : « Đã sắp có cơ rồi ». Tôi lại hỏi : « Hai bài thơ trước đệ-trình lên Tôn-ý có thương đến không ? » Quận-hầu nói : « Gia-quân tôi xem đi xem lại hai ba lần rồi khen mãi mà rằng « Ý-thú ông này thực không phụ với cái cựu-nước chỗ lâm-toàn, thời không nên ép tình người ta nữa, ta sẽ liệu cho. » Tôi nghe nói như người được của, nở mặt mở mày, bèn ngồi pha nước đối-ẩm với ông Quận-hầu. Chợt thấy một người áo-mũ chỉnh-chạc vào đứng ở bên tôi và nhìn tôi trừng-trừng, Quận-hầu cả cười, lấy tay trỏ hắn, lại trỏ tôi rồi, lại trỏ vào mồm hắn cũng lấy tay trỏ tôi rồi giơ tay lên trán, lại lấy tay vẫy vẫy như chim bay, hai chân nhấc lên nhấc xuống như chạy nựa, tôi giật mình hỏi : « Làm sao người này chẳng khác như si như ngốc là cớ gì ? » Quận-hầu nói : « Nó câm đấy, sấm đánh cũng không biết, không nói được tiếng nào, không biết một chữ gì, mà sao nó lại biết có triệu-mệnh mà đến đây ? » Tôi hỏi : « Tay chân hắn giơ-giang thế là làm sao ? » Quận-hầu nói : « Nó giơ tay lên trán là chỉ về vua, trỏ vào mồm là có chỉ triệu, tay vẫy là gọi đến, chân nhấc là đi. » Tôi nghe nói cũng bật

buồn cười, bấy giờ có ông quan huyện Cẩm-giàng cũ cũng ngồi ở đấy. Quận-hầu bảo ông cùng làm một bài thơ với tôi để ký-dị, lúc đó tôi nhân đang hớn-hở vui mừng không kịp nghĩ-ngợi mà làm ngay một bài rằng:

手此百萬何可如造
指生般里異同何物
頤一世雷韓豫此予
傳目事霆侯讓獲人
秘無意心引忠得賦
官餘仍自壽君其以
宣。事。然。若。平。日。偏。全。

Trời phú cho ai cũng vẹn tuyền,
Người này chịu thiệt lẽ khôn bàn.
Phép học Hàn-hầu cho dưỡng-thọ,
Trung so Dự-Nhượng lại bền gan.
Lôi-đình chẳng chuyển lòng son sắt,
Phi thị không lay dạ đá vàng.
Việc đời qua trải đôi con mắt,
Chỉ trỏ trên tay chẳng hở-hang.

Ông Cẩm-giàng xem thơ mà rằng: « Thi - tài của cụ nhanh chóng quá, không ai theo kịp, tôi đâu dám múa rìu để bày trò nữa. » Quận-hầu cũng lặng yên rồi các ông chỉ khen ngợi mà thôi. Một lát thấy tên gia-đồng của tôi đến nói nhỏ rằng: « Có một ông nói là Tri-phủ với hơn mười người bộc-tòng đi theo, đến đợi ở nhà trọ đã lâu. » Tôi bèn cáo-biệt. Lúc mới trông chưa hiểu là ai, lâu rồi mới nhận ra là người cố-nhân của tôi, dắt tay vào cùng ngồi, chúng tôi cùng giãi tình cách-trở nhớ mong nhau; ông nói ông có một bệnh đã lâu, cần đến xin thuốc, tôi hỏi tường-tận rồi bốc cho mấy thang và nói rằng: « Bệnh này còn dở chứng, thử uống mấy chén này xem giảm được thế nào rồi sẽ điều-bổ sau. » Tiếu-đàm cùng khoản-đãi mãi đến chiều hôm ông mới về. Nguyên ông là một người cậu họ vợ tôi, người Nguyễn-xá huyện Hoài-an, đang làm Tri-phủ phủ Tiên-hưng, tôi với ông rất là kính yêu nhau từ khi bình-tích. Mấy hôm sau ông cho người nhà đem một bài thơ đoản-luật đến và nói: « Uống hết mấy chén thuốc ấy thì các chứng mười phần đã khỏi tám chín, chỉ còn chưa ăn được, xin cho thuốc kế-phục. » Tôi bèn kê cho một đơn: « Cao hoàn chế pháp 膏丸製法 ». Thơ của ông như sau này:

壽幸聲王久書有三
老得名幾退容敬十
兒。良重。今思。萬知。年
方日里前

Ba chục năm xưa nghĩa cũ-càng,
Bấy chầy xa cách những mơ-màng.
Vương-kỳ nay bỗng lừng danh tiếng,
« Phản-lão » may nhờ giúp một phương.

Một hôm thấy có hai người lính đến nhà ngoài chỗ trọ tôi hỏi những người lính hầu của tôi rằng: « Có biết cụ lang trong Nghệ, phụng-chỉ lai - kinh trọ ở đâu không? ». Tôi nghe tiếng cho gọi vào hỏi lính ở đâu, hỏi ông lang ấy làm gì? Hai người lính ấy nói: « Chúng tôi là lính Cẩm-y-vệ 錦衣衛 thừa-lệnh quan tôi cho đi hỏi thăm xem ông cụ ấy trọ ở đâu. Chưa biết định xin thuốc hay là mời. » Tôi cười rằng: « Ông lang là tôi đây, không biết quan-lớn về đây đã mấy hôm? » Hai người nói: « Đã năm hôm nay. » Tôi nói: « Các ông về bẩm với quan-lớn rằng: ông lang ấy mời quan-lớn đến đây chơi ngay. » Hai người lính vâng lời đi về. Vốn ông quan ấy là người bạn tâm-hữu lúc thiếu-thời của tôi, tương-biệt nhau đã ba mươi năm nay, chưa gặp lần nào; lúc tôi về đến Kinh, đã cho đi hỏi thăm ngay, nhưng ông có công-sự phải đi nơi khác, chưa hỏi được, nay ông về Kinh nghe tin tôi mới cho đi hỏi khắp cả.

Những người lính đi không được bao lâu quả thấy ông quan ấy đến. Tôi ra cửa đón, dắt tay cùng vào. Ông hơn tôi một tuổi, tuy tóc thì nửa đen nửa trắng, răng rụng hết cả mà

thần-khí vẫn sảng-nhiên, chúng tôi ngồi với nhau cùng kể-lể hàn-huyên, mừng-mừng tủi-tủi biết bao là tình, sự đó bất-tất phải nói nữa. Lại hỏi thăm tất cả những việc ngày xưa thì mười phần đã vật đổi sao dời đến tám chín phần rồi ; cổ-nhân có câu :

英雄不淚別離間。
奈於生死何相對

Anh-hùng chẳng sá biệt-ly,
Nghĩ người còn khuất lệ kia khôn cầm,

mà xụt-xùi thê-thảm biết là dường nào! Tôi mới đem thơ vịnh ở dọc đường, với các bài thơ họa của tân-bằng ra để ông với tôi cùng bình-duyệt cho đỡ buồn. Đêm hôm ấy một ngọn đèn mờ, vài chén trà loãng, cùng nhau bàn-luận cổ-kim, mãi đến gà gáy mới chợp mắt. Sáng sớm ông dậy nói : « Quan-quân của bản-vệ tôi, có sự lệ phải vào thị-triều. » Rồi cáo-biệt ra đi, đến chiều hôm thấy ông cho người đem đến biếu cỗ với một lá thư. Tôi mở ra thì là bài thơ họa bài « phó kinh » như sau này :

行臣城林詔羅期本
藏下市泉書薛嬰來
分寸何背乍釜軒疏
內丹塔負屈堅岐懶
仰無名麋子巢任保
明可利鹿陵父富天
君。奈。人。友。身。志。貧。眞。

Trót lười trễ giữ chút thiêu-chân,
Chẳng kể chi chi sự phú bần.
Rừng sâu cụ Hứa càng kiên chí,
Chiếu giục thầy Nghiêm tạm khuất thân.
Bầy hươu đan-díu ghi tình bạn,
Đám lợi thờ ơ lánh gót trần.
Thần-hạ khôn đem bày tấc dạ,
Hành-tàng xin đội đức minh-quân.

Từ đó khi ông lại chơi nhà trọ tôi, lúc tôi đến chơi dinh ông, cùng là người trong hai nhà đi lại biếu-xén đồ ăn đồ uống lẫn nhau luôn-luôn, bất-tất phải kể.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT dịch

KHẢO VỀ LỐI THỦY-HỌA[1]

CHƯƠNG THỨ BA

Các kiểu vẽ

I

Trời

Không mấy bức họa là không thấy vẽ trời, vẽ nước, vì trời nước tôn cái vẻ đẹp cho bức họa nhiều lắm. Nhưng vẽ trời lại là tuyệt khó, duy chỉ có khi chiều trời êm-ả, biêng-biếc một mầu là vẽ dễ mà thôi. Cảnh trời thật biến-hóa vô-cùng, thay đổi luôn luôn, bây giờ thế, lát nữa lại khác rồi, nên nhà thủy-họa đã sành con mắt lắm mới lấy mùi được cho đúng, cho hợp với bức họa của mình.

Trước hết ta nên nhận một điều này rất là quan-trọng, thuộc về phép vẽ trông xa (*perspective*), là trời ở chỗ chân trời thì bao giờ cũng nhạt, càng xa chân trời bao nhiêu càng sẫm bấy nhiêu, chỗ xa chân trời hơn hết tức là ngay trên đầu nhà thủy-họa là trời sẫm hơn cả. Cái điều ấy khi trời sáng-sủa cũng thế mà khi trời u-ám cũng thế. Khi trời vẩn những mây, thì có phải ta chỉ thấy ngay trên đầu ta nhiều đám mây vừa to vừa sẫm mà ở chỗ chân trời thì hoặc không mây hoặc có mà chỉ mờ-mờ phơn-phớt thôi không ?

Khi trời xanh xanh thì ta dùng *cobalt*

(1) Xem *Nam-Phong* số 77, 78.

với *outremer* hay *bleu de Prusse* với *outremer* pha lẫn đều nhau. Nếu trời xanh sẫm thì ta pha nhiều *outremer* hơn, nếu trời xanh nhạt thì *cobalt* hay *bleu de Prusse* hơn. Trời xanh không mây là vẽ dễ hơn cả, người mới học, tập cũng được ngay. Nhà thủy-họa đã phác những nét chính bằng chì rồi, tất đã có phác cái nét chân trời; nét chân trời bao giờ cũng phác trước tiên mà phải giống nhau với cạnh trên cạnh dưới tờ giấy. Vẽ trời phải lấy nét ấy làm cữ. Pha *cobalt* với *outremer* vào «gô-đê» cho đủ dùng và cho đúng cái mầu trời mình định vẽ. Lấy thuốc ấy vào bút cho thực đẫm, rồi bắt đầu tô từ trên xuống dưới, ngọn bút bao giờ cũng đi từ bên tả sang bên hữu. Vì, như đã nói trên, càng gần chân trời màu thuốc lại càng phải nhạt, cho nên nhà thủy-họa thuỳnh-thoảng lại lấy thêm nước lã vào bút cho nhạt bớt mùi thuốc đi, càng gần đến vạch chân trời lại càng thêm nhiều nước. Tô đến vạch chân trời thì thôi. Dốc ngược bức vẽ lên một lát để cho bao nhiêu nước thuốc còn thừa chảy cả về phía cạnh trên bức họa, như thế khi giấy khô rồi trời trông sạch và đẹp lắm. Bên trên chân trời mình tô thuốc khắp cả, là vì dù ở đấy có cây-cối nhà-cửa thì mùi cũng vẫn sẫm hơn mùi da trời, sau vẽ đè lên cũng không hại gì.

Khi trời xam-xám thì ta dùng *noir d'ivoire* pha rất loãng, còn mây thì pha *cobalt* với *noir d'ivoire*. Trời mà xám, thì thường thấy có mây trắng, vẽ mây trắng thì hoặc cứ vẽ trời trước để chừa giấy ra đến khi trời khô hãy tô-điểm cho mây; hoặc cứ vẽ trời cho khắp cả, rồi khi còn đang ướt, lấy bọt bông khô hoặc bút khô khác mà lấy bớt mùi thuốc đi. Cách thứ hai này chỉ nên dùng khi có mây trắng mà nhỏ thôi, chứ nếu mây thành từng đám to thì thế tất phải để chừa giấy mới được.

Cảnh trời u-ám nhiều mây là cảnh vẽ tuyệt khó, vì vẽ cho đúng, cho những đám mây có vẻ linh-hoạt tự-nhiên thực là khó, mà dùng mùi thuốc, màu thuốc cũng không phải dễ. Ở ngay chân trời, khi thường thấy có những đám mây xanh-xanh: ta nên dùng *bleu de Prusse* pha cho nhiều nước. Dùng mùi *bleu de Prusse* phải cho cẩn-thận, vì mùi thuốc ấy dễ ra lắm, vả lại nếu dùng nhiều quá thì nó hay lan sang mùi khác, làm hỏng mất tranh. Mây đen thì dùng *noir d'ivoire*, pha với *bleu d'outremer*, mây vàng thì *ocre jaune* pha với mùi khác cho đúng màu, còn mây hung-hung thì tất phải dùng đến *vermillon*. Vẽ cảnh trời u-ám nhiều mây thì nhà thủy-họa thường mùi nước cũng có dùng, không thể nói cho rõ được. Vả lại ta tập mà đã khéo lắm mà nên tập vẽ những cảnh ấy, mà hễ ấy thì ta trông trời trông cảnh cũng có thể đoán được phải dùng mùi gì rồi.

Trời mà nắng, thì những chỗ sẫm mùi tím là quan-trọng nhất, dùng những mùi «lơ», mùi đỏ có pha ít *jaune* hay *sepia*, tùy cái mùi ấy mà tím thế nào mà pha cho đúng.

Những chỗ trời sáng-sủa thì dùng những mùi vàng, những mùi đỏ, như *jaune indien*, *ocre jaune laque de garance*, *sienne brûlée*, chỉ nên dùng những mùi trong suốt mà thôi. Ocre *jaune* thì phải pha rất nhiều nước. Vẽ cảnh mặt trời lặn thì dùng nhiều nhất là mùi vàng, *vermillon* và carmin.

II

Nước

Nước vẫn là một cái vẻ đẹp của cảnh; có nước thì cảnh trông vui-vẻ tươi-cười mà hoạt-động biết là dường nào. Những khi ta đi chơi, ta lại thường chọn những nơi sơn-thủy hữu-tình đó ư? Thực lắm khi bên chiều, đứng trên dịp cầu đuổi có đôi

sông chảy, mê-man vì cảnh nước biếc trời quang, có khi hàng giờ không dứt ra về được.

Nước thì khi xanh khi đỏ, khi trắng khi vàng. . . thực mùi không nhất-định, vì nước vốn không có sắc, cái sắc nước chính là sắc của ngoại-vật phản-chiếu lên mắt ta đó thôi. Thường thì nước giống sắc trời với sắc các vật ở gần mặt nước. Bởi vậy vẽ nước thường dùng ngay mùi thuốc dùng để vẽ trời và vẽ các vật có bóng xuống nước, nhưng bao giờ mùi nước cũng sẫm hơn mùi da trời. Vẽ nước ta nên nhớ kỹ điều này, là vẽ nước cũng như vẽ mây : nước càng xa chân trời thì càng sẫm, càng gần chân trời thì càng nhạt, thường khi sát nét chân trời, có một làn nước trắng sóa.

Cảnh trời nước mà có nhà cửa nhất là cây cối phản-chiếu ở mặt nước thì trông đẹp mắt lắm. Bấy giờ mặt nước chẳng khác gì mặt gương, dưới nước trông cây cối nhà cửa đều ngược cả, thỉnh-thoảng lại có vài làn ngấn nước chạy qua, khiến nên bức cảnh rất hữu-tình ngoạn-mục. Tuy vậy chỉ những tay thạo mới nên tìm mà vẽ thôi. Vẽ nước sông thì thường dùng *bleu de prusse*, *noir d'ivoire* với *sienne brûlée*. Cũng có khi dùng *outremer* thay *bleu de prusse*. Nếu nước mà đục vẩn lờ-đờ, thì dùng *ocre jaune* pha với chút *noir d'ivoire*, *vert végétal* hay *bleu de prusse* tùy theo cái sắc của nước. Nếu sắc nước xanh xanh thì *ocre jaune* pha với mùi và ít mùi «lơ» xám. Nếu nước trong xanh hay trong «lơ» thì dùng *bleu de prusse*, *outremer* thêm một chút *laque de garance*.

Vẽ sông vẽ nước tất-nhiên nên vẽ có thuyền bè, hoặc làm vật chính hoặc làm vật phụ cho bức họa. Có thuyền buồm mà vẽ thì vừa dễ vẽ mà vừa hồi bức cảnh. Khi thuyền bè chỉ là vật phụ cho bức họa thì dù mùi vẽ có hơi sai một chút cũng không hại gì. Nhưng nếu thuyền bè là vật chính trong cảnh thì mùi thuốc màu thuốc phải nên cẩn-thận cho đúng.

III

Nhà cửa đình chùa

Những kiểu nói trong mục này là những kiểu dễ vẽ nhất, lúc mới học ta rất nên chọn mà tập vậy. Những kiểu ấy mùi với màu cũng dễ pha mà lắm kiểu rất giản-dị mà trông rất đẹp. Còn gì ngoạn-mục cho nhà hội-họa hơn là cảnh nhà tranh vách nát ! Có cứ gì phải nước non, cây-cối, mới nên bức họa tuyệt-tác đâu.

Mái tranh mái lá thì ta dùng *sépia*, *terre de sienne brûlée*, chỗ tối thì thêm một điểm *noir d'ivoire*, cũng có khi lại thêm chút *outremer*. Những chỗ sáng-sủa hơn cả thì dùng *ocre jaune*, còn những chỗ có rêu leo cỏ bám thì thêm ít nét xanh-xanh hay hung-hung là đủ. Vẽ mái tranh, mái lá thì phải nhớ rằng không nên vẽ tỉ-mỉ từng tí mà bức họa thành ra nặng-nề. Vách thì có chỗ vẽ vàng, vẽ xanh, vẽ xám... v. v. (mùi nào cũng nhạt cả), lang-lổ như thực. Chính chỗ này nên dùng những *nét chu-vi* để làm lộ những khuôn cửa, những cột vách hoặc là những đám lang-lổ. Những chỗ sáng thì nên nhớ dùng *ocre jaune*.

Mái ngói thì ta dùng *vermillon*, pha với chút *ocre jaune* hay *jaune indien*, rất nhiều *terre de sienne*, nhưng chỗ cũ-kỹ đen bẩn thì vẽ bằng *outremer*. Tường trắng chớ tưởng lầm rằng trong bức họa phải để trắng đâu : cái bản-sắc của bức tường thời trắng bẩn thực, nhưng cái ánh sáng mặt trời soi vào phản-chiếu lên mắt ta có thay đổi cái bản-sắc ấy vậy. Tường trắng có khi vẽ xanh nhạt (*bleu de prusse*), phơn-phớt tím (*outremer* pha với *carmin*).

Lăng bia và những kiến-trúc kỹ

niệm bằng đá thì dùng *sépia, ocre jaune*, một chút đen, pha thật nhiều nước. Hễ trời dâm thì bóng vẽ bằng những mùi xám lạnh, mà trời nắng thì những mùi xám tím là thực đúng.

Cũng nhiều khi ta phải vẽ khói, như một nhà máy, một cái tàu, một nhà bếp, v. v.. Vẽ khói cũng khó như vẽ mây mà có lẽ khó hơn vẽ mây. Hình khói đã không nhất-định, lại phải nhẹ-nhàng, hoạt-động. Ấy vẽ cũng lại phải thế : nét bút cho nhẹ-nhàng, cho tự-nhiên, cho có vẻ hoạt-động. Dùng toàn màu trong suốt mà họa, mà phải có ý vẽ thế nào chu-vi làn khói lẫn với mùi da trời (chỉ trừ ra khi nào da trời xanh ngắt hoặc đen hay xám vì mây, nghĩa là khác hẳn mùi khói).

Ta lại nên nhớ rằng khói tỏa trên một cái « phông » (*fond*) sẫm, thì mùi khói nhạt (pha «lơ» với chút đen); khói tỏa trên một cái « phông » nhạt, thì mùi nó đen đen (pha «lơ» với *terre de sienne*). Trong nhà thì mùi nó xám «lơ», pha *laque de garance* với *cobalt*.

Vẽ lửa thì dùng *vermillon* với *laque de garance*, cũng có khi *terre de sienne* pha với *ocre jaune* và *laque de garance*.

Vẽ cảnh đình, chùa, miếu, quán, cũng cứ theo những lời đã dặn ở trên này, duy chỉ nên chọn những nơi cổ xưa, vì cái đẹp nhất cho bức họa ta là những sân rêu, tường mốc, gạch lở, cột xiêu. . . . ấy chính những cái đó ta phải chú-ý mà vẽ cho hệt, cho khéo, cái giá-trị bức họa của ta phần nhiều ở đấy.

IV

Đất, đá, núi.

Đất vẽ bao giờ cũng có vẻ chắc chắn mà không nặng-nề. Gần xa phải vẽ cho hệt, thì cây-cối nhà cửa, v. v. mới trông ra đứng vững-vàng ở trên đất như thực được. Càng gần càng sẫm, càng tinh-tế, càng xa càng nhạt càng kém tinh-tế, điều đó là điều rất cần vậy.

Bình-diện thứ nhất (*premier plan*) là cái danh-từ của khoa hội-họa dùng để chỉ chỗ vẽ gần nhất. Nếu đất mà ở ngay bình-diện thứ nhất thì tất ta phải vẽ đất tỉ-mỉ hơn : gọi là tỉ-mỉ, nhưng tỉ-mỉ một cách giản-dị, nghĩa là ta ngắm cái đại-cục của cảnh tự-nhiên rồi vẽ từng dám một, ta chỉ vẽ những cái có thể tôn bức họa, còn những cái vẽ vào làm rậm thêm bức họa mà chẳng ích chi, thì ta nên bỏ vậy. Những cây những cỏ rất tầm-thường mà ở vào bình-diện thứ nhất biết vẽ ra có khi thành ra rất ngoạn-mục, trang-điểm cho bức-họa rất nhiều.

Nếu đất mà có mọc cỏ ngắn, thì ta nên dùng *jaune indien* pha với các mùi «lơ» mà vẽ.

Nếu đất không có cỏ hay có chỉ loáng-thoáng như đường đi, thì ta phác bằng *terre de sienne* rất loãng, rồi ta lấy mùi vàng, mùi «lơ» làm cho lang-lổ vào. Vẽ như thế mà tự-nhiên có một vài chỗ để hở trắng thì trông rất nổi : những vết trắng ấy làm cho con đường hay khoảng đất ta vẽ hình như có chỗ gồ-ghề hoặc điểm ít hòn đá hòn sỏi nhỏ...

Nếu đất ướt như khi trời mới mưa dứt, thì màu bao giờ cũng sẫm hơn, ta cũng dùng những mùi nói ở trên nhưng thêm chút *sépia*, một điểm đen với chút *bleu de prusse*.

Bóng thì tùy khi mà vẽ, dùng *sienne brûlée, sépia, noir d'ivoire, ocre jaune*, thêm nhiều « lơ » hay ít « lơ » tùy trời dâm trời sáng.

Núi trông gần thì bản-sắc nó là mùi trung-lập mà bóng thì là mùi *sépia*. Núi có rêu bám hay có cây cối mọc như núi ở vịnh Hạ-long, thì có chỗ xanh, chỗ vàng, chỗ hung-hung

Vậy thời dùng mùi trung-lập vẽ bản-sắc nó, còn tùy theo mùi các đám rêu đám cây mà vẽ.

Núi ở xa, thì có khi vàng, hoặc xám, hoặc tím. Phải dùng toàn những mùi trong suốt như *laque de garance, outremer, bleu prusse, ocre jaune, vermillon* và mùi trung-lập.

V

Cây-cối

Vẽ cây cối khó nhất trong thuật hội-họa.

Cùng một thứ cây, cái hình-thể có thay-đổi, nhưng cái đặc-tính thì bao giờ cũng chỉ có một mà không có hai. Ta phải ngắm xem cái cây ta vẽ, cái đặc-tính nó ở đâu, tìm cái đặc-tính ấy không phải chỉ tìm ở chỗ tinh-tế nó, mà nhất là phải ngắm cái đại-thế của nó vậy.

Muốn vẽ cho đúng, cho người trông bức họa biết ngay là cây gì mà cảm-động được như trông bức cảnh thực, ta chớ nên vẽ tỉ-mỉ từng chiếc lá một: ta phải vẽ từng đám lá một, trong một đám ấy lại phân ra chỗ sẫm chỗ nhạt, chỗ tối chỗ sáng. Khi ta ngắm một cái cây, ta nên nhắm một mắt lại thì khắc thấy rõ những đám ta nên vẽ vậy. Loáng-thoáng một đôi chỗ lại điểm một vài cái lá, một vài nét trông phảng-phất như hình lá cây . . . ấy cái đó mới lại khó nữa, khó là vẽ những nét ấy làm sao cho vừa đủ, cho khỏi quá nhiều, đặt những nét ấy vào đâu cho phải phép, để cho vừa đủ không hại đến đại-thế cái cây, vừa tôn vừa nổi.., cái khó ấy chỉ có những nhà đã sành mới thấy nổi, ta mới tập còn phải luyện-tập nhiều.

Này như cây đa, cây đề, cây si... hình-thù to-lớn, khỏe-mạnh, rắn-giỏi, cành to, mà có vẻ linh-động, những đám lá rậm-rạp, rườm-rà, thân cây gồ-ghề, tráng-lệ, rễ thì to và nổi lên trên mặt đất, v. v...

Nhiều thứ cây khác thì hình-dung uyển-chuyển, nhẹ-nhàng, cành nhỏ, thân li, lá bé.

Loài thảo-mộc trên mặt địa-cầu này thiên-hình vạn-trạng, thực không thể nói cho xiết được. Nhà hội-họa vẽ thứ cây nào, phải ngắm-nghía cho rõ cái đặc-tính của nó thì mới vẽ cho đúng được.

Cây-cối vẽ cho đúng khó là thế, tô mùi cho hợp lại càng khó hơn. Vậy thời khi mới tập ta đừng vội tập vẽ ngay cả một cây, ta chia cây ra làm từng phần một mà tập dần-dần từ cái dễ đến cái khó vậy. Thân cây gồ-ghề hay nhẵn-nhụi, ta vẽ được đúng rồi ta hãy tập sang vẽ cành, vẽ lá. Ta nên tìm những cây trụi lá mà vẽ. Ta trông cho kỹ, ta đặt cành cho đúng; ta nên biết rằng cành con càng gần cành cái bao nhiêu thì càng to mà càng mạnh-mẽ; càng xa nghĩa là gần ngọn bao nhiêu thì càng nhỏ càng nhẹ-nhàng.

Vẽ thân cây và cành cây thì những mùi thường dùng nhất là *sépia, terre de sienne, noir, ocre jaune. Sépia* phần nhiều vào mùi nâu, *terre de sienne* vào mùi hung-hung, *noir* vào mùi xám, *ocre jaune* vào chỗ sáng chỗ mặt trời chiếu vào.

Các nhà hội-họa đã nhận được rằng: hình-thể của lá thế nào thì hình-thể những đám lá ấy cũng thế. Nghĩa là lá tròn thì họp thành đám tròn, lá dài họp thành đám dài, lá đơn-giản họp thành đám đơn-giản, lá có răng-cưa họp thành đám có răng-cưa.

Vẽ lá tất phải dùng mùi xanh, nhưng mùi xanh của lá thực là biến-hóa vô-cùng, cho nên lấy được mùi cho đúng rất là khó. Đã đành rằng các mùi « lơ » pha với các mùi vàng thành ra các mùi xanh, nhưng lá cây có khi

xanh vàng, có khi xanh «lơ», có khi xanh xám, rất khó phân-biệt. Tại ánh sáng mặt trời chiếu vào, những vật ở gần đấy, đều làm cho mùi đó biến-đổi vô-cùng, muốn vẽ là cho đúng mùi cũng khó thực.

VI

Cảnh nắng, cảnh mưa (1)

Vẽ cảnh nắng thì bức họa phải phác chi kỹ hơn vẽ các cảnh khác. Trời vẽ về sau hết cũng được, vì những nơi trời giáp với cảnh-vật có thể để khe trắng được, nhưng khe trắng này nếu để nho nhỏ thì vào cảnh nắng lại có phần làm tôn vẻ đẹp lên nhiều. Vẽ trời thì dùng *bleu de prusse* pha với *bleu d'outremer*, chỗ nào thật sáng thì vàng vàng (*ocre jaune*), hoặc hồng hồng (*rose*), chỗ nào có mây sẫm thì pha thêm *carmin* với hai mùi «lơ» kia. Chân trời thường tím đỏ phơn-phớt. Nhân-vật ở xa nhất, nghĩa là gần chân trời, bản-sắc cũng thành ra hơi lẫn-lẫn với mùi da trời, vậy nên dùng ngay những mùi đã dùng để vẽ da trời mà vẽ. Nhân-vật ở bình-diện thứ nhất thì vừa vẽ kỹ hơn và cái bản-sắc thực hơn. Muốn mùi gì thì mùi, cái chỗ bị ánh sáng mặt trời soi vào cũng thành ra vàng-vàng, sang-sáng, nghĩa là nửa thì là bản-sắc của vật ấy, nửa là mùi vàng, còn như chỗ tối của vật ấy cũng thành ra có vẻ tim-tím, nên khi vẽ thì một nửa là những mùi của bản-sắc vật ấy, nửa là mùi tím *bleu de prusse* với *carmin*, có khi nên thêm ít *sienne brûlée*, có khi dùng *outremer* với *vermillon*.

Đã là trời nắng thì tất có bóng, bóng cây, bóng nhà cửa... hay chỗ nhà cửa, cây-cối sấp bóng: ta nên nhớ rằng bóng nào cũng thế, tất là tím hay mùi khác mà cũng hơi tim-tím vậy.

Một lời thí-dụ : ta vẽ một vật bản-sắc nó xanh hay lơ có bóng tối, trước hết ta hãy tô mùi xanh hay mùi lơ đã, rồi chỗ sấp bóng lấy mùi tím phủ lên. Có khi pha ngay mùi tím với mùi lơ hoặc mùi xanh kia mà vẽ ngay một lượt cũng được.

Họa cảnh mưa, thì hoặc khi đang mưa, hoặc khi mới mưa tạnh.

Ở thôn-quê hay ở thành-thị khi trời mưa thường thấy lắm cảnh lạ mắt, ưa nhìn, đáng cho nhà hội-họa tô xanh điểm đỏ. Kìa một con đường ướt-át, phản-chiếu những bóng cây, bóng người, ông lão đi câu đầu đội nón lá, tay cầm cần câu, lưng đeo áo tơi, quần sắn đến đầu gối. Nọ một cái xe tay bỏ mui, áo tơi cánh gà chẳng có, một bác nhà quê thu-thu ngồi đó, quần sắn cao, áo cộc ướt, lại thêm lù lù cái ô đen mỡ. Xem thế thì biết trời mưa cũng có nhiều cảnh vui mắt đặc-biệt vậy. Nhưng vẽ khi đang mưa, nhất là vẽ lối thủy-họa thì còn gì phiền bằng. Nhà thủy-họa vẽ cần nhất nước mà lại sợ nhất là nước : một giọt nước mưa vô-tình rớt vào bức họa đang vẽ thì thôi đành vứt đi. Vậy thời cần nhất là chỗ ngồi vẽ phải kín-đáo mưa không ướt tới được. Cũng có khi ngồi trong nhà trông qua cửa sổ mà vẽ được, nhưng còn biết bao cảnh ta chỉ núp trong nhà thì vẽ sao nên.

Khi mưa vừa tạnh, trời đã ửng sáng, thì vẽ cũng thú lắm. Khi ấy thì ta nên chọn những cảnh đình chùa, nhà cửa, phố xá, hơn là cảnh nhà lá hoặc cây-cối um-tùm. Vẽ cảnh này thì nên chú-ý vào những mái nhà ướt, thềm gạch ướt, những vũng nước trên đường, với những chỗ ướt bóng nhoáng lên chiếu bóng người đi kẻ lại. Vì chính những cái ấy là đặc-sắc bức cảnh, chính những cái ấy làm cho

(1) Phần nhiều tài-liệu về mục này với hai mục sau là nhờ ông Ngô Đặng-Đình chỉ bảo cho.

người xem bức họa biết ngay là cảnh trời mưa mới tạnh.

VII

Cảnh mặt trời mọc mặt trời lặn

Cách họa cảnh mặt trời mọc. — Nên vẽ cho sáng-sủa, cho tinh-tế, nên dùng nhiều mùi vàng và mùi *vermillon*. Lúc bấy giờ, mọi vật đều ưng-ửng rực-rỡ, sáng-sủa, những chỗ sấp bóng thì không sẫm lắm và rõ-rệt như khi trời nắng. Cũng lắm chỗ nên dùng *carmin* hay *laque de garance*, nhưng pha cho rõ nhạt. Mùi xanh-sẫm với mùi *outremer* ít dùng. Thường cần đến mùi hoa-lý nhạt (*vert végétal*) và mùi *bleu de prusse* (pha nhạt) với các mùi vàng như *gomme-gutte* và *ocre jaune*. Những chỗ tối thì thêm mùi *carmin* vào, mùi *carmin* nên để cho gặp với các mùi vàng, vì thế thì thành ra mùi cà-vàng tương-tự như mùi *vermillon*, mà lại có phần đẹp mà ưa nhìn hơn mùi *vermillon*. Pha mùi *carmin* (hay *laque de garance* cũng thế) với các mùi vàng để thay mùi *vermillon* không những đẹp hơn, mà lại tránh được cái nỗi bất-tiện này : là mùi *vermillon* thì phải pha nhiều nước, mà vẫn không được trong suốt, thế mà không khéo dùng thì hay lỏi và lăn-tăn gợn, bẩn lắm.

Cách họa cảnh mặt trời lặn. — Cách vẽ cảnh này cũng tựa-tựa như cách vẽ cảnh mặt trời mọc vừa nói ở trên, song các mùi thường phải pha sẫm hơn và nét bút biến lơ-mờ hơn, vì bấy giờ đã là sắp tối. Cũng có khi vẽ thấy mặt trời, thường thì vẽ khuất. Chân trời đo đỏ, vẽ bằng mùi *vermillon* hoặc thêm chút *carmin* cho đậm-đà hơn. Cũng có khi lại thêm tí *sienne brûlée* nữa. Càng xa chân trời thì da trời lại càng kém đỏ, sang sáng dần ra, thành mùi vàng úa, lắm khi có mây tím-tím đè lên. Ta thử ngắm một bức họa cảnh mặt trời lặn mà xem, những mùi rõ-rệt nhất là các mùi tím, mùi *carmin* và mùi *vermillon*. Còn các mùi khác như mùi xanh sẫm và hoa-lý nhạt thì phải pha cho tai-tái, nghĩa là không nên để cho rực-rỡ như là khi vẽ cảnh nắng. Khi mặt trời đã lặn, chỉ còn có ít nhiều tia sáng soi vào cảnh-vật mà thôi, ấy chính những chỗ ấy là phải vẽ cho rực-rỡ sáng-sủa : *carmin* và *ocre jaune* là mùi hay dùng về những chỗ ấy.

VIII

Cảnh sáng trăng

Không còn có gì thú bằng ngắm cảnh sáng trăng! Ở nước ta các bậc phong-lưu nho-nhã cũng thích chơi trăng, nhưng mới biết hưởng có một phần cái phong-thú ấy mà thôi. Vì sao vậy ? Các nhà yêu thưởng-nguyệt là vì cảnh trăng có cái vẻ rất nên thơ, các nhà ngồi con thuyền đủng-đỉnh, chén rượu cúc trà sen, ngắm chị Hằng vẩn-vơ trên cung quế hay lơ-lửng ở đáy hồ sen, vừa uống rượu vừa ngâm thơ. . . Cái vẻ nên thơ kia chỉ mới là một phần cái phong-thú vô-cùng của cảnh trăng, các nhà ấy tuy có được một tấm hồn thơ, nhưng thiếu mất cái quan-niệm về mĩ-thuật, cho nên cảnh trăng chứa chan « mĩ-chất » mà không ảnh-hưởng gì đến cái mĩ-cảm của các nhà. Đêm tĩnh, trăng thanh, có biết bao là cảnh-tượng ngoạn-mục, êm-đềm khả-ái ! Ấy ta muốn nên một nhà hội-họa, ta phải biết trong những cảnh-tượng ấy mà sinh cảm, sinh tình. Ta biết phân-biệt cái đẹp rồi, ta biết ưa biết chuộng cái đẹp rồi thì cái đẹp mới ở ngọn bút ta mà hiện ra bức họa được. Nay những khi trăng thanh gió mát, đêm tĩnh canh khuya, cái hình-ảnh mọi vật bấy giờ đen-xì rõ-rệt, lù-lù hiện ra trong khoảng trời quang, lại thêm vành trăng vằng-vặc lấp-lo đằng sau, khiến cho kẻ giàu trí tưởng-tượng nhìn thấy đủ vẻ, vẻ tươi-

cười, vẻ thảm-đạm. Chỉ có một đám cây, nho-nhỏ, một cái cột con-con, một mảnh tường xiêu vách lở, thế mà có khi trông ra ngộ-nghĩnh, có khi nhìn thấy thảm-thê, cái đó là tùy con mắt khách chơi trăng, tùy cái nơi người đứng ngắm cảnh.

Họa cảnh trăng thì nên vẽ từ xa lại gần, vẽ là chỉ vẽ lấy cái đại-thế bằng chì mà thôi, chứ trời tối thì không tỏ mùi được. Ta đã nói rằng cốt phải lấy cái đại-cục cho đúng mà thôi, không cần tinh-vi cho lắm. Phác xong rồi lại đứng ngắm, ngắm cho kỹ để nhập-tâm lấy chỗ sáng chỗ tối, lấy cái mùi cái màu... v. v., để ngày hôm sau nhớ ra mà vẽ thuốc. Thường thì hôm sau trước khi tô thuốc, lại phải ra chỗ hôm trước để sửa chữa qua lại những nét mình đã phác.

Nhà hội-họa có khi vẽ khuất không trông thấy trăng, song thường thì vẽ có trăng cho nổi : hoặc vẽ nguyên cả vành trăng hoặc vẽ vành trăng bị mây che khuất mất một ít. Họa cảnh này nên tìm nơi có nước, cái ánh trăng chiếu xuống nước làm nổi ngay bức họa của mình. Họa cảnh này thì nên bắt đầu vẽ trời với nước trước : cái giá-trị bức họa là ở lúc vẽ trời với nước này vậy. Nên kén những cảnh ít mây hoặc mây loáng-thoáng nhẹ-nhàng ; khi có nhiều mây đen sẫm làm cho da trời nặng chình-chịch thì không chuộng bằng. Nhưng chỗ da trời sáng-sủa thì lấy *bleu de prusse* pha với *outremer*, những nơi kém sáng kém tươi thì thêm một ít *noir d'ivoire* hoặc *encre de Chine* vào. Những chỗ sẫm nhất, tức là những đám mây thì gia thêm *noir*, và điểm chút *carmin* vào. Vẽ nước thì cũng lấy những mùi đã dùng để vẽ trời, nhưng nước phải sẫm hơn một ít. Khi nước và trời đã vẽ xong, mà xem ra còn không đủ sẫm, thì cứ để khô đi, đợi khi vẽ xong hẳn bức họa hãy chữa sau, vì như thế thì cái toàn-sắc bức họa được đúng, nghĩa là mùi trời mùi nước ăn nhau với vật-sắc vậy.

. . .

Bài khảo này không phải gồm được hết cả phép-tắc của môn thủy-họa. Ví-dụ có nhà nghề sành-sỏi, muốn đem hết cả cái bí-thuật của nghề mình mà minh-thuyết chi-li, cả những điều tỉ-mỉ cũng giải-nghĩa tinh-tế, thiết-tưởng người mới tập càng thêm rối trí, không biết điều nào hợp với cái trình-độ mình mà đem ứng-dụng được. Vậy chúng tôi mong rằng những điều cốt-yếu nhất về thuật thủy-họa đã khảo ở trong bài này, — nếu không đến nỗi sai-lầm, — thì cũng đã tiềm-tiệm đủ cho các nhà mới tập vậy. Cái chủ-ý của chúng tôi là muốn tìm giúp các nhà một con đường thẳng để hướng-dẫn các ngài cho chóng đạt tới mục-đích. Chúng tôi vẫn biết rằng các nhà chỉ cần dìu-dắt một lúc buổi đầu mới tập mà thôi, đến khi vẽ đã khá-khá thì những phương-pháp tự-nhiên hợp với bẩm-tính mình, tự mình mình sẽ tìm ra lấy được. Các nhà nên lưu-ý tìm lấy phương-pháp riêng của mình, chớ nên làm nô-lệ sách quá, mà có theo học một ông thầy cũng chớ nên làm nô-lệ ông thầy quá. Xin đừng như mấy người học-trò một nhà hội-họa kia, vẽ được bức nào cũng muốn bắt chước giống hệt thầy, thành ra ai trông bức họa của họ cũng bảo ngay được là môn-sinh nhà hội-họa ấy. Ta phải nên biết rằng các nhà hội-họa các nước, mỗi nhà có một cái đặc-sắc riêng của mình, không ai giống ai cả. Cái đặc-sắc riêng của ta ấy, chính là cái mục-đích cao nhất của ta, ta muốn nên tay danh-họa, ta phải lưu-tâm nhất về điều ấy.

Vũ Đình-Long

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH(1)

孟子國文解釋

II

承願寡王梁
教。安人曰。惠

Dịch-âm. — *Lương Huệ-vương viết: «Quả-nhân nguyện an thừa giáo».*

Dịch-nghĩa. — Huệ-vương nước Lương nói: « Quả-nhân này xin yên lòng để vâng lời dạy ».

Chú-giải. — Chương này cũng là tiếp theo chương trên.

. . .

異異刃無有人孟
也。乎。與以以以子
曰政。異異梃對
無有也。乎。與曰。
以以以曰刃。殺

Dịch-âm. — *Mạnh-tử đối viết: « Sát nhân dĩ đĩnh dữ nhận, hữu dĩ dị hồ? — Viết vô dĩ dị dã. — Dĩ nhận dữ chính, hữu dĩ dị hồ? — Viết vô dĩ dị dã.»*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh thưa: « Giết người dùng gậy tầy với dùng mũi nhọn, có khác nhau không? — Vua nói: Không khác gì nhau. — Dùng mũi-nhọn với dùng chính-ác, có khác nhau không? — Vua nói: Không khác gì nhau».

. . .

而餓有廐曰
食莩。饑有庖
人此色。肥有
也。率野馬。肥
獸有民肉。

Dịch-âm. — *Viết: « Bảo hữu phi-nhục, khứu hữu phi-mã, dân hữu cơ-sắc, dã hữu ngã-biểu, thử suất-thú nhi thực nhân dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói: «Nay bếp nhà vua có thịt béo, chuồng có ngựa béo, mà dân có sắc đói, ngoài đồng có xác người chết đói; thế là xua đàn thú mà ăn thịt người đấy.

Chú-giải. — *Suất*, nghĩa là đem xua ra. Đây là nói cái hại về ngược-chính đánh thuế nặng, lấy của dân để nuôi cầm-thú, để đến nỗi dân phải chết đói, cũng chẳng khác gì là xua đàn thú mà ăn thịt người.

. . .

也。爲人。率政民人獸
民惡獸不父惡相
父在而免母。之。食。
母其食於行爲且

Dịch-âm. — *«Thú tương thực, thả nhân ố chi; vi dân phụ mẫu, hành chính bất miễn ư suất thú nhi thực nhân, ô tại kỳ vi dân phụ mẫu dã!*

Dịch-nghĩa. — « Đàn thú nó ăn thịt nhau, người ta còn ghét nó. Nữa là làm cha mẹ dân, hành chính đến nỗi xua đàn thú mà ăn thịt người, sao gọi là cha mẹ dân được!

Chú-giải. — *Ô*, cũng như chữ *hà*, nghĩa là sao. Cha mẹ dân là trỏ ông vua.

. . .

死斯之用其無作仲
也。民何之象後俑尼
饑其也。人乎。者。曰。
而使如而爲其始

Dịch-âm. — *Trọng-ni viết: « Thủy tác dũng giả, kỳ vô hậu hồ.» Vị kỳ tượng-nhân nhi dụng chi dã, như chi hà kỳ sử tư dân cơ nhi tử dã! »*

(1) Xem *Nam-Phong* số 78.

Dịch-nghĩa.—«Đức Trọng-ni có nói: « Cái người khởi-đầu tác-dũng kia, chắc là con cháu sau không khá được đâu », vì là tạc tượng người mà dùng đó thôi, ngài còn ghét thế, nữa là nỡ lòng nào khiến cho dân thật phải chịu đói mà chết vậy. »

Chú-giải. — *Tác-dũng*, là tạc ra người bằng gỗ để chôn theo người chết. Đời thượng-cổ khi tống-táng, có buộc nắm cỏ làm ra hình người, đại-khái như người bồ-nhìn, để làm kẻ theo hầu cho người chết, gọi là *sô-linh* (cỏ thiêng); hơi giống hình người mà thôi. Đến đời trung-cổ, mới dồi ra làm người bằng gỗ, thì có tai mắt và có máy cử-động hẳn-hoi, hệt giống hình người quá. Nên đức Khổng ghét là bất-nhân, mà trách cái người tác-dũng ấy tất là vô-hậu. Thầy Mạnh lại giải ra rằng đem chôn người gỗ, đức Khổng còn ghét như vậy, nữa là làm những chính-sách tàn-ngược, để cho dân đến nỗi đói mà chết, khác nào là chôn dân thực, thì bất-nhân biết là dường nào, chẳng đáng ghét lắm ru!

Tổng-bình. — Phàm những người làm vua, ai lại sẵn có cái lòng xua đàn thú để ăn thịt người bao giờ. Nhưng chỉ vì cứ theo cái tư-dục của mình mà làm cho sướng, không biết thương gì đến dân, thì kết-quả về sau chắc là đến nỗi thảm-độc như vậy. Than ôi! Những kẻ cầm cái quyền-chức chăn dân ấy khác nào như là cha đối với con, thời phải vì con làm những điều lợi, tránh những điều hại, không lúc nào quên con mới là phải, sao lại coi con không bằng giống vật thế ru! (*dịch lời họ Lý*)

可。一人百焉。東知下梁
洒恥里。西敗也。莫惠
之。之。南喪於及強王
如顯辱地齊。寡焉。曰。
之比於於長人叟晉
何死楚。秦子之之國
則者寡七死身。所天

Dịch-âm. — *Lương Huệ-vương viết : « Tấn-quốc thiên-hạ mạc cường yên, tầu chi sở tri dã. Cập quả-nhân chi thân, đông bại ư Tề, trưởng-tử tử yên ; tây táng địa ư Tần thất bách lí ; nam nhục ư Sở, quả-nhân sỉ chi, nguyện tị tử giả nhất sái chi, như chi hà tắc khả?»*

Dịch-nghĩa. — Huệ-vương nước Lương hỏi rằng : « Nước Tấn, thiên-hạ không nước nào mạnh bằng, cụ hẳn đã biết dấy. Kịp đến thân quả-nhân này, đàng đông bị thua với nước Tề, chết mất người con trưởng; đàng tây mất đất về nước Tần bảy trăm dặm ; đàng nam bị nhục với nước Sở, quả-nhân này lấy làm sỉ lắm, muốn vị tiền-nhân rửa sạch cái sỉ ấy đi, làm thế nào thời được?»

Chú-giải. — Nước Lương vốn là dòng-dõi họ Ngụy làm quan đại-phu nước Tấn khi xưa, sau cùng với họ Hàn họ Triệu chia đất nước Tấn ra làm ba, gọi là Tam-Tấn, nên Huệ-vương mới gọi nước mình là nước Tấn. Tử cũng như vị, nghĩa là vì. *Tử-giả*, là những người đã qua đời, là trỏ các bậc tiên-nhân nước Lương. *Sái*, nghĩa là rửa sạch.

以而百地對孟
王。可里。方曰。子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử đối viết : « Địa phương bách lí, nhi khả dĩ vượng.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh thưa « Đất vuông trăm dặm, cũng có thể vượng được thiên-hạ.

Chú-giải. — Tiếng chung tôn-xưng ông vua là *vương*, làm vua thống-trị cả thiên-hạ là *vượng*.

Ý thầy Mạnh bảo vua chớ lo nước Lương ngày nay hao quân mất đất, thế nước yếu hèn, không làm gì được. Nếu mà có chí tự cường, thì dẫu cõi đất nhỏ hẹp vuông đó trăm dặm, cũng có thể thống-trị được thiên-hạ. Huống-chi nước Lương còn là nước lớn có nghìn dặm, há những trăm dặm mà thôi lo gì chẳng vượng được thiên-hạ.

之制事事孝者欲。民。王
堅梃其其悌以深省如
甲以長父忠暇耕刑薄
利撻上。兄。信。日易罰。仁
兵秦可出入修耨。薄政
矣。楚使以以其壯稅斂

Dịch-âm. — « *Vương như thi nhân-chính ư dân, tỉnh hình-phạt, bạc thuế-liễm, thâm canh dị nậu ; tráng-giả dĩ hạ-nhật tu kỳ hiếu-đễ trung-tín, nhập dĩ sự kỳ phụ-huynh, xuất dĩ sự kỳ trưởng-thượng, khả sử chế đĩnh dĩ thát Tần Sở chi kiên-giáp lợi-binh hĩ.*

Dịch-nghĩa. — « Vua nếu thi-hành nhân-chính cho dân, giảm bớt hình-phạt, nhẹ thu thuế-má, để dân được cày sâu bừa kỹ, những người lớn cứ ngày nhàn-hạ tu lấy những điều hiếu-đễ trung-tín, vào để thờ đấng phụ-huynh trong nhà, ra để thờ bậc tôn-trưởng ngoài nước ; như thế thì chỉ sai dân sắm gậy có thể đánh tan quân giáp bền gươm sắc của nước Tần nước Sở được.

Chú-giải. — *Dị*, nghĩa là trị, là làm kỹ-càng. *Nậu*, là bừa cỏ. *Chế-đĩnh*, là vạt gỗ làm gậy tầy. *Thát* là đánh. *Chế-đĩnh thát Tần Sở*, ý là nói không phải dùng binh mà cũng khuất-phục được người.

Đây là bảo cốt làm nhân-chính, dạy dân cho biết lễ-nghĩa, thời dân tự-khắc có lòng trung-quân ái-quốc, có đủ sức để chống giặc ngoài, để tỏ rõ cái ý dẫu nước nhỏ trăm dặm cũng có thể nưng-vượng được.

∴

夫王彼弟父以使彼
誰往陷妻母養不奉
與而溺子凍其得其
王征其離餓。父耕民
敵。之。民。散。兄母。壓時。

Dịch-âm. — « *Bỉ đoạt kỳ dân-thời, sử bất dân canh nậu dĩ dưỡng kỳ phụ-mẫu, phụ-mẫu đông ngã, huynh-đệ thê-tử li-tán. Bỉ hãm-nịch kỳ dân, vương vãng nhi chinh chi, phù thùy dữ vương địch.*

Dịch-nghĩa. — « Nước kia cướp mất mùa làm ruộng của dân, khiến dân không được cày bừa để nuôi cha mẹ, cha mẹ đói rét, anh em vợ con lìa tan. Nước kia nó làm hãm-hại dân nó, vua đem quân đến hỏi tội nước nó, ôi ! dân nó còn ai là kẻ địch lại với vua nữa.

Chú-giải. — Nước kia, là trỏ nước địch quốc. *Hãm*, là hãm xuống hố. *Nịch*, là đắm xuống nước. *Hãm-nịch* là ý làm tàn-hại dân. *Chinh* là chinh, là đem quân đi hỏi tội.

Đây là nói địch-quốc làm hại dân, dân nó đã oán vua nó sẵn, mà dân mình toàn là dân hiếu-đễ trung-tín, đã biết lễ thân-thượng tôn-quân, thì đi đánh dân mà còn có kẻ chống lại nữa.

∴

勿王無仁故
疑。請歇。者曰。

Dịch-âm. — « *Cổ viết : « Nhân-giả vô-địch », vương thỉnh vật-nghi.* »

Dịch-nghĩa. — « Cho nên lời cổ rằng : « Người nhân không ai địch nổi. » Xin vua chớ ngờ. »

Chú-giải. — Đây là nói lòng dân về với kẻ có nhân, thì kẻ có nhân chắc là vượng được thiên-hạ, có kẻ chi quốc-thế yếu hay mạnh lớn hay nhỏ, chỉ cốt làm nhân-chính để cứu dân, thì thiên-hạ vô-địch, những việc báo-thù tuyết-sỉ có kể làm cui vậy.

Tổng-bình. — Ý Huệ-vương chỉ lo về nỗi nước Tần nước Sở, mục-đích cui muốn tuyết-sỉ phục-thù. Nhưng lời bàn thầy Mạnh thì lại khuyên-hướng về cái phương-châm cứu dân và dạy dân, nói đến hiệu-quả có thể thống-nhất được thiên-hạ, mới nghe thì ngờ là vu-khoát. Nhưng xét ra cho kỹ, phàm nước mà dân-sinh đã đủ, dân-trí dân-đức đã hay, thì nước nào là chẳng giàu, nước nào là chẳng mạnh. Ôi ! giàu mạnh bằng kiên-giáp lợi-binh, đó là cái hình-thức giàu mạnh mà thôi ; giàu mạnh bằng thiện-chính thiện-giáo mới thật là cái tinh-thần giàu mạnh vậy.

曰。惡然見君。望王。孟
定乎間所就之出子
于定。曰。畏之不語見
一。吾天焉。而似人梁
對下卒不人曰。襄

Dịch-âm. — *Mạnh-tử kiến Lương Tương-vương, xuất ngữ nhân viết : « Vọng chi bất tự nhân-quân, tựu chi nhi bất kiến sở-ủy yên. Thốt-nhiên vấn viết : Thiên-hạ ô-hồ định.? — Ngô đối viết : Định vu nhất.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh vào yết-kiến Tương-vương nước Lương, trở ra nói chuyện với người rằng : « Trông xa thì chẳng giống khí-tượng ông vua, đến gần thì chẳng có uy-nghi gì khá sợ. Lại thốt-nhiên hỏi rằng : Thiên-hạ bao giờ định ? — Ta thưa rằng : Định về cuộc hợp-nhất.

Chú-giải. — *Thốt-nhiên*, là cái dáng bấp-tấp. *Ô*, là sao, là nào, *Ô-hồ*, là lúc nào, là bao giờ.

Đây là kể ra cái bộ-dạng ông vua tầm-thường, lời nói láu-táu, không đủ cùng làm sự-nghiệp gì được.

Toàn-thiên đều là lời thầy Mạnh thuật lại để bàn rõ cái đại-nghĩa về cuộc thống-nhất cốt ở điều bất-thị sát-nhân.

∴

一者殺不對一孰
之。能人嗜曰。之。能

Dịch-âm. — *«Thục năng nhất chi? — Đối viết : Bất-thị sát-nhân giả năng nhất chi.*

Dịch-nghĩa. — « (Vua hỏi) : Ai hay thống-nhất được ? — Ta thưa rằng : Ông vua không hay giết người thì thống-nhất được.

Chú-giải. — *Thị*, là thích, là ưa muốn. *Bất-thị sát-nhân*, là không thích giết người, là nói ông vua có nhân-đức biết thương dân.

∴

沛誠則嗜殺則苗王孰
然如天殺之。苗槁知能
誰是下人今勃矣。夫與
能也。之者夫然天苗之。
禦民民。也。天與油乎。對
之。歸皆如下之然七曰。
之引有之矣。作八天
由領不人其雲。月下
水而嗜牧。如沛之莫
之壑殺未是。然間。不
就之人有孰下旱與
下。矣。者。不能雨。則也。

Dịch-âm. — *«Thục năng dữ chi? — Đối viết: Thiên-hạ mạc bất dữ dã. Vương tri phi miêu hồ? Thất bát nguyệt chi gian, hạn, tô miêu cảo hĩ. Thiên du-nhiên tác vân, bái-nhiên hà vũ, tắc miêu bột-nhiên hưng chi hĩ. Kỳ như thị, thục năng ngữ chi? Kim-phi thiên-hạ chi nhân-mục, vị hữu bất-thị sát-nhân giả dã. Như hữu bất-thị sát-nhân giả, tắc thiên-hạ chi dân, giai dẫn lĩnh nhi vọng chi hĩ. Thành như thị dã ; dân qui chi do thủy chi tựu hạ, bái-nhiên thùy năng ngữ chi.»*

Dịch-nghĩa. — « (Vua lại hỏi) : Ai chịu theo về với mình ? — Ta lại thưa rằng : Thiên-hạ chẳng ai là chẳng theo về đấy. Vua biết giống lúa-mạ không ? Khoảng tháng bảy, tháng tám, nắng thì lúa khô ; trời mà đùn-đùn bốc mây, ào-ào đổ mưa, thì lúa mơn-mởn tốt bật ngay lên, như thế thì ai có thể ngăn lại được. Ôi ! Các ông nhân-mục trong thiên-hạ đời nay, chưa có ông nào là chẳng thích giết người. Nếu có ông vua nào không thích giết người, thì dân thiên-hạ đều nghển cổ mà mong cả đó. Thật như thế vậy, dân theo về cũng như nước chảy xuống chỗ trũng, ầm-ầm xô xuống, ai ngăn lại được. »

Chú-giải. — *Dữ*, cũng như chữ qui, nghĩa là theo về. *Du-nhiên*, là dáng mây đùn. *Bái-nhiên*, là dáng mưa đổ xuống và nước chảy mạnh. *Bột-nhiên* là dáng lúa bốc tốt lên. *Mục* nghĩa là chăn nuôi, *Nhân-mục* cũng như nhân-quân, là trỏ người chăn nuôi nhân-dân.

Đây là nói tình người ta ai là chẳng yêu sự sống, ghét sự chết, nếu đương đời Chiến-quốc tranh giết nhau như thế, mà có ông vua nào biết thương người xuất-hiện ra, thì thiên-hạ người ta đều bằng lòng mà theo về cả, vì như lúa khô gặp mưa, nước chảy chỗ trũng thật là cái thế rất mạnh, mà cũng là cái lẽ tự-nhiên.

———•———

乎。得事。文桓曰。王齊
聞可之晉齊問宣

Dịch-âm. — *Tề Tuyên-vương vấn viết «Tề Hoàn, Tấn Văn chi sự, khả-đắc văn hồ ?»*

DỊCH-NGHĨA. — Tuyên-vương nước Tề hỏi : « Những việc vua Hoàn nước Tề vua Văn nước Tấn, có thể nói cho nghe được không?»

Chú-giải. — *Tề Hoàn Tấn Văn* = Đời Xuân-thu có năm ông vua thay đổi nhau làm bá-trưởng chư-hầu. Tề Hoàn-công, Tấn Văn-công, Tống Tương-công, Tần Mục-công, và Sở Trang-vương, gọi là năm đời bá, duy có Tề Hoàn Tấn Văn là công-nghiệp lừng-lẫy hơn cả.

*
* *

以之傳以之無仲孟
則聞焉。後事道尼子
王也。臣世者。桓之對
乎。無未無是文徒。曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử đối viết : «Trọng-ni chi đồ, vô đạo Hoàn Văn chi sự giả, thị dĩ hậu-thế vô-truyền yên, thần vị chi văn đã. Vô dĩ tắc vương hồ ? ».*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh thưa : «Môn-đồ ông Trọng-ni, không nói đến sự vua Hoàn vua Văn, bởi thế đời sau không thấy truyền lại, sự đó tôi chưa được nghe. Vua muốn cho tôi nói nữa, thì nói cái đạo vượng thiên-hạ được không ?»

Chú-giải. — *Trọng-ni* = tên tự đức Khổng phu-tử. *Đạo*, là nói. *Dĩ*, là thôi, chữ *dĩ* 以 này thông-dụng với chữ *dĩ* 已.

∴

也。之而曰。以如曰。
能王。保王則德
禦莫民矣。可何

Dịch-âm. — *Viết : Đức hà như tắc khả dĩ vượng hĩ ? — Viết : Bảo dân nhi vượng mạc chi năng ngữ đã.*

DỊCH-NGHĨA. — Vua hỏi : Đức ông vua thế nào thì vượng được thiên-hạ? — Đức ông vua thực đủ giữ-gìn được dân, thì cái thế vượng thiên-hạ, không ai ngăn được. »

Chú-giải. — *Bảo* = giữ-gìn ; chữ *bảo* gồm có bốn nghĩa : bảo-dưỡng, bảo-toàn, bảo-tuất, và bảo-hộ, *ngữ* = ngăn lại, chống lại.

∴

羊然其曰。過胡可。曰。
易則觳將堂觳曰若
之。廢觫。以下曰。何寡
不釁若釁者。王由人
識鐘無鐘。王坐知者。
有與。罪王見於吾可
諸。曰而曰之。堂可以
何就舍曰上。也。保
可死之。牛有曰民
廢地。吾何牽臣乎
也。對不之。牛聞哉。
以曰。忍對而之曰

Dịch-âm. — *Viết : Nhược quả-nhân giả, khả dĩ bảo dân hồ tai? — Viết : khả. — Viết: Hà do tri ngô khả đã ? — Viết : Thần văn chi Hồ Hột viết : « Vương tọa ư đường-thượng, hữu khiên-ngưu nhi quá đường-hạ giả. Vương kiến chi, viết : Ngưu hà chi ? Đối viết : Tương dĩ hấn-chung. Vương viết : Xả chi, ngô bất-nhẫn kỳ hộc-tốc, nhược vô-tội nhi tựu tử-địa. Đối viết : Nhiên-tắc phế hấn-chung dư ? Viết : Hà khả phế đã, dĩ dương dịch chi. » Bất thức hữu chư ? »*

DỊCH-NGHĨA. — Vua hỏi : Như cái đức quả-nhân này, đủ giữ-gìn được dân không? — Thầy nói : Được. — Vua hỏi : Bởi sao biết tôi có thể được ? — Thầy nói : Tôi có nghe ngươi Hồ Hột nói chuyện với tôi rằng : « Một hôm vua ngồi ở trên thềm, có đứa dắt trâu đi ở dưới thềm. Vua trông thấy, vua hỏi : Dắt trâu đi đâu ? Đứa dắt trâu thưa : Toan dem giết nó để lấy máu bôi chuông. Vua nói : Tha nó ra, ta không nỡ trông thấy nó hộc-tốc, bằng đường vô-tội mà

phải tới chỗ chết. Đứa dắt trâu thưa : Thế thì bỏ việc bôi chuông ư ? Vua nói : Sao bỏ được, đem dê thay cho nó.» Chẳng biết chuyện ấy có chăng?»

Chú-giải. — *Hồ Hột* = quan nước Tề. *Hấn* = chỗ nứt-nẻ. Chuông mới đúc nhiều chỗ nứt-nẻ, phải dùng máu loài súc-sinh để bôi vào cho liền. *Hộc-tốc* = Nhơ-nhác run-sợ.

Đây là thầy Mạnh thuật lại lời Hồ Hột nói chuyện với mình mà hỏi lại vua.

.·.

忍 知 愛 皆 王 是 曰
也。王 也。以 矣。心 有
之 臣 王 百 足 之。
不 固 爲 姓 以 曰

Dịch-âm. — *Viết : Hữu chi. — Viết : Thị tâm tức dĩ vương hĩ. Bách-tính giai dĩ vương vi ái dã, thần cố tri vương chi bất-nhẫn dã.*

Dịch-nghĩa. — Vua nói : Chuyện ấy có. — Thầy nói : « Cái lòng bất-nhẫn ấy đủ vượng được thiên-hạ. Bách-tính đều cho vua là tiếc của đấy, tôi thực biết vua là bất-nhẫn vậy.»

Chú-giải. — *Bách-tính* = trăm họ, là trỏ nhân-dân. *Ái* = nghĩa là tiếc.

.·.

之 地。無 忍 愛 雖 百 王
也。故 罪 其 一 褊 姓 曰
以 而 殺 牛。小。者。然。
羊 就 觳。即 吾 齊 誠
易 死 若 不 何 國 有

Dịch-âm. — *Vương viết : « Nhiên, thành hữu bách-tính giả. Tề-quốc tuy biển-tiểu, ngô hà ái nhất-ngưu, tức bất-nhẫn kỳ hộc-tốc, nhược vô-tội nhi tựu tử-địa, cố dĩ dương dịch chi dã.»*

Dịch-nghĩa. — Vua nói : « Phải ! Thực có như lời bách-tính họ chê đó, nhưng nước Tề tuy nhỏ-hẹp, ta có tiếc gì một con trâu. Chỉ là không nỡ trông thấy nó hộc-tốc bằng dường vô-tội mà tới chỗ chết, cho nên bảo đem con dê thay cho nó đấy thôi.»

愛 羊 我 焉。而 惡 王 曰
也。也。非 王 就 知 爲 王
宜 愛 笑 死 之。愛 無
乎 其 曰。地。王 也。異
百 財 是 則 若 以 於
姓 而 誠 牛 隱 小 百
之 易 何 羊 其 易 姓
謂 之 心 何 無 大。之
我 以 哉。擇 罪 彼 以

Dịch-âm. — *Viết : « Vương vô-dị ư bách-tính chi dĩ vương vi ái dã ; dĩ tiểu dịch đại, ô tri chi. Vương nhược ẩn kỳ vô-tội nhi tựu tử-địa, tắc ngưu dương hà trạch yên.» — Vương tiếu viết : Thị thành hà tâm tai ? Ngã ái kỳ tài nhi dịch chi dĩ dương dã, nghi-hồ bách-tính chi vị ngã ái dã.»*

Dịch-nghĩa. — Thầy nói : « Vua cũng chẳng lạ gì bách-tính họ cho vua tiếc của, vì đem con nhỏ thay con lớn họ biết đâu là vì bụng bất-nhẫn. Vì nếu thương nó vô-tội mà tới chỗ chết thì con trâu con dê khác gì nhau.» Vua cười mà rằng : « Chẳng hay lúc bụng ta nghĩ sao ? Nếu ta không phải là tiếc của, thì sao lại đổi ra con dê, bách-tính họ bảo ta là tiếc, cũng phải.»

Chú-giải. — *Ẩn* = thương-xót. *Trạch* = phân-biệt, *hà-trạch* là không phân-biệt gì.

Đây là thầy Mạnh cố đặt ra lời biện-luận muốn để cho vua tự xét hỏi lại bản-tâm nhưng vua vẫn chưa tự-giải rõ ra được.

.·.

遠 其 聞 生 於 見 仁 曰
庖 肉。其 不 禽 羊 術 無
廚 是 聲 忍 獸 也。也。傷
也。以 不 見 也。君 見 也。
君 忍 其 見 子 牛 是
子 食 死。其 之 未 乃

Dịch-âm. — *Viết : « Vô thương dã, thị nhân-thuật dã. Kiến ngưu vị kiến dương dã. Quân-tử chi ư cầm-thú dã, kiến kỳ sinh bất nhẫn kiến kỳ tử, văn kỳ thanh bất nhẫn thực kỳ nhục, thị dĩ quân-tử viễn bào-trù dã.»*

Dịch-nghĩa.— Thầy nói : « Không hại gì, ấy chính là cái mẹo làm nhân đó, bởi vì trông thấy con trâu chưa trông thấy con dê vậy. Người quân-tử xử với loài cầm-thú, trông thấy nó sống, không nỡ trông thấy nó chết, nghe tiếng nó kêu, không nỡ ăn thịt nó, cho nên quân-tử thường xa nơi lò bếp vậy. »

Chú-giải. — *Thuật* là mẹo khôn-khéo. Gặp việc khó xử thì phải có mẹo để xử-trí sao cho toàn, mà vẫn không hại đến việc làm nhân.

Đây là thầy Mạnh nói giải cái lẽ thay trâu ra dê không phải là tiếc của. Bởi vì trông thấy trâu, thì cái lòng bất-nhẫn đã phát-hiện ra rồi, dê chưa trông thấy thì cái lòng bất-nhẫn chưa hiện, thế thì tha cho trâu là làm đạt được lòng nhân ; mà dê dẫu bị giết cũng không hại gì lòng bất-nhẫn, ấy chính là cái mẹo khéo-khôn trong sự làm nhân đó. Người quân-tử sở-dĩ thường xa nơi lò bếp không muốn trông thấy những sự sát-sinh, là để bảo-dưỡng lấy cái lòng bất-nhẫn, mà mở rộng ra cái thuật làm nhân vậy.

王 王 曰。 人 有 夫 之。 而 心。 此 於
說 詩 予 之 夫 求 心 心 此
云， 曰。 心 乃 之。 有 之 我 者
他 度 也， 反 吾 於 之。 得 之。 所 何
也。 以 戚 之。 合 焉。 言 不 行 戚
也。

Dịch-âm. — *Vương duyệt, viết : « Thi vân : « Tha-nhân hữu tâm, dư thỗn-đạc chi. » Phu-tử chi vị dã. Phù ngã nãi hành chi, phản nhi cầu chi, bất đắc ngô-tâm, phu-tử ngôn chi, ư ngã-tâm hữu thích-thích yên, thử tâm chi sở dĩ hợp ư vương-giả, hà dã ? »*

Dịch-nghĩa. — Vua hả lòng, mà rằng : « Kinh *Thi* có câu : «Cái tâm người khác, ta hay lường-đạc ». Nhà thầy chính như thế đấy. Này như sự ta làm ra đó, mà ta xét lại tâm ta, ta không tự-giải ra được. Nay thầy nói rõ ra, tự-nhiên cái lòng bất-nhẫn của ta, lại sinh ra áy-náy cảm - động. Nhưng cái lòng ấy sở-dĩ hợp với cái lẽ vượng thiên-hạ được, là sao vậy ? »

Chú-giải. — *Thi* là thơ *Xảo-ngôn* thiên Tiểu nhã. *Thỗn-đạc* = suy lường đo xét. *Thích-thích* là dáng động lòng thương-xót.

(*Còn nữa*)

ĐÀNG-CHÂU *dịch*

CÂU CHUYỆN THẦY ĐỒ QUÊ

Nói với các chủ có con học

Mấy năm nay các ngài đã biết tôi dủ sức dạy được con cháu các ngài. Đầu năm khai-trường, tôi bận về công-việc xếp-đặt trường-qui ; ngày nghỉ mùa, các ngài bận về công-việc gặt-hái ; ngày tạ-trường, các ngài bận về việc cấy chiêm. Sư chủ ta quanh năm bận-bã, chưa mấy khi thong-thả họp mặt với nhau để chuyện-trò bao giờ. May năm nay ấm-áp, cấy-cấy chóng, nên ngày tạ-trường này đông-đủ ngồi chơi, tôi xin kể chuyện. Tôi lại mới học được « cách nói chuyện » ; nhưng ở nhà quê ta biết nói chuyện gì ? và lại nói chuyện ai bây giờ ? Thôi, thì tôi xin nói chuyện tôi, là những cách tôi thù-ứng trong khi gặp - gỡ những cảnh-tượng éo-le buồn cười, để các ngài nghe, khác nào như lối lưu-giản vậy.

Tôi mới tiếp báo *Nam-Phong* số 77, cuối mục « Văn-uyển » có thơ hỏi khách làng văn :

Cái thú văn-chương lan khắp chửa,
Mà trường ngôn-luận có riêng ai.

Nghĩ cũng thú thật, thế mà ta ở chốn nhà quê này chẳng biết thú với ai. Chỉ loanh-quanh với các ông chủ nuôi và mấy cậu tiểu-sinh, ngoài cái

nông-học phương-pháp kia, tân-học giáo-khoa nọ, chẳng còn biết trường ngôn-luận gì cho thủ nữa.

Tuy vậy mà có lúc các ông và học-trò lại hay nghe đối, nghe thơ, nghe hát. Mình chẳng hay-ho gì nhưng cũng mang tiếng « Anh Đồ », thôi thì chiều đời mới viết mấy câu đối ở trường rằng (chữ nôm viết theo lối quốc-ngữ cuộn tròn) :

Này này, chóng chóng, mau mau ; học đủ cách để ra đời ăn chơi.

Ầy ầy, ừ ừ, phải phải ; viết mấy hàng cho ra vẻ đọc ngang.

Thế mà các chủ có ông bông rằng : — À thầy đồ này cũng khá, chăm dạy trẻ học viết nhỉ.

Một hôm gặp tiết trung-thu (*đinh-tị*), định chèo thuyền ra chơi sông Vĩnh ở Vụ-bản. Đêm ấy mưa to, buồn quá, hết ra thềm hè lại vào tựa án ; chủ-nhân thấy tôi nghĩ-ngợi điều gì mà buồn chăng, mới dọn rượu mời bạn đồng-nghiệp và các chủ đến chuyện - trò cho vui. Sách tôi làm thơ và bài hát cho nghe. Lạ gì cái giống đa-tình mà người ta đã khêu trí, thôi cũng rút ruột tang-bồng trả nợ cho xong :

Thơ rằng :

Từng trải trăng thu mấy mấy rồi,
Ngổn-ngang lòng khách vẫn không nguôi.
Ngoài rèm gió thoảng bông huê nở.
Dòng nước cây tà chiếc lá xuôi.
Giấc mộng toan mơ cung nguyệt nhởn.
Trên lầu chợt tỉnh tiếng chuông hồi.
Nhiệt-thành gang tấc ai hay tỏ,
Cùng tới thu-dương dãi khúc-nhôi.

Hát nói rằng (bài này nguyên của thầy Tổng-Hồ soạn) :

Sĩ - quân - tử đứng trong thiên-địa, nghĩ cũng hay mà không nghĩ lại càng hay. Nhân - sinh ba vạn sáu nghìn ngày, hơi chi để đắng cay mà phải nghĩ. Thôi đừng kể nông, công, thương, sĩ, dẫu nghề nào thích-chí cũng là hơn. Ta nay gặp buổi thanh-nhàn, trung-thu tiết bộ bàn chơi cuộc rượu. *Khinh phong khẽ ngoại hoa hàm tiếu, độc thụ giang biên diệp bán lưu*. Nọ xâm-banh, nọ cô nhát, nọ bát bịt, nọ mâm than, nọ phi mượn ả-đào là thích-chí. Sư cùng cô cùng nhau tri-kỷ, cái phong-lưu chẳng dễ kém chi ai. Trông trăng nói nói cười cười, gác những sự tương-lai sẽ tính. Cuộc hành-lạc tỉnh say say tỉnh, tỉnh hay say, say tỉnh cũng mãn lòng. Vui thay cái thú tương-phùng.

Hát xẩm rằng :

— Anh thì đồ, khen ai khéo gọi tiếng anh thì đồ. Sao không tội-lệ mà mắc tiếng đồ thế nay ? Bởi người đồ lắm kẻ tranh hay, múa ba tấc lưỡi anh những làm thầy người ta. Hay miệng thế sai-ngoa, đem lời triết-lý anh khử-tà phẩu-gian. Nên chi người đồ tiếng oan. Oan thì oan vậy chẳng khoản nào. Ở đời thế mới thanh-tao.

Các chủ nghe cũng được một vài hứng thú, mới nói đùa rằng : — Sao thầy không kiếm lấy cô nào đi, chúng tôi nghe như bà cụ thầy già-cả rồi.

Nghe các chủ nói cũng có ý cảm tình, nhân tả bài « Giục thầy đồ lấy vợ » rằng :

Mười

Ao sâu cá cả phải vào,
Người coi như thế mà sao chưa gì?
Sao không tìm bạn tương-tri,
Nay lần mai lữa còn gì là xuân ?

Hát

Trường tư-thục có thầy đồ Lê tính ương-ương mà trò-chuyện cũng ương-ương ; sớm hôm xưa ở chốn hương đường, em nhác thấy thầy đồ nghênh-ngáo ! Lúc nằm khàn, lúc vuốt bụng, lúc ngâm thơ, lúc đọc bài xem ra còn láo-nháo lắm trò hề. Bước chân vào xin phép trình thầy

nay nam, bắc, đông, tây, gà đã gáy. *Yếu thức minh-châu tu cự-hải ; nhược cầu lương-ngọc tất danh-san.* Cớ sao thầy cứ ngồi tràn ?

Bài trả lời :

— Niên-hoa mỗ tới thu này hăm bảy, cách giao-du chưa xảy tiếng-tăm gì : miền sơn-dã chốn kinh-kỳ, mùi đắng ngọt chẳng thiếu chi không trải. Nguyên năm trước đã có người sồi-vải, bảy năm tròn tháng lại ngày qua. Bỗng ai xui chức-nữ độ-hà, từ hồi ấy chưa ai là tri-kỷ. Nghe đây có thanh-san lục-thủy, lại gặp người trong bạn tri-âm ; nào ca-thi, nào xướng-họa, nào ngoạn-nguyệt, nào minh-cầm, lấy đạo-học mới một năm đà lẻ tám ; tuần vọng-nguyệt ra ngồi chơi tạm, hứng mấy câu cho cảm chút tình. Cứ lời hải-thệ san-minh !

. . .

— Lại một hôm đi chơi chùa Hương, học-trò thấy thơ của các bậc du-quan cổ-kim, đề tầng mới tầng cũ chi-chít cả, các cậu thấy thế cũng muốn hấp-thụ, giục tôi đề. Tôi nghĩ bụng : Thấy những phương-danh các bậc đại-thần phong-thể và những cao - nhân dật-khách cả, mình chẳng qua nhất-cá-thư-sinh, đâu dám tò-mò mà thơ với thần ! Nhưng nếu không thì thất cái hi-vọng của các cậu, cũng đành phải nghêu-ngao cho tắc-trách.

Ngâm rằng :

Non cao xanh ngắt, nước trong veo,
Dấu Phật sao nay ngó vắng teo.
Cửa động lửa hương tầng khói tỏa,
Trước khe xe ngựa chật đường leo.
Đăng-lâm miệng khách vang sườn núi,
Hứng-vịnh làng thơ lắm vận gieo.
Hỏi chú trụ-trì đây có biết :
Gà ai bên lạch gáy như reo ?

. . .

Ngoài cái thù-ứng hư-văn này, cũng là cách ngày qua tháng trọn, có trường ngôn-luận gì cho vui nữa đâu. Giản-hoặc mỗi tháng một vài kỳ, lập ngày nghỉ phần xác riêng, nhân lúc thừa-nhàn để đi tiếp chuyện với các ông tổng-hào, thầy lý quốc-trái, chẳng hạn là các cụ hương-quan hào-hữu, xem cái tính đặc-biệt của các ông sở-thích về phương-diện nào, sẽ tùy phương-diện đó, đem các yếu-mục trong tân-văn tạp-chí, giải-phẫu và thí-dụ cho các ông ấy nghe. Chỉ thấy các vị đối-đãi một cách « phải và gật » thôi. — Lại có ý cho mình là phái « tuy thiện vô tôn », thành thử câu chuyện của mình, tôi xin mạn phép nói ; thật rõ nước đổ đầu vịt, đàn gẩy tai trâu cả. Rồi các ông quay ngay ra chuyện lý-tài, tôi cứ chịu ngồi ngay như thằng ngố rừng để nghe họ nói, quanh đi quẩn lại chỉ nghe : « Năm nay lúa cao, có ai ăn giá đấu thì cho ; nếu có vay lúa thì phải một thành hai ; có vay tiền phải mỗi đồng mỗi tháng một hào, hào rưỡi, hai hào chi đó. Lĩnh đàng nào mặc lòng, đều phải cầm đồ thế ruộng ; viết văn-tự phải cộng cả bản-tức làm nguyên-bản, còn sinh-tức y-lệ ngoại. » Không biết y-lệ sau này họ xử-trí ra làm sao ?

Miệng tôi bấy giờ như người ngậm hạt thị ; mặt ngay như cán tàn ; đầu như đội nón kỵ-mã ; chân tay thân-thể như bác hàn-nho hồi tháng mười tháng một mấy năm xưa ở phố Năng - tĩnh. Nhưng cũng cứ phải liều cho trôi câu chuyện và đáp lại rằng : « Ngài cũng thức thời-vụ lắm, thảo nào tôi vẫn nghe các cụ tiền - bối nói : Phàm người giàu - có, đều là người khôn cả, bữa nay tôi mới thí - nghiệm được. Vả câu chuyện ngài vừa nói đó, thật là biện thị-phi, minh lợi-hại lắm, mà câu tục-ngữ của ta : « Tần-tiện mới giàu, cơ-cầu mới có » thật đích lắm. »

Các ông ấy nghe lời tôi có vẻ thành-thực, cho vào bậc đồng-châu cộng-

tháp, cũng mời nằm khểnh « sè sè » kéo giảm ba điếu thở nghê ! Thích thời cũng dọn một vài đĩa nhắm, ngất-ngưởng ngồi đánh chén. Cuộc rượu đang vui, bỗng thấy một cảnh-tượng làm cho dây thị-thính-thần-kinh của tôi phải quan-sát cảm-tình vô-hạn !

Số là thấy một ông cụ độ ngoài 60 tuổi đầu, đội nón đã rách hết mền sơn tầng ngoài ; râu tóc bạc phơ ; lông mi rủ gần khắp mắt ; quần nâu áo vá ; cổ khoác áo tơi ; tay chống gậy lụi ; chân đi dép quai ngang ; mặt thoạt coi ra dáng ủ-dột, sau coi sắc có bộ hồng-hoạt lắm ; lát lát lại thấy lưỡi khỏa ra ngoài hai mép. Sau lưng ông lại có một người con gái độ 18 đến 20 : đầu đội nón lái-túi (lòng chảo), ăn mặc cũ-kỹ lối nhà quê mà có dáng gọn-gàng ; cổ cũng khoác áo tơi ; tay trái thỉnh-thoảng cọ lên mắt ; tay phải ôm khăn gói ; sắc mặt không ra vẻ hồng-nhan mà có ý đượm-đà tươi-tắn lắm.

Bấy giờ nhà ông hào đương cơm, nghe tiếng người nhà dưới nói to rằng : — Cha con ông lão kia đi đâu ? — Ông cụ nói : — Trình ông trong ấy lạy bà ; đồng tiền bát gạo củ khoai lạy thầy ! Nguyên cha con tôi ở xứ Đông, vốn nhà cầy cấy làm ăn, không quản chân bùn tay lấm mà có phải là ăn bơ làm biếng đâu. Chẳng may bị nước lụt vừa rồi, mùa-màng mất cả ; vay mượn cầm cố kiếm ăn ; chu con sang đây, tìm việc làm thuê : chầy gạo cối lúa, quốc gió cầy mưa, cho no đủ ngày tháng.

Lại nghe tiếng bà hào nói : — Lão quốc có khỏe không ? để tôi khoán mẫu. Cô kia xay dã, giần sàng, vò đạp, có giẻo dai không ? để tôi khoán việc !

Ông cụ nói : — Thân lươn bao quản lấm đầu, xin cụ dong-công, chứ khoán thì nghiệt quá ! Nay cha con sa chân đã bước vào đây, mà gặp có việc ngay, cũng là bước may rồi, hãy xin tạm trú.

Lúc đó ông hào đang cuộc với tôi chừng đã xéo phải vỏ dưa bao giờ chăng ! ông mới chạy ngay ra khăn khăn gói, giở ra thì thấy một cái khăn nhiễu tam-giang, chừng 4, 5 vuông một cặp áo lót vải Đồng-lầm, chiếc lót lụa xanh, chiếc lụa quan lục ; một cái khăn nái mộc độ hơn mười vuông.

Tôi ngồi trong tiệc, coi cái cảnh tượng thiều-não ấy, cái phong-thái khắt-khe kia, chợt nhớ đến câu đó của cụ hưu-hoạn ngày trước đã cho mà quên mất một lỉa không nhớ nữa, chỉ còn nhớ một đoạn rằng 安得廣厦千萬間。使天下寒士盡任蚊幬。 *An đắc quảng-hạ thiên vạn gian, sử thiên-hạ hàn-tố tận tinh mông.*

Giá ước gì được thế thì phải, nhưng sự ước đó chẳng qua là ảo-tưởng chứ có đâu.

Tôi nhìn cách-điệu ông cụ cũng đoán mơ-hồ rằng : Ông cụ này đi đường nhọc, nhà quê không sẵn hàng, chừng khát nước, nên trên mép luôn ! Đồ-vật kia, chừng đồ nữ-trang của cô con sắp về nhà chồng, nay bị cảnh thủy-lạo, nên mang đi để phòng độ thân, khi giữa đường đời gánh bất-bình chi đó. Còn như cái xin tạm-trú, chừng xem ý chủ nhà có nhân-từ không ; nếu quả như lời Dương Hóa nói : « *vi phú bất-nhân* », sẽ liệu cao-phi viễn-tẩu chăng ?

Cuộc rượu xong. Bóng gương đã gác non đoài, lời vàng đá chưa lọt tai bạn-bầy, mới đã từ dời gót ; bỗng đâu thấy vài ông hào nữa lại đó, tôi cũng đã quen, chu-ông bấy giờ cố lưu lại để chuyện-trò cho vui. Tôi cũng nghĩ : « Bàn tay còn có ngón dài ngón ngắn ; huống thập-thất chi ấp, há không có người trung-tín hay sao ? âu là tôi hãy ở lại, để nghe xem có được điều gì bổ-ích chăng. »

Trời vừa xẩm tối, đèn tọa-đăng

sáng rực bàn ngồi, chè xanh giăm bảy chén, giầu đỏ một vài tuần, chuyện trò thỏ-thẻ.

Ông thì nói : — Vụ cấy chiêm năm nay nhờ trời ấm cả mùa. Chỉ hiềm một nỗi mạ nhiều mà cũng có cái sâu đã chớm ăn ; vụ chiêm vừa rồi, nhiều nơi mất lúa, ruộng lại không cầy vỡ được, không biết vụ gặt sang năm ra làm sao.

Tôi đương tính đáp câu chuyện ấy, đã nghe một ông nói ngay rằng :

— Thành đồ đã vua chúa xây, can gì gái góa lo ngày lo đêm !

Chủ-nhân đế luôn một câu : — Phải đó ! nay đêm đông ta hãy giở cuộc tổ-tôm chơi cái đã.

Rồi quay lại hỏi tôi rằng : — Thầy đồ có biết tổ-tôm không và có cao không ?

Tôi nghĩ bụng nếu ta không chơi thì mang tiếng đồ kiết, mà chơi thì thật là trứng chọi với đá ! vì tuế-bổng có được bao ! Nhưng nếu có đen chỉ một vài mọi là cùng. Có lẽ đâu đen cả hội ; nghĩ thế rồi đáp rằng : — Tổ-tôm tôi tuy không được cao, vì không được chơi luôn như các ngài, nhưng tôi dám nói khoác rằng : « Tổ-tôm tôi cũng đủ nước. »

Các ông nghe tôi nói chắc lắm, mới nói dỡn rằng : — Này ta quyết đấu nhau với nhà nho phân thắng-phụ.

Đoạn rồi tiểu-hầu giải chiếu chia bài, năm điểm nhận phần lên tay : ông thì phỗng ; ông thì bốc ; ông thì chờ xuyên ; ông thì dậy khản ; ông thì chực chi-chi nhầy ; chả bao lâu đã hết hội ấy sang đầu hội, bấy giờ tôi bấm tiền chân đủ rồi, lại còn được hơn 6, 7 mọn nữa, thật rõ mình nói khoác được mùa.

Đem chén công-tạo xong, các ông lại sách tôi vịnh thơ « đêm đông chơi tổ-tôm ». Tôi thấy các ông cũng sinh nghe thơ, mới chiều lòng nói xin nghĩ, bởi vừa hết hội rồi, nếu chơi nữa thì sáng quá. Các ngài hãy nghe tôi mách-qué mấy câu cho đỡ ngứa tai :

Đêm đông giở cuộc tổ-tôm chơi,
Giải-trí cho qua buổi tối trời.
Năm cụ mặt hoa ngồi chỉnh-chện,
Trăm hai quân lá chạy tơi-bời.
Ấy ai phỗng chực nằm khản đó,
Ta chỉ ăn chờ nước bốc thôi.
Cái thú này vui, vui cũng hủ,
Hơn phường cắp đá chạy mê tơi.

Viết rồi nói nói cười cười một chặp. Trông ra trời đã rạng đông ; ông hào quen tôi trước lại mời về. Đến nơi mới hiểu nhà ông này kế-thế-hào-hữu, nay ông lại mới ra làm lý-trưởng, nghe đâu ông còn cô em, vả lối nhà nho đến đâu cứ hay vãi thơ Đường thơ Tống ra rông-rồng như Cụ Tùng-vân mới nói trong bài văn độ nọ. Tuy tôi không thuộc thơ Đường Tống mấy, nếu có nhớ mà vãi ra chăng nữa, ngộ có ông tri-kỷ biết lại cho mình là giống yểng hốt, nên phải tìm dòi mấy chữ mà múa mép cho ra lối thù-tạc, mới viết mấy bài nôm-na như sau này :

I

Người thư-các, khách anh-hào,
Gặp nhau sao khéo khéo may sao.
Người ra sang sửa nơi vườn mận,
Khách hãy còn đương lững mái chèo.
Sông bể nếu yên làn sóng gió,
Rượu thơ mặc sức chén nghêu-ngao.
Nay tuy nhất-kiến tình như đã,
Đã tỏ lòng rồi sướng một tao.

II

Đã tỏ lòng rồi sướng một tao,
Hỏi ai ai có biết chăng nào.
Hay lòng muốn họa thơ Lưu-Nguyễn,
Hay giọng còn ham trái mận đào,
Hay tới chùa Hương tìm dấu Phật,
Hay ra sông Hát đợi anh-hào ?
Có định thế nào cho khách biết,
Để lòng khách những nôn-nao.

III

Đề lòng khách những nôn-nao,
Nôn-nao nào phải tựa ai nào.
Nôn vì trời hạn mưa còn ít,
Nên đề đồng chiêm cỏ khó cào.
Nào bởi mặt trời xưa đã ám,
Sao nay vầng nguyệt kém tầm cao?
Ấy lòng khách những nao vì thế,
Có phải như ai chỉ nói tào!

Xướng họa xong, tôi và chủ-nhân vào bữa chiêu-ung, mải vui quá chén nên mê, vỗ tay hát ngay bài « *Tương tiến-tửu* », rồi làm ngay ra bộ ý-kiến người thanh-niên. Chủ-nhân bây giờ tặng cho tôi một tên là « Cuồng tửu », tôi tuy đã say mê về đường dục-thể, nhưng tinh-thần vẫn nhớ cái chức-vụ của mình, phải trở về trường dạy trẻ.

∴

Đêm khuya lên ngọn đèn xanh, mình ngồi tính quẩn lo quanh cho mình, cái cuộc ta thừa-nhàn này, ứng-tiếp chẳng qua là hư-không tạc-xuất cả, không trách họ cho mình là phái « tuy thiện vô tôn » cũng là phải, chứ người ta ai có dại gì đâu, bởi vì các va ở chốn đồng-nội, viễn thanh-giáo, mà mình cũng là bọn cô-lậu quả-văn, nếu nói cách làm ruộng vụ này đề nghiệm với vụ các năm thì lại chưa có gì là chứng-ứng, thành ra câu chuyện hữu-lý cũng là vô-vị chả có thú gì; chi bằng kỳ nghỉ sau, ta hãy đi chơi với các thầy tổng và cụ tổng bàn xem sao. Kỳ chơi này định đi ngóng chuyện và học mót cách dạy của thầy tổng-giáo. — Ngày nghỉ của tôi lại không đúng với ngày chủ-nhật thầy tổng, nên đến chơi lại gặp ngay buổi giảng sách. Tôi phải theo văn-minh không dám trách phép tiếp khách trong lễ. Tôi ngồi im đề nghe lối thầy giảng, thỉnh-thoảng dánh miếng giầu đỏm-đém đỡ buồn mồm, rồi lại dánh điếu thuốc phì-phèo dỡ nhạt miệng. Mới nghe thầy giảng địa-dư rồi trỏ cho học-trò xem đồ-bản: đây là tỉnh Kon-toum ở Trung-kỳ mới lập, đây là đường xe-hỏa đi Nam-kỳ chửa làm xong, đây là đường thiết-lộ tứ-kỳ ở phía Bắc ta; lại đọc thời-đàm mà rằng: Chỗ này nước Pháp ta bảo-hộ, chỗ này nước Anh bảo-hộ, chỗ này nước Tàu, nước Nhật, nước Xiêm, vân-vân, và lại dẫn đường đi Đại-Pháp ngày xưa khó-nhọc, đường sang Đại-Pháp ngày nay cận-tiện; đây là Thái-bình-dương, Ấn-độ-dương, v. v. . .

Giảng cách-trí vệ-sinh, thì lấy những sự giản-dị ở nhà quê thí-nghiệm và thí-dụ cho học trò dễ hiểu.

Thầy nghỉ một chốc, rồi ra luôn mấy bài tính, đại-khái như bảy người mỗi người sáu vạn bạc, muốn biết xem được là bao, phải thuộc cửu-chương mà nói ngay rằng: « lục thất tứ - thập - nhị ». Nếu muốn thử tính đã đúng chưa, thì chia 42 : 7 = 6, thế là vừa đúng.

Nghe giảng xong, tôi nghĩ: — Ông này đã tốt-nghiệp trường Sư-phạm đáng lắm, mình chỉ học lỏm học mót, thì kiến-văn sao bằng người ta được, ta hay giả dại giả ngây, xem ông ta lập-ngôn tiếp với ta những câu gì.

Thầy thấy tôi đến chơi, cũng lấy bình-đẳng đãi-đọa ân-cần và hỏi: « Tôi nghe bác đồ cũng mua *Nam-Phong* đấy kia mà! Gớm nhỉ! Nhà nho cũng chịu tò-mò lắm nhỉ! »

Tôi nói: — Sao ngài dạy quá lời thế? Mình là dân nước Nam, mà không biết cái phong-thái nước, thì ra cái gì. Dân ta nhờ nhà-nước Bảo-hộ hết lòng khai-hóa. Hơn mươi năm nay, lại nhờ có tân-văn tạp-chí, soi sáng khua vang, lừng-lẫy trong Nam ngoài Bắc. Thật trỏ như thuyền có lái, lại sẵn la-bàn. Dân ta chẳng khác gì hạt lúa trong thuyền vận-tải, chỉ nhờ sóng lặng gió yên và tay lái vững - vàng, mong đến ngày áp mạn, hoặc người thương-tiếc của

ngọc-thực, nhặt ném lên bờ bể Thái-bình, cũng có ngày hấp được thổ-tân, thủy-khí và nhiệt-độ mà nảy mầm, xanh ngành nở ngọn. Thế là tôi cứ lòng thành-thực hầu chuyện ngài, chứ có dám tò-mò gì đâu ạ.

Nhân câu chuyện tôi lại hỏi: — Ngài xem cách nói chuyện ở sa-lông nước Pháp ngày xưa có nhớ không? những bài hài-văn hay khảo về tuồng An-Nam, có cho là thực không?

Thầy trả lời: — Xà! Chẳng qua viết cho đủ kín giấy, gián-hoặc cũng có bài hay, nhưng sao cứ chuyện nọ xọ chuyện kia; số này vậy số khác.

Tôi chỉ buồn cười, không dám biện-chiết, vì sợ cách bình-đẳng mà không đồng-đẳng.

Tôi hỏi: — Ngài có được dự hội « Khai-trí » không? Giá bà con chúng tôi vào có được không? Khi viết giấy xin vào thì nộp tiền ngay, hay hết hạn đăng báo mới phải nộp?

Thầy nói: — Đấy là các quan tây quan ta và các ông phú-hào đại-thương cả, chứ ta vào có thấm đâu. Vả lại tôi cũng chưa biết chương-trình thế nào nữa.

Thật rõ minh hay hỏi mò, lại gặp ngay ông nói mò! Tôi dám đoán phỏng chừng rằng thầy chỉ bệ-vệ chứ không chịu xem cho thấu.

Sau tôi lại hỏi mấy tiếng tục-thoại:

— « Ăn vóc học quen »; ăn vóc là thế nào? « Bỏ nhân-sâm vơ cát-muộn »; cát-muộn nghĩa là gì?

Thầy cũng không biết nốt.

Thường thế thật: trước tôi đã nghe có người nói: « Quí-quan đã có vị mắng người dân ta rằng: «Người An-Nam không hiểu tiếng An-Nam, thế mà học chữ Tàu với chữ Tây!»

Tôi chắc ông này hẳn hay thơ chừng thấy mình ít chữ nho nên không buồn nói chuyện chăng? Tôi mở đọc mấy câu ở bài của « Hiệp-hồn nữ sĩ » và hỏi, cũng chỉ thấy thầy cồ gật gật, đùi rung-rung thật! Tôi lại đọc bài « Hỏi khách làng văn » và xin thầy họa cho nghe nhờ.

Thầy nói: — Đó là người ta hỏi xa-xôi mầu-nhiệm, không dáp cho đúng cách được.

Tôi mới đọc bài lược-họa nguyên-vận.

Này khách làng văn đấy bác ơi,
Vườn xuân xin ngỏ một đôi lời.
Trà-mi chúm-chím lan đầy nội,
Sở-khách đi về đấy ngỡ ai.
Thuốc thánh rượu tiên (1) vui lắm vẻ
Tham hồng tích lục xiết bao người.
Đã lòng hạ-cố xin thưa thực.
Này khách làng văn đấy bác ơi

Thầy nghe rồi nói: — Thôi cũng loàng-xoàng vậy, chứ có hay bằng người ta sao được.

Tôi nói: — Không lẽ ta cứ chịu dựa cột mãi, mình tuy không được là khách làng văn, nhưng cũng là một người trong xóm bút-nghiên, đành chịu bậc cao-nhân phê « đuôi chuột ».

Giấu nước xong, về trường thu-xếp làm lễ tất-niên. Khăn-gói gió đưa về trú-quán, sắm đồ tết-nhất bái tử-thân; họp mặt chị em cùng nhà cửa, sánh-bầy làng nước bạn xa gần!

. . .

Thưa các ngài: nay tôi mới học ăn học nói, dù có lời bẩy-rẩy như Cao Biền, rông-rông như đường quai ngựa chạy, thôi thì được câu nào xào câu ấy, rồi ra tháng rộng ngày dài, chủ-tân ta sẽ liệu bài lai-niên!

LÊ XUÂN - SINH

---

(1) Vua Lê Thánh-tôn có thơ:

Tay dốt rượu tiên mừng bạn cũ.
Vai mang thuốc thánh chữa dân nghèo!

TIỂU-THUYẾT

TUYẾT-HỒNG LỆ-SỬ (1)

雪鴻淚史

(Truyện chung-tình)

III

CHƯƠNG THỨ VI

Tháng năm

Ông cụ Thôi có người con gái tên là Quân-Thiếu học ở tràng Nga-hồ, lớp nhất,

Hôm tết thanh-minh nghỉ về chơi nhà. Tôi đã có gặp mặt một lần, mới độ mười-lăm tuổi, đẹp-đẽ, bóng-bẩy lắm, nhưng rõ-ràng là một người kiêu-quí và khách-khí, chứ không được thùy-mị hòa-nhã như Lê-Ảnh. Cái câu thơ vịnh hoa tân-di của tôi rằng :

Nhị thắm màu tươi vẻ mặn-mà,
Cành hồng ganh với chị xuân già.
Giang-Lang còn kém tài ngâm-vịnh,
Một khúc thơ đề thẹn với hoa.

Câu ấy là tôi cũng đã ngụ-ý riêng.

Quái lạ ! có một sự không ai ngờ, tôi mừng quá. Chiều hôm nay, Thu-Nhi bảo tôi rằng : « Từ hôm Quân-Thiếu về, cái bệnh của mợ cháu mười phần đã bớt tám chín rồi. Hôm nay đã ăn được nửa bát cháo. Gớm cô Quân-Thiếu quí-hóa thật. Cháu chỉ muốn cho cô ấy ở nhà mãi. »

Nói xong rồi nhìn tôi mà nhoẻn cười.

Ô hay ! con Thu-Nhi mọi hôm bưng cơm ra cho tôi ăn thì xem có ý rầu-rĩ, mà hôm nay thì thật có ý tươi-tỉnh lắm.

Câu ấy dễ thương thật, không phải nó nói dối tôi đâu, tôi mừng lắm.

Nhưng làm sao mà khỏi bệnh chóng thế ? Tôi chưa hiểu ra làm sao cả.

Từ khi Lê-Ảnh ốm, tôi không ăn không ngủ được nữa ; hôm nay Lê-Ảnh đã bớt mà làm sao tôi suốt đêm không chợp mắt được lúc nào. Hai con mắt của tôi cũng khổ thật !

Tại làm sao ? Quân-Thiếu làm phép gì cho Lê-Ảnh khỏi ốm thế ? hay là cái con khỉ Thu-Nhi nó nói bỡn mình chăng ? Nhưng không phải, vì Bằng-lang nghỉ học đã đến mấy hôm nay, chiều hôm nay đã thấy đủn-đỏn nhẩy nhót cắp sách đến học. Ừ, dễ thương thật.

Tôi hỏi nó rằng : — Mẹ mày đã khỏi chưa ? — Nó nói rằng : — Hôm nay đã thấy mẹ tôi ngồi dậy được, dựa vào cái bàn và nói chuyện với cô tôi. Đã lâu lắm không thấy mẹ tôi cười, hôm nay cứ thấy cười luôn, tôi sướng quá. Cô tôi yêu mẹ tôi, mà cũng yêu tôi quá. Tôi đố thầy biết tối hôm qua tôi ngủ với ai ?

Tôi đáp rằng : — Hẳn mày ngủ với mẹ mày chứ gì.

Bằng-lang nói rằng : — Không phải, tôi ngủ với cô tôi.

Ô hay, lạ quá, sao Quân-Thiếu lại yêu Lê-Ảnh ? Sao Quân-Thiếu chữa được bệnh Lê-Ảnh ? lạ quá ! thật lạ quá !

À thôi ! biết rồi, thôi chết rồi, thôi, Lê-Ảnh bỏ tôi rồi, tôi cùng Lê-Ảnh

(1) Xem *Nam-Phong* số 77, 78.

chót dắt tay nhau xuống bể khổ, này chìm, này nổi, này ngược, này xuôi, cùng nhau cho trọn vẹn cái đời vô-duyên. Nghĩ đi, nghĩ lại, ngẩn-ngẩn, ngơ-ngơ. Chiều hôm nay lại thấy Bằng-lang đưa một bức thư cho, thư thế này :

« Một trận đau hơn mười hôm nay.

« Khổ quá ! cái tờ trước của anh, những lời nói kịch-liệt quá. Nhưng anh thử nghĩ có ích gì cho hai ta không ? Tôi không dám tiếc thân tôi, nhưng tôi cũng không dám đem bụng yêu anh mà làm hại anh, mà lại vì cái sự yêu anh để làm hại tôi. Trong tờ anh nói rằng : Cứ thế là phải lắm, đành lắm. Nghĩ đi nghĩ lại đến mấy trăm lần, cũng vẫn chắc rằng phải lắm, đành lắm. Nhưng anh thử nghĩ, sự ấy dóng vào với cái thân-phận của tôi thì phải với ai được nữa, đành làm sao được nữa ?

« Nhưng cứ ý tôi nghĩ ra, thì sự ấy hẳn anh cũng chưa phải mà chưa đành được đâu.

« Anh bây giờ trên còn mẹ già đã ngoài năm-mươi tuổi, dưới thì vợ con chưa có, ai là người cơm ngon canh ngọt, ai là người khuya sớm vui vầy với anh, bỏ cái vui thú ấy mà đâm đầu vào vòng thương xót ! Bán cái xác của mình cho cõi tình-trường, làm con ma ở nơi bể khổ, thì thật là người có tội. Anh cũng là người đi học, cũng là người biết lẽ phải, mà làm sao tính-khí lạ-lùng lầm-lỡ đến thế ? Câu ấy tôi chê anh lắm !

« Tôi chỉ sợ ông xanh kia thả hai ta vào rốn bể khổ, cho hết kiếp oan-hồn.

« Vườn xuân hoa vẫn còn non,
« Làm sao đã vội đem chôn khối tình ?

« Than ôi ! anh không biết tiếc cái thân-thể của cha mẹ ư ?

« Vì một người con gái, mà đến nỗi :

« Kiếp tình nhắm mắt cho qua,
« Nghìn thu để khách bàn xa nói gần !

như thế thì đã hay gì chưa ? sướng gì chưa ? mà anh dám bảo rằng : Anh yêu lắm, anh đành lắm.

« Anh cứ tự-phụ là anh đa-tình, nhưng xem một việc ấy thì lại quá tội cái người vô-tình.

« Thôi, tôi không dám yêu anh nữa, không dám thương anh nữa :

« Kiếp này duyên nợ chưa xong,
« Dù chưa xong nữa còn hòng kiếp sau.
« Bức thư thề-thốt cùng nhau,
« Chẳng thề ai dám quên đâu mà thề.
« Anh thề anh cứ việc thề,
« Khôn đem lòng thiếp đền thề cho anh.
« Bốn phương trời bể mênh-mông,
« Thiếu gì những khách chung-tình anh ơi.
« Mất chồng là mất một đời,
« Chả nên quí-hóa cái đời tàn-hoa.

« Lê-Ảnh nghĩ được một cách. Bây giờ chỉ thế này : Lê-Ảnh nhờ anh làm thầy, anh dùng Lê-Ảnh làm người bạn.

« Nuôi con đừng phụ lòng chồng,
« Trăm năm đừng để phụ cùng duyên xưa.
« Anh thì nên kịp se tơ,
« No chồng, đủ vợ, trên thờ mẹ cha.

« Còn cái tình của đôi ta, thì nên gói-ghém lại thôi, anh nhé !

« Lê-Ảnh vẫn định tìm cho anh một người rất đẹp, rất đa-tình để đền anh mà chưa có ai, vì thế mới sinh ốm.

« Anh ơi, mấy lời nói trong tờ của anh, làm khổ Lê-Ảnh quá, xin hỏi anh câu này : Anh có phải là yêu Lê-Ảnh không ? Anh có phải lấy sự khổ của Lê-Ảnh làm khổ không ? Nếu anh muốn cho Lê-Ảnh khỏi khổ, xin anh ngẫm Lê-Ảnh một việc này. Việc này là một tấm lòng thiết-tha, xin anh đừng cho là lời nói không đáng lọt vào

tai, thì Lê-Ảnh xin dâng hương dâng hoa mà tạ ơn.

« Anh ơi, xin anh nghe Lê-Ảnh câu này : Nhà tôi có cô nó tên là Quân-Thiếu, người giỏi lắm, tài - hoa rất mực, nhan-sắc cũng đẹp, mới mười-bảy tuổi, tóc mới chấm vai, vừa đương trạc tuổi liễu xanh đào thắm ; tài đang sắc - sảo, giải nhất trong phường mà phấn môi son.

« Ông tôi quí như ngọc, nên vẫn còn đang kén chồng. Anh được người ấy thì bằng mấy Lê-Ảnh.

« Quân-Thiếu thân với Lê-Ảnh lắm, anh nhờ mối nói với ông tôi, rồi tôi xin nói giúp anh với Quân-Thiếu thì chắc việc tất xong. Anh mà nghe Lê-Ảnh câu ấy thì Lê-Ảnh được nhờ anh suốt một đời ; nếu anh cứ khăng-khăng giữ một lời thề trước, cố chọc nhau với người bạc-mệnh này thì Lê-Ảnh lại ốm ngay, còn lấy gì đền bụng anh được nữa ? Chỉ đền anh một cái chết mà thôi !

« Anh ơi ! Lê-Ảnh chắc rằng anh vẫn thương Lê-Ảnh, chắc rằng anh cũng biết nghe lời nói Lê-Ảnh, chả nỡ để Lê-Ảnh lại ốm nữa, ốm mãi đến chết mất.

« Viết mấy hàng thư này vừa mực vừa nước mắt, xin anh trả lời ngay cho, mong-mỏi lắm, thiết-tha lắm ! »

Than ôi ! Lê-Ảnh bỏ tôi thì cứ bỏ, tuyệt tôi thì cứ tuyệt, còn lôi-thôi gì nữa. Quân-Thiếu với tôi thì có duyên-phận với nhau đâu.

Tôi đã vô-duyên với cái đời này, bây giờ lại dắt cái duyên của người kia vào cho mình, thì chưa chắc đã được, mà dẫu có được nữa, nhưng mà nó vẫn là nó, mình vẫn là mình.

Mình đã vô-duyên, lại dắt nó vào cõi đoạn-trường làm gì ?

Kiếp trần đương cuộc phong-lưu, xuân xanh hớn-hở ; bể ái dắt nhau chìm đắm, trời xanh xa xa !

Chắc Lê-Ảnh cũng biết bụng tôi như thế rồi, mà lại còn sinh sự như thế thì ăn thua gì ? Tôi nghĩ đi nghĩ lại bực quá, lại đem cái tờ của Lê-Ảnh xem lại.

Ừ, phải rồi, chết nổi, không được Lê-Ảnh ốm là vì mình, bây giờ dù sống dù chết cũng ở tay mình.

Nếu mình muốn cho sống, thì lập-tức bằng lòng cái việc này, nếu không thì tất lại ốm, nhưng mà thôi, không nên tàn-nhẫn thế nữa.

Đề thơ lá thắm cho ai,
Yêu ai thì lại bằng mười phụ ai.
Gió thu hoa cúc gầy rồi,
Một năm chịu được mấy hồi ốm đau.
Bàn cờ đang đánh cùng nhau,
Thu quân cờ lại, ai thu cho đành !

Lê-Ảnh tính đến nước ấy chính là muốn thu quân cờ lại, nhưng không thể sao được. Tôi vùng dậy viết mấy lời, gửi cho Lê-Ảnh như sau này :

« Tiếp thư mợ, biết tin mợ đã bớt, mừng lắm. Nhưng trong thư nói cái việc ấy thì trái cái bụng tôi lắm. Tôi đã làm khổ lây đến mợ, sao lại làm khổ lây đến một người nữa làm gì ? Tôi chắc mợ vẫn không định như thế, nhưng chỉ vì tôi mà thôi. Nhưng tôi bảo thật, mợ muốn tránh cõi đoạn-trường thì cứ chạy ngay đi, chứ còn vẽ rắn thêm chân làm gì thế ? Thôi, từ nay trở đi tôi cứ đứng ở cõi đoạn-trường không dám dắt mợ vào nữa đâu, mợ còn lo gì, hử ?... »

Tôi viết đến câu ấy lại giật mình lên. Chết ! câu này nói khi quá, rồi lại viết nối như sau này :

« Bây giờ tôi bảo mợ nhé, bây giờ tôi cố tình tuyệt mợ thì cũng được, nhưng nếu tuyệt xong, thì mợ đừng hỏi đến tôi nữa, mà mợ cứ hỏi đến

tôi mãi, thì tôi biết làm thế nào mà tuyệt được.

« Than ôi ! Lê-Ảnh ôi ! mợ nói rằng tôi với mợ kiếp này không thể sao được, câu ấy thì phải thật. Mợ con gái họ Bạch và con dâu họ Thôi, mà tôi thì là người giữa đường. Tôi không phải là người nhảm-nhí đa-tình, từ tấm-bé không biết sự ái-tình là vật gì cả. Từ khi gặp mợ, mà đến nỗi cầm lòng không đậu, mỗi một ngày mấy lần đau ruột, mỗi một đêm mấy lần giật mình.

« Thật là mình lại làm mình,
« Chẳng thà cắt hẳn mối tình cho xong.

« Mà lạ quá, khi tôi mới gặp mợ, tôi cũng đã biết cái thân-thế của mợ không sao được, vậy nên vẫn định đem cái lòng kính-trọng để đánh đuổi cái lòng ái-tình của mợ, mà làm sao bây bây giờ thế này ?

« Nói tóm lại, bây giờ cái tình của tôi ví như cái hoa tàn, cánh thì rơi sang bên này, cánh thì rụng sang bên kia, lở-tở tan-nát, nếu muốn nhặt lấy để chắp làm một cái hoa mới ở trên cành cũng không được nữa, thì tôi duy có một phép nhặt hết những cánh hoa ấy nuốt cả vào trong bụng, đừng để cho ai trông thấy ! Hễ đến khi chết, hoặc xác gặp nhau ở dưới đất, hoặc hồn gặp nhau ở trên trời,

« Mây xanh lại gặp mặt ai,
« Suối vàng lại gặp thấy người tri-âm,

thì sẽ móc những cánh hoa ở trong bụng ra, để làm chứng cái duyên nợ này ; chứ còn cái duyên-phận kiếp này, thì thôi, thôi, nói làm gì nữa !

« Tôi cũng biết nói những câu chuyện này, thì mợ cũng không muốn nghe, mợ chỉ cầu nhất một sự, tôi cứ phải nghe cái việc nhân-duyên của Quân-Thiếu, tôi cũng biết thế là cái bụng mợ khổ lắm.

« Lan thơm huệ đẹp thế kia,
« Hương trong ngọc chuốt, ai bì người kia.

« Nhân-duyên rửa hết tình-si,
« Hơi đâu vướng-vít làm chi người này !

« Bây giờ mợ cần tôi phải trả lời mợ, tôi cũng biết câu này tôi trả lời xong là mợ sống chết ở đấy.

« Than ôi ! Lê-Ảnh ơi ! Bây giờ tôi xin vâng rồi, tôi vẫn thường nói rằng : Người ta không bằng thằng bù-gin. Từ nay trở đi, tôi xin làm bù-gin, muốn dắt vào đâu, muốn làm thế nào, bảo sống, bảo chết, bảo đi ngược, bảo xuống xuôi, tôi xin nhường quyền cho mợ hết cả.

« Tôi chỉ cần, cứ có sự gì ích cho mợ, thì tôi xin hết sức mà làm, còn thân tôi không cần gì cả.

« Mới ốm khỏi, xin cần phải giữ mình đừng suồng-sã lắm. . . . »

Tôi ở dưới ngọn đèn mà viết cái tờ này : Trời ơi ! đã đau chửa, khổ chửa, khi ấy hai con mắt của tôi chửa-chan, không nhìn thấy gì cả, vứt bút đứng dậy thì đã nghe thấy tiếng trống canh ba, mệt quá nằm ngủ thiếp đi, chợt thấy người lay mình mà bảo rằng :

— Ngủ trưa quá. Thầy dậy trưa quá.

Tôi giật mình trở dậy thì là thằng Bằng-lang.

Tôi vội hỏi rằng :

— Mày đến đây làm gì sớm thế ?

Bằng-lang nói rằng :

— Tôi đang ngủ, mẹ tôi đánh thức tôi dậy.

Tôi vội vàng hỏi rằng :

— Thế thì mẹ mày dậy trước mày ư ? Mẹ mày mới yếu khỏi, sao dậy sớm thế ?

Bằng-lang trở lời rằng :

— Thầy ơi, để thường đêm hôm qua mẹ tôi không ngủ chút nào.

Tôi hỏi:

— Tại sao mày biết ?

Nó nói rằng :

— Thấy mẹ tôi ngồi mà thở dài, rồi đem những cái tờ của thầy đưa cho mẹ tôi ngày trước, soát đi soát lại, xem đi xem lại rồi khóc, sau mãi đến gần nửa đêm tôi buồn ngủ quá, thì không biết nữa.

Tôi nghe nói, giật mình, mà đánh trống ngực, sợ quá, thương quá, mà phải hỏi Bằng-lang rằng :

— Nếu thế thì suốt đêm hôm qua mẹ mày không ngủ ư ? Mới ốm khỏi làm sao mà thức đêm nhiều thế ? Sao mày dậy sớm thế ? chắc hẳn mẹ mày thức trước mày có phải không ? Mày sang đây, mẹ mày có dặn bảo gì tao không ?

Bằng-lang nói rằng :

— Không, chỉ bảo sang xem thầy dậy chưa.

Tôi mới đưa cái tờ viết hôm qua, giao cho nó rồi lại đắp chăn nằm, mãi nửa buổi mới dậy, soi gương thì thấy hai con mắt sưng hùm-hụp.

Thu-nhi bưng chậu nước đến tôi rửa mặt xong, rồi lững-thững ra nhà trường.

Tan học về thì gặp Bằng-lang đón nói rằng :

— Sao hôm nay thầy tan học sớm thế ?

Rồi tay trao cho tôi một cái tờ rằng :

« Sao bức thư của anh lời nói lắt-léo quá.

« Anh muốn làm khổ Lê-Ảnh cho đến thế nào thì làm, nhưng Lê-Ảnh cũng đã biết rằng anh khốn - khổ lắm mà phải theo lời nói ấy, nhưng lại đoán rằng anh nghĩ thế này : Được một Quân-Thiếu là một người yêu danh-nghĩa của mình, thì lại mất con Lê-Ảnh là một người yêu tinh-thần của mình ; nhưng anh phải biết nếu anh không nghe lời nói ấy thì cái người rất yêu của anh là Lê - Ảnh cũng mất quách ngay rồi, nếu anh nghĩ lại để cho sự ấy được hoàn-toàn, thì sau này còn nhiều sự hoàn-toàn.

« Anh ơi, đã hết đâu mà lo. Nếu anh bằng lòng thế thì cái lời hẹn nhau đến kiếp sau, cũng không cần phải nói lôi-thôi làm gì nữa. Anh nghe câu ấy hẳn anh cũng bật cười chứ?

« Lê-Ảnh kính thư »

Tôi nhận lời Lê-Ảnh câu ấy, nhưng vẫn định ý cố để dùng-dằng, vì chưa nói với mẹ tôi và anh tôi, vả lại Tân Thạch-Sĩ đi vắng thì không lấy ai làm mối được, nếu dùng-dằng được đến tháng tám tháng chín, may ra mà mưa lâu lại nắng, trắng nhuộm ra vàng, mà Lê-Ảnh nghĩ lại, nguôi bụng dần đi, thì may cái sự ấy thôi đi cũng được.

Mưa mãi dườn-dượt, hết đêm hết ngày ; nhà học âm-thầm, một dề một gối.

Buồn sao buồn mãi thế này,
Nhớ ai nhớ mãi hết ngày sang đêm.
Giọt mưa thánh-thót ngoài thềm,
Đương hè mà rét như đêm thu tàn.

Buồn lắm ngâm bài thơ sau này :

Tiễn khỏi mưa xuân lại gió hè,
Đau lòng xuân hết lại đêm khuya.
Buồng thêu viện sách người đôi bóng
Một chén sầu này phải nếm chia.

Đêm ấy tôi thức suốt đến sáng, mới phút thấy Bằng-lang đẩy cửa vào bảo rằng :

— Mưa rét thế, thầy dậy làm gì sớm thế ?

Rồi nó đem cái áo kép khoác vào sau lưng tôi, mà nói rằng :

— Mẹ tôi vẫn nói, thầy y như trẻ con, những sự đói thì phải ăn cơm, rét thì phải mặc áo, mà lại cứ để cho người khác phải giục.

Tôi nghe nói bật cười rằng :

— Ừ, thằng này nói ta là trẻ con, còn mày là người lớn nhỉ ?

Bằng-lang cũng cười mà bỏi tôi rằng :

— Mưa trơn thế, không ai đi đâu cả, thì hôm nay thầy có sang nhà trường không ?

Tôi nói rằng :

— Có, mai đã nghỉ hè, hôm nay phải sang thu xếp những việc nhà trường, rồi mai nghỉ, thầy cũng về thăm nhà quê.

Bằng-lang ngơ-ngác mà nói rằng :

— Thầy về ư ? Tôi không cho thầy về, thầy cứ ở nhà tôi.

Tôi lại cười rằng :

— Thằng này nói lạ, tao cũng có nhà tao. Bây giờ ở nhà mày đã ba bốn tháng, lẽ nào không nhớ nhà ? Thầy về một độ, ít lâu rồi thầy lại sang ở với mày.

Bằng-lang cau mặt mà nói rằng :

— Không, tôi không nghe, để tôi bảo mẹ tôi giữ thầy ở lại thì chắc thầy cũng không về được. Thầy về thì tôi nhớ thầy quá.

Tôi nói rằng :

— Mẹ mày giữ thế nào được tao. Chỉ có họa mưa to mãi thì phải ở lui lại vài ngày, cho tạnh rồi về.

Bằng-lang tươi cười mà rằng :

— Lạy trời mưa mười năm, cho đến một trăm năm.

Tôi yêu thằng bé quá, rồi ôm vào lòng mà hôn một cái, lại móc túi lấy bài thơ đêm hôm qua đưa cho nó, rồi nó chạy đi.

Hôm ấy tôi sang nhà trường thu xếp công việc xong, đường thì trơn như bôi mỡ, bùn thì ngập đến mắt cá, lóp-ngóp bò về đến nhà, ướt hết, lấm-láp hết, thấy Thu-Nhi đem quần áo, đem giầy cho tôi thay, liền hỏi : — Thầy ăn cơm chưa ?

Tôi nói rằng :

— Nay là ngày nghỉ hè tao ăn tiệc ở nhà trường rồi.

Chợt thấy bức thư ở mặt bàn, vội mở ra xem, thấy Lê-Ánh họa bài thơ của tôi rằng :

Đời xuân hết quách giận đời hè.
Giận dỗ-quyên mày khóc sớm khuya.
Mưa gió ngồi thêu thêu cũng chán.
Khúc sầu đừng bắt để ai chia !

Thương ôi ! cũng gọi một đời,
Đã thân góa-bụa, lại người tình chung.
Năm canh mưa gió lạnh-lùng,
Ngọn đèn trước bóng bạn cùng con thơ.

Tình-cảnh ấy còn sung-sướng gì nữa ?

Bằng-lang lại hỏi tôi rằng :

— Ngày mai tạnh, thầy về thật ư ? Mẹ tôi cũng vẫn nói chắc hẳn thầy phải về. Nhưng đến tháng sáu thì thầy cứ sang chơi đừng đợi đến hết nghỉ hè làm gì.

Tôi bảo rằng :

— Chừng lại mày nói lém, chứ chắc hẳn nằng-nỉ thế này, mẹ mày cũng không muốn để tao đi lại khó-nhọc làm gì.

Bằng-lang nói rằng :

— Không, quả cháu không dám nói dối thầy, mẹ cháu bảo thật đấy. Thầy sang đây mát-mẻ, chả bơn ở nhà mà buồn ư ? Nhà tôi có ao hoa sen, tháng sáu nó nở, thầy sang mà xem.

Tối hôm ấy tôi nhặt-nhạnh những giấy-má và sách-vở xếp vào trong hòm, để hôm sau thì về.

Hãy còn nhớ khi trước, anh tôi bảo tôi rằng tháng năm thì cùng về, bây giờ đã gần hết tháng, chắc anh tôi về trước tôi rồi.

Hôm sau thu-xếp xong, tôi nhờ ông Thôi thuê hộ cái thuyền.

Ông Thôi cũng làm bữa rượu tiễn-hành.

Từ hôm nay trong nhật-ký của tôi tạm gác cái việc Lê-Ánh mà chép cái việc gia-đình của tôi.

(Còn nữa)

Nguyên-văn bằng chữ Hán
của Tô Thâm-Á.
M.-K. *dịch*

VĂN-UYỂN

Xuân.

Bóng thiều thấp-thoáng nước non mây,
Xuân nào xuân nao vẫn thế này.
Uốn lưỡi oanh vàng lo-liu học,
Cất mình bướm trắng tập-tành bay.
Ngả-nghiêng ngành liễu xanh um lá,
Cười-cợt bông đào đỏ ối cây.
Một khắc ngàn vàng quang-cảnh ấy,
Chúa xuân trang-điểm đã quen tay.

PHẠM TUẤN-TÀI

.·.

Xuân-nhật tự-thuật

Bấy chục xưa nay dễ mấy người !
Mà ta tuổi đã chẵn hai-mươi.
Khi siêng sách đọc Tây Tàu đủ,
Lúc nhác thơ ngâm thất ngũ chơi.
Vợ tốt tuy ưa tìm chửa gặp,
Quan sang dẫu muốn hót không tài.
Trời mà cho sống nhiều mươi nữa,
Trong tấn tuồng đời lựa một vai.

Đêm trăng đứng trên cầu

Canh tàn khắc vợi lúc đêm thu,
Thơ-thẩn mình ta đứng tựa cầu.
Ngọn trúc la-đà chiều gió phất,
Vừng trăng lóng-lánh đáy sông sâu.
Tiếng nhân gọi bạn khêu nguồn nhớ,
Giọng dế than thân gợi mối sầu.
Cái cảnh tiêu-sơ ai khéo vẽ ?
Khiến người càng ngẫm dạ càng đau !

Được tin bạn chết trôi

Điều đâu như sét đánh ngang tai !
Duyên-phận chi mà mỏng mấy ai !
Lặn-lội công-danh mau mỏi gối,
Gánh-gồng việc nước chóng chồn vai.
Theo dòng đuổi sóng màng chi kẻ,
Bèo nổi hoa trôi ngán cuộc đời !
Bể khổ đã không thuyền tế-độ,
Trước sau âu cũng một lần thôi.

BÙI THẾ-MĨ.

Tự-thuật

Ngày trời thấm-thoắt hết năm qua,
Tuổi đã đôi mươi dấy đó mà.
Liên cúc mừng lòng người nhã-sĩ,
Chi lan tỏ mặt khách hào-hoa.
Kia đường trung-hiếu đôi vai nặng,
Nọ gót công-danh mấy bước xa.
Gặp buổi tự-do thêm ngán nỗi,
Thuyền-quyên ai kẻ biết cho ta ?

Xuân-dạ

Trăng gió vơi đầy một thú riêng,
Khéo đem bút vẽ cảnh thiên-nhiên.
Tình say mấy chén tình quên tục,
Tiêu-khiển vài câu tứ muốn tiên !
Tiếu rượu này còn chờ Lý Bạch,
Giải cười đâu dễ gặp Dương Huy.
Ba-sinh chưa phỉ lời nguyền đó,
Xét tấm lòng son tựa học thiền.

NGUYỄN HUY-KỲ

.·.

Vịnh thân-thể con người

Tay trắng làm nên mới gọi răng,
Lòng đen ai dễ biết ai chăng.
Chỉ quen vuốt mặt không từ mũi,
Sao đã cho răng lại muốn sừng.
Sáng mắt hằng nhìn gương sách cũ,
Điếc tai khỏi ngóng truyện người dưng.
Râu mày mấy chốc râu mày bạc,
Chân phỏng trèo non được mấy từng.

Cử-nhân NGUYỄN KỲ-NAM

.·.

Nhớ tri-kỷ

Đêm vắng vì ai lệ chứa-chan !
Hoa thơm bên triện dễ bên màn.
Bốn bề sương lạnh trăng còn sáng,
Một bức thư đề mực chửa khan.
Giấc điệp mơ-màng cơn gió thoảng,
Tiếng gà xao-xác lúc canh tàn.
Nhớ ai càng nhớ càng xa lắc,
Một ngọn đèn khuya một bản đàn.

Viếng mả một người ca-nhi

Một nấm phong-tình ngọn gió đông,
Thương ai luống những ngẩn-ngơ lòng.
Cỏ hoa dấu cũ đường ngao-ngán,
Đàn phách duyên xưa dễ lạnh-lùng.
Má phấn thương ôi người mệnh-bạc,
Suối vàng ai kẻ khách tình chung.
Từ đây non nước ngày xa cách,
Để giận nghìn thu tiếng má hồng.

NGUYỄN NGỌC-THIỀU

.·.

Tự-thuật

Dấu cũ nhà nho vẫn giữ lề,
Thực-thà chịu những tiếng cười chê.
Sẵn nền luân-lý chăn dàn trẻ,
Gặp bước văn-minh dắt lũ hề.
Hồ-thỉ chưa hay lòng cạnh-cạnh,
Hiếu-trung còn những nợ mê-mê.
Lệ thường năm lại mừng thêm tuổi,
Mong trả ơn sao xứng mọi bề.

Ngẫu-vịnh

Sinh ra gặp giữa hội tân-trào,
Danh-giá nhà nho nghĩ cũng hào.
Khuyên dạy năm ba đàn trẻ-nít,
Vịnh ngâm vài bốn quyển ca-dao.
Nợ như chúa Chổm vay còn đắt,
Tiếng thể hàng chiêng giá vẫn cao.
Đón rước chúa xuân quen mặt nhỉ,
Mừng xuân dâng kính quả tiên-đào.

ĐINH HỮU-CHƯ

.·.

Đêm thu nhớ nhà

Đêm thu vằng-vặc bóng hằng-nga,
Đối cảnh tha-hương lại nhớ nhà.
Lậm-cậm mẹ già vừa tám chục,
Thủ-thỉ con trẻ mới năm ba.
Ngâm câu giải-muộn thơ quên vận,
Mượn chén tiêu-sầu rượu biếng pha.
Dáng-trướng ra vào ngơ-ngẩn dạng,
Trên cành thánh-thót giọt sương sa.

ĐỖ XUÂN-TIẾP

.·.

Nghĩ nỗi mình

Chiếc bóng canh tàn cảnh bắt-hiu,
Nỗi riêng riêng nghĩ giận trăm chiều.
Mười ơn cúc-dục đau lòng kẻ,
Một gánh giang-san nặng mái chèo.
Lận-đận phong-trần đi lắm lượt,
Dọc-ngang vũ-trụ gặp nhiều keo,
Nước đời nghĩ nỗi thân co-cực,
Tâm-sự cùng ai ngỏ mấy điều.

Viếng mộ bạn

Này đây có phải đất Thăng-long ?
Qua viếng thăm ai nghĩ chạnh lòng !
Một khối văn-chương còn đất trắng,
Nắm xương công-nghiệp quẳng đồng [không.
Ma kêu quỉ khóc hồn Âu Á.
Gió táp mưa sa đất Nhị Nùng.
Cảm cảnh bao thương tình cố-cựu,
Suối vàng quên nhớ nghĩa đồng-song.

TẠ QUANG-NINH.

.·.

Sáng dậy

Mở mắt trông ra đã sáng rồi,
Mau mau trở dậy chị em ơi !
Kia chuông cảnh-tỉnh đương khua [tiếng,
Nọ trống tan-canh đã điểm hồi.
Giấc điệp mơ-màng chi mãi-mãi,
Canh gà rộn-rã khắp nơi-nơi.
Chị em ai đó, ai mơ tỉnh !
Tỉnh dậy ai ơi kẻo muộn rồi.

NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

THƠ BẮC - KẠN

Bắc-kạn tổng-vịnh

Màu biếc màu xanh phong-cảnh nọ,
Ai tô ai điểm nước non đây ?
Mấy chòm Hoa-lĩnh cây sen đá,
Một dải Cầu-giang nước lộn mây.
Áo lẫn xám xanh Nùng, Mán, Thổ,
Da đua vàng trắng Khách, Ta, Tây.
Cảnh người khéo vẽ người ưa mắt,
Ba bể (1) năm châu (2) một tỉnh này.

Đông

Trăng gió thu qua máy chuyển-vần,
Kìa đông đông lại đã bao lần.
Sườn non cánh nhạn che sương biếc,
Mặt suối tăm ngư dớp tuyết ngần.
Tê-tỉ đêm dài con dế đất,
Ủ-ê ngày ngắn cái ve ngân.
Đòi cơn gió bấc mưa phùn điểm,
Ai biết sầu đông nặng mấy cân !

Nhớ bạn

I

Tháng ngày đằng-đẵng khắc như niên,
Lần-lữa như xui nhớ bạn hiền.
Tâm-sự tỏ bày chai rượu trắng,
Thế-tình bàn-bạc hến cơm đen.
Lửa hương mấy buổi bao lời ước,
Mưa gió năm canh một ngọn đèn.
Kẻ ngược người xuôi giờ mỗi ngả,
Biết đâu mà hỏi nhớ hay quên ?

II

Biết đâu mà hỏi nhớ hay quên ?
Xa cách ai ơi mấy dặm nghìn !
Duyên-phận ngán cho bèo nước đoảng,
Non-sông hoài cả lửa hương nguyền.
Bể trời lạc-lõng đôi con nhạn,
Ngày tháng lênh đênh một cái thuyền.
Ví biết nước này thà chẳng biết,
Biết ai thêm nhớ lại thêm phiền.

Thói đời

(họa vần bài của bạn dưới trung-châu.)

Cứ gì thành-thị với sơn-khê,
Cái buổi giao-thời lắm chuyện e !
Lên mặt văn-chương ba tấc lưỡi,
Khinh đời danh-phận một nồi kê.
Văn-minh đội lốt ông cha mỉa,
Đạo-đức che màng chúng bạn chê.
Nòi giống Long-tiên đâu thế nhỉ ?
Ai ơi một tỉnh những mười mê !

Chán

I

Đâu dám như ai học chán đời,
Xa-hoa đài-điếm chán mà thôi !
Giẻ-cùi đã biết không ai chuộng,
Hả cứ xênh-xang cái bộ mồi.

II

Đâu dám như ai học chán đời,
Trăng-hoa chuyện ấy gác ngoài tai,
Vườn xuân âu mặc đàn ong-bướm,
Trót đã râu-ria lớn xác rồi !

III

Đâu dám như ai học chán đời,
Hay gì chè rượu tỉnh xin thôi.
Ấy ai chưa tỉnh mau cùng tỉnh,
E cái ma men hại giống nòi.

IV

Đâu dám như ai học chán đời,
Bê-tha sòng bạc chán nghề chơi.
Phù-vân của có may mà được,
Bất-nghĩa ra chi của bốc rời !

Tổng-kết

Cũng chẳng khôn-ngoan chẳng dại,
Một mình mình nghĩ một mình sự
Bao nhiêu cái hại chừa cho hết,
Rằng hủ rằng gàn mặc tiếng chê !

PHAN TUẤN-TÀI
(Bắc-kạn)

(1) Hồ Ba-bể.
(2) Bắc-kạn có năm châu.

Tặng bà đào Hảo

(*Thơ trường-thiên*)

Này lời gửi lại cho bà Hảo,
Tôi trước với bà có lếu-láo.
Nào khi đất Bắc ngồi cùng xe,
Nọ lúc đêm đông nằm đắp áo.
Tôi đặt câu hát quán lầu hồng,
Bà cất tiếng ca nhất phường giáo.
Mấy khi cuộc rượu lại cung cầm,
Một trận mua vui giải phiền-não.
Ai ngờ một tuổi duổi xuân đi,
Tôi đã « via » rồi bà lại lão.
Bà cất tiếng hát miệng phều-phào,
Bà gõ tiếng sênh tay đều-đảo.
Sờ đến má phấn má nhăn-nheo,
Giở đến răng đen răng nhệu-nhạo.
Tôi xa trông bà ngỡ nàng tiên,
Tôi gần đến bà tưởng con ngoáo!
Xin bà cáo lão « về cái nhà »,
Để kiếm đào non tôi bát-nháo.
Bà có đào non đem lấy nòi,
Tôi có trò hay tôi khắc bảo.
Tôi còn ca-xướng còn phong-lưu,
Bà về tu-hành theo Phật-đạo.

Tặng ông ẩn-sĩ ở núi Lãm-sơn Bắc-ninh

(*Thơ trường-thiên*)

Ông cụ này, ông cụ quái!
Ông sinh đâu ra, ở đâu lại?
Cái mũi ông đỏ hây-hây,
Cái da ông xanh mai-mái.
Ông vừa muốn chết vừa muốn sống,
Ông giả cách khôn giả cách dại,
Nghề địa-lý bên *triều* (1) bên *cộng* (2),
Đặt bàn tròn đã biết ngôi hay.
Bài thuốc thang con *bễ* (3) con *hiền* (4),
Giở ô mốc còn nhiều bệnh khỏi.
Ông đi thiên-hạ ông thấy đời,
Ông về Lãm-dương ông ở trại.
Buổi sớm ông có sẵn phơi,
Buổi chiều ông có chè hái.
Cảnh riêng ông một đá một chòm thông,
Thú vui ông một mây một hòn núi.
Cũng có khi nói chuyện với trăng già,
Cũng có khi tắm mát cùng nước suối.
Những như ông đã nên tiên dực,
Nhưng mà ông còn vướng tiên cái!
Muốn cho ông thọ - khảo dài năm,
minh-lương gặp hội;
May thấy được mơ vào Vị-thủy, đủng-đỉnh xe về.
Chẳng còn hơn ẩn ở Bồng - sơn, vo-ve sáo thổi.
Ông cụ này, ông cụ quái!

NGÔ THẾ-THỤY
(Đáp-cầu)

Thơ gửi cho tình-nhân

Đái-văn

(Tập các câu *Tam-tự-kinh*)

Nay mừng *thiên-tích thông-minh, thánh-phủ công-dụng* ấy mình với ta. Tam-tự-kinh này kể ra: như mình cũng thể con nhà *cơ-trữ, tích Mạnh-mẫu, trạch lân xử*, ấy là *bỉ nữ-tử, thả thông-minh*, sao mình không kén-chọn lấy mình? mà để *ái ô dục, nãi thất tinh* chi mãi mãi. Ta kể biết mấy phen qua lại, đã từng *tri mỗ số, thức mỗ danh*, muốn cho *kim mộc thủy hỏa thổ tương-sinh*, thế mới bảo *thử ngũ-hành, bản hồ số*. Dầu *đạo lương thúc, mạch thử tắc* sáu giống lúa, đến *mã ngưu dương, kê khuyển thỉ*, mình có thiếu chi. Nhưng nghĩ mình *vi nhân-tử, phương thiếu-thi*, thì phải tìm kẻ *thân sư hữu, tập lễ-nghi* mới đáng. Khuyên mình chớ rầy trông mai tưởng, ở ra lòng *viết nam bắc, viết tây đông*, này *thử tứ-phương, ứng hồ trung*, thời nên quyết một lòng cho *bất đong vận*. Khuyên mình chớ nghĩ đường dài ngắn, mà *ngũ-bá cường, thất-hùng xuất* ban tranh nhau; rồi sau ra *Ngụy, Thục, Ngô tranh Hán-đỉnh*, biết giữ sao cho được. Ta đây *gia tuy bần, đo khổ học, phi-bồ-biên* mà đọc chữ thánh-hiền, có nghe ta thời *tự tử-tôn, chi tằng - huyền*, đều được *quang-ư-tiền, thùy-ư-hậu*. Vả lại *dương thanh-danh, hiển phụ-mẫu*, năm con trai họ *Đậu Yên-sơn*, con gái biết ngâm thơ gẩy đàn, sánh với *Thái Văn-Cơ, Tạ Đạo-Uẩn*. Thôi mình

---

(1) Chữ *Kiền* 乾 lầm là chữ *Triều* 朝, (2) chữ *Tốn* 巽 lầm là chữ *Cộng* 共, là chế thầy địa-lý dốt.

(3) Chữ *Tì* 脾 lầm là chữ *Bễ* 髀, (4) chữ *Thận* 腎 lầm là chữ *Hiền* 賢, là chế thầy lang dốt.

đừng *thủy phát-phẫn*, để ta *tàm thổ-ti phong-nhưỡng mật* đi cho. Kia như *Viêm-Tống thụ Chu, thập-bát truyền* mà *nam-bắc hỗn*. Ấy mới gọi là *tương ấp-tốn*, có lo gì *thượng du-thuyết sinh, can-qua*. Cùng nhau giao lại một nhà, *thuật thánh-ngôn* rồi là *lễ-nhạc bị*. *Khảo thế-hệ, tri chung thủy, thân nhi tử* mà *tử nhi tôn*, nghĩa thu rạng về gia-môn, *nãi cửu-tộc, nhân chi luân* là thế. *Nhân bất học, bất tri lý, nghi tảo tư*, kẻo để *lão hà vi. Bỉ kỷ lão, do hối tri*, xin mình *tráng nhi hành*, cho ta *nghi miễn lực*.

HOÀNG DIÊN.

THỜI-ĐÀM

Việc Âu - Mĩ

Đồng phật-lăng hạ giá. — Quan tiền tây tuần mới rồi không thấy tăng lên mà lại thấy hạ giá hơn tháng trước. Trước một đồng-bạc ta ăn 10 quan, 11 quan, nay ăn đến 12 quan, mà xem chừng còn cao nữa. Tiền-tệ cao hạ là cái then máy của việc chính-trị. Nay đồng phật-lăng của Đại-Pháp cứ sút giá mãi như thế là duyên-cớ tại làm sao và quan-hệ đến việc chính-trị của quí-quốc thế nào? Trong báo tây có bình-luận về vấn-đề ấy như sau này:

Đồng phật-lăng hạ giá làm cho bên Đại-Pháp dương qua một hồi khủng-hoảng. Thật không có lý nào đồng phật-lăng của Pháp mà lại đến kém cả đồng phật-lăng của Ý-đại-lợi được. Vẫn biết rằng tình-hình tài-chính nước Pháp dương vào buổi khó-khăn, vì rằng Đức không trả bồi-thường, thành ra Pháp đã bị hại hơn cả các Đồng-minh khác về việc chiến-tranh, lại phải xuất tiền ra tu-bổ những miền bị phá của mình, xuất tiền ra dưỡng-cấp cho quân lính bị thương của mình, và các khoản nợ của mình với Đồng-minh vẫn chưa trang-trải được. Nhưng phải biết rằng từ sau khi chiến-tranh nước Pháp khởi-phục lại mau lắm, số buôn-bán xuất-nhập mỗi ngày một tăng, cái thế-lực tưởng cung đủ cho thế-giới tín-dụng được. Như vậy thời nguyên-nhân sự hối-đoái giảm sút này không phải thuộc cả về tài-chính, chính là thuộc về chính-trị một phần nhiều. Nguyên-nhân thứ nhất là các nhà chính-trị nước Anh nghi-ngại về thế-lực nước Pháp ngày một mạnh, phá mất cái thế quân-bình trên Âu-lục. Sau khi chiến-tranh, nước Đức tuy thua còn có thể giữ được cái địa-vị một cường-quốc, nhưng vì theo một cái chính-sách cuồng đại quá nay đến rối loạn không mong đã khôi-phục ngay được, vì dan cái phong-trào vận-động phân-li ở trong hạt sông *Rhin* chưa thành mà cuộc thống-nhất trong nước cũng đã bị nguy rồi. Đức nay còn một ít quân-lực, cũng lắm có thể lợi-dụng được. Nhưng thế-lực thì đã đổ-địa rồi. Cứ xem các nước nhỏ ở Âu-lục bây giờ khuynh-hướng cả về nước Pháp, muốn đề-huề với Pháp thì đủ biết. Anh thấy Pháp được như thế có ý không bằng lòng. Cố lại cái chính-sách của Anh là thấy nước nào có thế-lực mạnh hơn nhất ở Âu-châu cũng tìm đường ngăn-trở, để cho khỏi mạnh quá mà lấn mình. Lại thêm Pháp hiện nay đóng quân ở hạt sông *Ruhr*. Các nhà công-nghệ Anh sợ rằng Pháp thông-đồng với Đức để khai các mỏ than trong hạt sông *Rhin* thì hại đến các nghề máy của mình chăng. Mà ở Anh thời bọn công-nghệ, bọn tư-bản có mật-thiết quan-hệ với chính-giới, hai bên thông-đồng với nhau, tuy không công-nhiên như hồi LLOYD GEORGE làm thủ-tướng, nhưng bao giờ cũng vẫn thế. Vậy thời cũng vì cớ tranh-thương mà họ có vận-động cho công-nghệ Pháp không cạnh-tranh nổi với họ. Lại ở *Londres* cũng như ở Mĩ, các tay đại-tư-bản đều có kết-liên với bọn đại-tư-bản Đức. Xem đó thời biết nhiều người lập-tâm muốn cưỡng-bách cho nước Pháp phải rút quân ở hạt sông *Ruhr* về. Muốn cưỡng-bách như thế không gì bằng vận-động về mặt tài-chính, tìm cách làm cho đồng phật-lăng giảm giá đi.

Ấy dầu đuôi việc hối-đoái của Pháp bị giảm sút là thế, là bởi các bọn tư-bản ngoại-quốc lập-tâm làm phản, chứ không phải vì sự giao-dịch tự-nhiên. Nhưng cả

âm-mưu ấy, Chính-phủ Pháp đã biết rõ rồi, nay đương nghĩ kế ngăn-ngừa. Hiện Chính-phủ cùng với Nghị-viện đã định tạm-thời tăng các thuế-ngạch, giảm các những-lại và bớt các khoản chi-tiêu không thật là cần dùng.

Nội-các mới ở nước Anh. — Và trong mấy tuần lễ gần đây cái hiện-tình sự giao-thiệp Pháp-Anh đã có ý khá hơn trước. Là bởi nước Anh mới đổi tòa Nội-các. Thủ-tướng mới là MACDONALD có ý muốn đề-huề với Pháp hơn Thủ-tướng trước. Nguyên ở nước Anh có ba chính-đảng lớn, thế-lực gần ngang bằng nhau: một là đảng bảo-thủ (*parti conservateur*), lãnh-tụ là BALDWIN, tức là tổng-lý tòa Nội-các mới đổ; hai là đảng tự-do (*parti libéral*), lãnh-tụ là LLOYD GEORGE, đã làm thủ-tướng mấy năm trong bồi chiến-tranh và sau khi chiến-tranh; ba là đảng lao-động (*parti travailliste*), lãnh-tụ là MACDONALD, chính là thủ-tướng mới bây giờ. Đảng lao-động này xem chừng ra ý-kiến công-bằng hơn và rộng-rãi hơn hai đảng kia, lại tỏ ra thực-tình muốn cầu-hòa với Pháp. Khi mới lên cầm quyền, thủ-tướng MACDONALD có đánh điện cho quan POINCARÉ nước Pháp, lời-lẽ ôn-tồn và ý-tứ thân-thiện lắm, kẻ thức-giả cho là một cái triệu hay.

Hội-đồng các ủy-viên giám-định. — Khi tòa Nội-các Anh trước còn cầm quyền, việc giao-thiệp Pháp với Anh về vấn-đề bồi-thường của Đức cứ nhùng-nhẳng mãi không giải-quyết ra thế nào, ngoại-tướng Anh là LORD CURZON yêu-cầu lập một hội-đồng các ủy viên để tài-định về cái số bồi-khoản của Đức phải trả và cái sức nước Đức có thể trả được bao nhiêu, gọi là « Giám-định ủy-viên-hội » (*Comité des experts*), gồm có ủy-viên của các nước Pháp, Anh, Tỉ, Ý, và mời cả nước Mĩ sung vào nữa. Theo các báo Pháp thời LORD CURZON khởi-xướng ra sự đó là có một cái ý riêng: trước là định cướp quyền của Hội-đồng Bồi-thường (*Commission des réparations*) do người Pháp đứng chủ (ông nguyên thủ-tướng Pháp BARTHOU) và trong đó người Pháp có bè mạnh hơn; sau là lợi-dụng hội ủy-viên, thông-đồng với nước Mĩ, để cưỡng-bách nước Pháp phải rút quân ở hạt sông *Ruhr* về và phải thuận để cho liệt-cường cải-định lại tờ hòa-ước vì Đức không đủ sức trả nợ; kết-quả là muốn xúy-xóa nợ cho Đức mà thôi. Nhưng mưu ấy Chính-phủ Pháp cũng biết ngay, nên khi nhận lời đặt hội-đồng ủy-viên thì nói rõ rằng hội-đồng ấy chỉ được xét về các vấn-đề tài-chính mà thôi, và không được can-thiệp đến việc sông *Ruhr* cũng không được dị-nghị về tờ hòa-ước. Thế là cái mưu bị phá. Hội Giám-định-ủy-viên đã họp từ cuối tháng giêng tây, nguyên-soái DAWES người Mĩ làm chủ hội. Hội-đồng đã thân-hành sang tận *Berlin* để kiểm-sát các ngân-hàng và công-khố của Đức. Hiện chưa điều-tra xong, nhưng cứ như điện-tin gần đây thời kết-quả của sự điều-tra này có lẽ lại thêm mạnh thế cho nước Pháp, chứ không có làm cho yếu thế đi như LORD CURZON đã mong-mỏi vậy.

Nguyên Giám-quốc Mĩ Wilson tạ-thế. — Quan Giám-quốc WILSON (Uy-nhĩ-đốn), thế-giới ai là người không biết. Trong khi chiến-tranh ông đã có một cái địa-vị to-tát không ai bằng. Ông đã nghiễm-nhiên làm một tay minh-chủ cho liệt-cường vậy. Chính ông chủ-trương cho nước Mĩ tham-dự vào cuộc Âu-chiến. Khi nghị-hòa chính ông chủ-trương việc bàn-bạc và dự một phần to trong việc biên-tập tờ hòa-ước *Versailles*. Bấy giờ thiên-hạ coi ông như ông thần ông thánh. Nhưng nghĩ nhân-tình cũng phẫn-phúc thật. Sau ông thất-thế, quốc-hội nước Mĩ không duyệt tờ hòa-ước ông đã ký, lại nhiều nước thất-vọng vì tờ hòa-ước ấy, ai cũng đổ xô vào ông mà công-kích. Từ đấy ông về nghỉ hẳn, không can thiệp đến việc chính-trị nữa, cũng như ông nguyên thủ-tướng CLÉMENCEAU nước Pháp vậy. Ngày mồng 3 tháng 2 có tin ông tạ-thế, nước Mĩ làm lễ quốc-táng. — Quan Toàn-quyền Đông-Pháp được tin cũng có đánh điện chia buồn với Lãnh-sự Mĩ ở Sài-gòn.

Xét ông WILSON không những là một tay đại-chính-trị, lại là một nhà đại-tư-tưởng nữa. Trước khi vào chính-giới, vốn làm giáo-học trường Đại-học; bình-sinh trước-thuật rất nhiều. Bản-chí sẽ dịch một thiên sách của ông, đăng báo một kỳ sau. Ông đã từng tả cái tư-cách một nhà chính-trị hoàn-toàn tất phải có kiêm văn-học rộng: chính ông thực là một nhà chính-trị kiêm văn-học (*litterary politician*) như lời ông đã nói. Dẫu dư-luận các nước có lúc khen lúc chê mà sử-gia hậu-thế chắc sẽ cho ông là một người giữa lúc thế-giới đa-sự đã

tỏ ra có bụng chân-thành về công-lý nhân-đạo vậy.

Giám-quốc Lenine nước Nga tạ-thế.— Giám-quốc LENINE (tức Tàu dịch là Lí-ninh) cũng mới tạ-thế về hạ-tuần tháng giêng tây. Ông này tính-cách có khác ông WILSON. Cũng là người ham-mê về công-lý công-nghĩa, nhưng muốn dùng cách bạo-động để thi-hành cái chủ-nghĩa của mình. Cho rằng muôn sự khốn-nạn của người đời là ở cái tư-bản-chế-độ mà ra, mà chế-độ ấy là gốc của xã-hội bây giờ, muốn cho nhân-loại được sung-sướng thời phải phá-hoại cái xã-hội ngày nay đi mà gây dựng ra một xã-hội mới, không có kẻ giàu kẻ nghèo nữa, hết thảy bằng-dẳng nhau cả, chủ-quyền vào trong tay kẻ bình-dân. Thừa cuộc đại-chiến mới rồi, ông quyết đem thi-hành cái chủ-nghĩa của ông ở nước Nga, trong mấy năm phá-hoại điên-đảo cả, bày ra lắm cái thảm-trạng không bút nào tả xiết. Ông đặt ra một lối chính-trị gọi là « bình-dân-chuyên-chế » (*dictature du prolétariat*), nghĩa là quyền trong nước không ở tay kẻ có của-cải có thế-lực như trước nữa mà thu cả vào tay những kẻ phải lao-động làm ăn, những bọn cùng-dân hạ-hộ. Dân cử ra những ủy-viên để trông coi việc nước, hội-đồng ủy-viên gọi là « sô-viết » (*Soviet*). « sô-viết » nhỏ các tỉnh lại cử một đại-biểu ra « sô-viết » lớn ở Kinh-đô *Moscou*. LENINE thời đứng đầu tổng-thống cả các « sô-viết », tức như một chức toàn-quyền giám-quốc vậy. Sự-nghiệp LENINE cũng là một thiên *dị-sử* đời nay, thân bố-y mà làm nên quốc-trưởng, kinh-thiên động-địa cả một góc trời Âu, không phải vì danh-lợi gì, chỉ vì một cái chí mơ-cuồng muốn sửa đổi lại xã-hội vậy. Người ta nói từ khi ông làm giám-quốc ông được ở trong cung vua Nga cũ, nhưng chỉ ở có vài cái buồng, mà ăn-ở một cách giản-dị như lúc bình-tố, không có chút xa-xỉ gì, đến khi chết vẫn nghèo như trước, đủ biết không phải là người ham lợi. Bất-luận sự-nghiệp hay hay dở, cũng là một bậc kỳ-nhân đời nay. (Xin xem lại bài « Thời thế anh-hùng », N.-P. 72, có nói về sự-nghiệp LENINE).

LENINE tuy chết, cái chính-thể « sô-viết » vẫn còn, vì bạn đồng-chí và đồ-đệ ông còn nhiều, sẵn-sàng để kế-nghiệp ông. Nhưng cái thời-kỳ phá-hoại ở nước Nga đã sắp hết đây, nay đến thời-kỳ kiến-thiết ; không biết đảng « quá-khích » nước ấy có đủ sức mà gây-dựng được một nước thịnh-vượng không, hay là còn mơ-mộng muốn cuốn cả thế-giới vào trong luồng gió lốc của mình ?

Việc Á-châu

Việc Ấn-độ. — Gần đây mới có tin ông GANDHI (tàu dịch là Cam-địa) là người chủ-trương sự vận-động « bất cộng-tác » với người Anh ở Ấn-độ, trước bị giam nay đã được tha. Cứ tin ấy thì cái tình-hình ở Ấn-độ bây giờ có lẽ đã êm hơn trước. Cái phong-trào náo-động ở Ấn-độ kể nhóm lên đã lâu lắm, đến hai ba mươi năm nay rồi. Có hai phái, một phái thời vẫn trung-thành với Chính-phủ Anh, chỉ xin cho rộng quyền tham-dự vào việc chính-trị và kết-quả đến được tự-trị theo lối lập-hiến ; một đảng thì đòi độc-lập, muốn lấy lại đất Ấn-độ cho người Ấn-độ. Đảng sau này công-nhiên phản-đối Chính-phủ Anh. GANDHI là thuộc về đảng ấy, song không phản-đối bằng cách bạo-động, chỉ dùng cách gọi là « bất-cộng-tác », nghĩa là nhất-thiết không can-thiệp gì với người Anh cả, từ cách làm ăn cho đến việc chính-trị. Cái thế-lực của ông ở Bắc-phương Ấn-độ to lắm, dân-chúng đã gọi ông là ông thánh (*Mahatma Gandhi*). Muốn đối-phó với sự náo-động đó, người Anh đã phải nới rộng quyền cho người Ấn-độ, dự-bị sẵn cho có ngày đủ tư-cách tự-trị. Đã cho đặt nghị-viện, lại mới rồi có tin mời nhà chính-trị Ấn-độ tên là DAS để tổ-chức một tòa Nội-các tự-trị, nhưng nghe đâu ông không nhận, vì trong Nghị-viện đảng cấp-tiến nhiều lắm. Đảng này chỉ muốn thừa-cơ bạo-động, nhưng chưa chắc có kết-quả gì hay cho dân, vì dân Ấn-độ còn chia ra nhiều giống người, nhiều đạo-giáo, nhiều giai-cấp, khó lòng mà đồng-tâm hiệp-lực với nhau để làm gì được. Nhưng mà trong xứ cứ nhiễu-loạn mãi cũng là một sự bực mình cho người Anh. Chính-phủ Anh mới tha cho ông GANDHI có lẽ cũng là một cách thu-phục nhân-tâm chăng ?

Việc nước Tàu. — Kỳ trước đã nói về việc nội-chính ở Bắc-kinh, các đảng tranh nhau vào Nội-các. Sau được tin rằng SUN-PAO-KI (Tôn Bảo-Kì) đã tổ-chức được tòa Nội-các mới từ ngày 10 tháng giêng. Mưu-mô trong việc này là tự OU KING-LIEN (Ngô Cảnh-Liêm). Ou vốn làm nghị-trưởng, vẫn phản-đối với KAO LING-WEI (Cao Lăng-Uất) là nhiếp-chính Nội-các trước, nên cố vận-động ở Nghị-viện cho SUN được vào Nội-các, nhưng vận-động một cách kịch-liệt quá, thậm-chí dùng đến cả võ-lực nữa. KAO phải đem cảnh-sát can-thiệp vào, Ou sợ phải bắt, trốn ở Bắc-kinh ra Thiên-tân. Nghị-viện thời vốn cũng chẳng có cảm-tình gì với SUN hơn KAO, nhưng KAO đuổi được Ou đi rồi muốn hạ-lệnh bầu-cử nghị-viện mới ngay, nghị-viện cũ thấy thế tức, đồng lòng bỏ vé cả cho SUN được vào Nội-các, thế là KAO phải lui về. Từ khi SUN tổ-chức Nội-các mới, tình-hình cũng không thấy khá lên được chút nào. Bộ Tài-chính giao cho WANG KO-MIN (Vương Khắc-Mẫn), thời trước làm bệnh chối, sau nhận tạm, rồi mãi mới chịu nhận thật, vì thấy cái tình-trạng tài-chính quẫn-bách mà sợ. Các quan-lại, quân-sĩ ở Kinh và ở các tỉnh, cùng những công-sứ lãnh-sự ở các nơi, đều đã mấy tháng chưa có lương. Tết đến nơi, làm thế nào cũng phải trả, mà tính ra phải đến 14, 15 triệu. Tiền ấy lấy ở đâu? Bởi thế nên bộ Tài-chính không ai muốn đương cả. Lại thêm trong vài tháng nay xảy ra cái vấn-đề « kim-phật-lăng » (*franc or*) lôi-thôi với Liệt-cường chưa giải-quyết xong. Nguyên từ việc Quyền-phỉ (*Boxeurs*) năm 1901, nước Tàu phải chịu bồi-thường cho Liệt-cường, năm nào cũng phải trả và trả theo một cái giá vàng đã nhất-định. Duy trong khi chiến-tranh, từ ngày nước Tàu tham-dự vào phe với Đồng-minh, thời Liệt-cường có đặc-cách hoãn cho không phải trả trong mấy năm. Sau khi chiến-tranh, Anh và Mĩ vì lẽ chính-trị riêng bằng lòng xóa cái nợ ấy cho Tàu. Về phần nước Pháp thời cũng không đòi, nhưng yêu-cầu rằng bồi-khoản còn lại bao nhiêu thời Chính-phủ Tàu nộp vào một nhà « băng » ở Thượng-hải để lấy đấy trang-trải cho các khách nợ của nhà Thực-nghiệp-ngân-hàng vỡ nợ năm trước, khách nợ ấy phần nhiều là người Tàu, như thế thời tiền của Tàu lại trả lại Tàu, công-khố Pháp cũng không được lợi gì. Nhưng Chính-phủ Tàu đã quen không phải trả nợ mấy năm nay lại thấy Anh Mĩ đến xóa nợ cho mình mà Pháp thì không, cũng có ý bất-bình, bèn kiếm chuyện lôi-thôi, nói rằng trả thì xin trả, nhưng chỉ trả theo thời-giá phật-lăng hiện bây giờ thôi. Đồng phật-lăng hiện đương sút kém, nếu trả theo thời-giá thời thiệt cho Pháp nhiều, Pháp không chịu, chiếu điều-ước ra cứ đòi phải trả theo giá vàng, tức gọi là « kim-phật-lăng ». Liệt-cường cũng biểu-đồng-tình với Pháp, vì điều-ước đã rõ-ràng. Chính-phủ Tàu tìm cách biện-nạn thoái-thác mãi, nhưng không xong. Nghe đâu bây giờ WANG KO-MIN đã phải chịu nhận lời yêu-cầu của Pháp là chánh-đáng rồi. — Trong tòa Nội-các mới thì Dr WELLINGTON KOU (Cố Duy-Quân) vẫn giữ bộ Ngoại giao.

Nhưng mà quyền Chính-phủ Bắc-kinh chang qua chỉ trong vòng tỉnh Trực-lệ. Không kể những tỉnh công-nhiên độc-lập (như Vân-nam), hay là công-nhiên phản-đối với Bắc-kinh (như Quảng-đông), còn các tỉnh khác cũng là ngoài mặt thuộc về Bắc-kinh, chứ kỳ-thực tỉnh nào thuộc đốc-quân tỉnh ấy. Mà các đốc-quân vẫn cứ hãm-hè nhau. Tỉnh *Tché-kiang* (Triết-giang), *Kiang-sou* (Giang-tô), *Fou kien* (Phúc-kiến) đã bắt đầu giao-chiến mấy lần, OU PEI-FOU (Ngô Bội-Phu) ở *Lo-yang* (Lạc-dương) thời cử quân xuống đánh *Sse-tchonan* (Tứ-xuyên), đã tràn vào *Tchong-k'ing* (Trùng-khánh) và *Tcheng-tou* (Thành-đô).

Thổ phỉ ở các nơi nổi lên lung-tung, nhất là ở mấy tỉnh *Hou-nan* (Hồ-nam), *Hou-pé* (Hồ-bắc), *Chen-si* (Thiểm-tây). Tên tướng giặc LAO-YANG-JEN (Lão-Dương-nhân ?) ở *Chen-si* đã có tiếng, bắt cóc người ngoại-quốc nhiều lắm. Y có quân-đội chỉnh-đốn như quân Nhà-nước, đặt tên là *Hou-Kou-Kiun* (Hộ-quốc-quân). Theo tin gần đây thì nghe đâu y đã bị bắt và bị bắn rồi. — Người Âu Mĩ ở Tàu bây giờ, ngoài những tô-giới và các hải-khẩu, nếu vào quá bên trong thì nguy-hiểm lắm, không khác gì hồi giặc Quyền-phỉ (*Boxeurs*) năm 1901 vậy. Tầu của ngoại-quốc nhiều khi cũng bị giặc bắt, như chiếc tàu *Hydrangea* của Anh bị cướp ở ngay gần *Hong-kong* (Hương-cảng), xem đó thì đủ biết giặc táo-bạo biết đường nào.

Về Nam-phương, khi thời có tin SUN-YAT-SEN (Tôn Dật-Tiên) và TCHEN KIUN-MING (Trần Quýnh-Minh) sắp hòa nhau để cùng đánh Bắc-phương, khi thời có tin lại lục-tục đánh nhau; tình-thế phân-

vấn, không biết rõ thế nào. Về việc SUN đòi tiền dư thuế thương-chánh thì nghe nói SUN có tuyên-bố rằng nếu Liệt-cường không chịu cho thì sẽ đặt cửa *Canton* (Quảng-đông) thành « cửa tự-do », nghĩa là hàng-hóa xuất-nhập không phải thuế thương-chính. Mĩ đối với Chính-phủ Quảng-đông thời trước có sẵng, nhưng sau thấy người Tàu « tây chay » đồ hàng Mĩ nay đã đổi dịu. Đại-sứ Mĩ SCHURMANN khi ở bên ta sang Bắc-kinh qua *Canton* có tiếp chuyện SUN, nghe đâu biểu-đồng-tình với SUN về việc tiền quan-thuế.

Việc trong nước

Việc bầu-cử đại-biểu tây cho Cao-đẳng-hội-nghị thuộc-địa. — Độ này người qui-quốc đương vận-động về việc bầu-cử đại-biểu cho Cao-đẳng-hội-nghị các thuộc-địa. Đính ngày mồng 2 tháng 3 tây thời bỏ vé bầu. Hiện nay các nhà ra ứng-cử đương vận-động cũng khá kịch-liệt, các báo tây cãi nhau hoài. Có một suất đại-biểu cho toàn-hạt Bắc-kỳ mà số ứng-cử tới 9 người. Trung-kỳ và Cao-miên mỗi xứ cũng phải bầu một đại-biểu.

Quốc-dân ta dễ nhiều người chưa rõ chức đại-biểu này thế nào. Nguyên qui-quốc là một nước dân-chủ, người dân Tây ai cũng có quyền bầu-cử người thay mặt mình để bàn-bạc việc nước, dẫu ở thuộc-địa, dẫu ở Mẫu-quốc cũng thế. Cho nên thuộc-địa nào cũng có bầu nghị-viên về Thượng Hạ Nghị-viện. Như Nam-kỳ là thuộc-địa có một ông nghị-viên Tây thay mặt dân Tây trong Lục-tỉnh ở Hạ Nghị-viện bên Pháp. Duy ở các xứ còn thuộc quyền Đại-Pháp bảo-hộ mà thôi, như Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Cao-miên, thời dân Tây không có lẽ được bầu nghị-viên, chỉ mỗi bốn năm được bầu một người « đại-biểu ở Cao-đẳng-Hội-nghị các thuộc-địa » (*délégué au Conseil Supérieur des Colonies*). Hội-nghị này phải họp ở *Paris*, mục-đích là để giúp quan Thượng-thư Thuộc-địa bàn-bạc các việc về thuộc-địa (các nghị-viên thuộc-địa cũng có chân dự), nhưng từ khi lập ra đến giờ đã hai ba mươi năm chưa từng họp lần nào. Nhưng chức đại-biểu cũng không phải là một cái hư-vị. Đại-biểu được dự Hội-đồng Chính-phủ (*Conseil de Gouvernement*) của các thuộc-địa, và có lẽ cái địa-vị ở Hội-đồng Chính-phủ lại còn trọng hơn là ở Cao-đẳng Hội-nghị Thuộc-địa. Song xem ra ý người qui-quốc ở đây thời phần nhiều không bằng lòng bầu đại-biểu, muốn cũng được bầu nghị-viên như Nam-kỳ, nói rằng « Thuộc-địa » với « Bảo-hộ », danh-từ có khác nhau mà kỳ-thực Bắc-kỳ với Nam-kỳ có khác gì nhau, không có lẽ Nam-kỳ có người thay mặt ở Nghị-viện được rộng quyền ăn nói mà Bắc-kỳ chỉ được có người đại-biểu không có thế-lực gì. Cho nên tuy vụ bầu-cử này người ra ứng-cử nhiều, nhưng người nào trong lời tình-nguyện cũng hứa hễ được bầu thì sẽ hết sức vận-động cho Bắc-kỳ cũng có nghị-viên như Nam-kỳ.

Các khóa trước Bắc-kỳ với Trung-kỳ chung nhau một đại-biểu, gọi là « đại-biểu Trung-Bắc-kỳ » (*délégué de l'Annam-Tonkin*), khóa này mới có lệ mỗi xứ sẽ được bầu một người riêng.

Cao-miên thời đã mấy khóa nay ông nghị-viên OUTREY vẫn kiêm chức đại-biểu. Khóa này ông cũng lại ra ứng-cử, không có ai tranh.

Việc sáp-nhập hai thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn. — Trong tờ trình của quan Thống-đốc Nam-kỳ ở Hội-đồng Chính-phủ cuối năm ngoái có nói về việc sáp-nhập hai thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn làm một. Việc đó các báo Nam-kỳ đã có bàn đến nhiều lần và xem ra dư-luận đều bằng lòng cả. Nguyên từ năm 1921, thành-phố Sài-gòn không được thu các thuế chánh-ngạch, phải để lại cho sổ chi-thu Nam-kỳ, nên sổ chi-thu thành-phố mỗi năm giảm mất đi 500 000 đồng, thành ra các công việc mở-mang trong phố sá, như làm thêm đường, đặt máy nước, v. v., bị đình-đốn cả. Nay nếu sáp-nhập được Chợ-lớn làm một thời công-quĩ của hai thành-phố đồ-đồng cả, có thể mở-mang cho Sài-gòn được thêm lên mà lại lợi cả cho Chợ-lớn nữa, vì Sài-gòn là phụ-đầu của Chợ-lớn; gạo các nhà máy Chợ-lớn chở qua ra Sài-gòn mỗi năm có tới một triệu tấn. Vả hai thành-phố gần nhau như thế, chẳng bao lâu nếu mỗi bên bành-trướng ra một ít thì cũng có ngày đến tiếp-giáp nhau. Xét năm 1923, sổ chi-thu Sài-gòn tổng-cộng là 1.792.000 đồng, và sổ chi-thu Chợ-lớn tổng-cộng là 2.063.000 đồng, hai số tiền ấy góp làm một thì làm công-trình gì mà không được?

Việc xử-trí các dân Mọi ở Trung-kỳ. — Năm ngoái quan Khâm-sứ Trung-kỳ PASQUIER có gửi một tờ chu-trí cho các quan công-sứ nói về cách Chính-phủ Bảo-hộ định xử-trí các dân Mọi, tờ chu-trí ấy các báo tây bên này và bên Tây đều lấy làm khen lắm. Đại-khái nói rằng cách xử-trí ấy cốt nhất phải cứu lấy các giống thổ-dân khỏi tiêu-diệt đi mất, và phải dần dần dạy bảo cho mỗi ngày một khôn hơn lên. Phải tùy tục của mỗi giống mà cai-trị, không nên cưỡng-bách phải theo những luật-lệ không hợp với tính cách các thổ-dân. Giống nào có công-nhiên muốn chống lại với Nhà-nước thì mới nên trị nghiêm, còn những sự hành

vì vì phong-tục mà trái với luật-lệ, không quan-hệ gì lắm, nên khoan-dung cho họ. Nói tóm lại là đối với các dân còn moi-rợ đó, phải vừa công-bằng và vừa nhân-từ. Xưa nay các giống Mọi vẫn bị người An-Nam đàn-áp, không tự bảo-thủ được, phải lánh xa vào các nơi rừng núi. Nay muốn bảo-tồn cho thời phải giữ cho xa người trung-châu, sợ giống kém với giống hơn gặp nhau thời giống kém tất phải tàn. Trong tờ chu-tri lại nói nên đặt một cái lễ hàng năm gọi là lễ « thề trung-thành với Đại-Pháp », theo như tục Mọi, cứ mỗi năm khi việc mùa-màng đã xong thì các tù-trưởng phải đến chỗ sở-tại có quan tây mà làm lễ thề rằng : « Xin một lòng trung-thành với Đại-Pháp, Đại-Pháp bảo chết phải chết, Đại-Pháp bảo sống được sống » ; lễ ấy phải làm rất trọng-thể và mở hội cho vui-vẻ. — Thuộc về thổ-ngơi và phong-tục các giống Mọi, xin xem lại bài « Lược-khảo về tỉnh *Kontum* » của ông Trần Đình-Nam đăng trong bản-chí số 74 (phần phụ-trương).

Tế-giao và lễ tứ-tuần ở Kinh. — Ngày 24 tháng 3 tây này, tức là 20 tháng 2 ta, ở Kinh có tế Giao ở đàn Nam-giao theo như nghi-thức thường.

Lại đến tháng chín ta sẽ có « Tứ-tuần Khánh-điển », là lễ mừng Hoàng-Thượng bốn-mươi tuổi. Nghe đâu lễ này sẽ làm to lắm.

* *

Sách mới xuất-bản. — Hiệu Mạc Đình-Tư mới xuất-bản một quyển tiểu-thuyết : *Giọt-lệ tứ-bi*, là tả một người con gái nước nhà về đời Hậu-Lê, đã đem thân qui-y cửa Phật mà lại gặp nhiều nỗi éo-le. Sự-tích đó ly-kỳ mà lời văn dịch lại vui-vẻ, chia ra mười hồi, 68 trang giấy in ; giá bán 0$ 25.

— Ông Hoàng Đình-Phụng mới xuất-bản một quyển tiểu-thuyết nhan đề là : *Nghĩa trọng tao-khang*, câu chuyện chia làm năm đoạn, 36 trang giấy in ; giá 0$ 15.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC

Quan Toàn-quyền nhận lời đến thăm nhà Hội. — Quan Toàn-quyền từ khi tới Hà-nội đã nhiều lần tỏ ý ân-cần đến Hội ta. Bữa Tòa trị-sự đến chào ngài, ngài đã nói nhiều lời đích-đáng tỏ ra ngài rất ưng-thuận cái chủ-nghĩa của Hội, những lời ấy báo *Nam-Phong* đã thuật tường. Về sau mấy lần quan Hội-trưởng Hoàng được tiếp chuyện ngài, ngài thường hỏi-han đến việc Hội. Quan Hội-trưởng có mời ngài đến thăm Hội thời ngài đã nhận lời đến ngày thứ ba 4 *Mars* này. Vậy bữa ấy Hội ta sẽ được cái hân-hạnh nghênh-tiếp quan Toàn-quyền, và có lẽ được nghe những lời tuyên-bố quan-trọng về cái chính-sách của ngài đối với quốc-dân ta. Vì ngài đã từng nói rằng Hội Khai-Trí có thể cho là cái đoàn-thể có tư-cách thay mặt cả quốc-dân An-Nam, chắc những lời ngài diễn-thuyết ở nhà Hội là có cái ý-nghĩa sâu-xa tới cả nước vậy.

Quan Toàn-quyền đã ký nghị-định cho trích trong sổ chi-thu chung Đông-Pháp năm 1924 bốn nghìn đồng (4000 $) để trợ-cấp cho Hội. Hiện sở Tài-chính đã làm « măng-da » rồi.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng mới rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng các ngài hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết :

Xin vào chân tán-trợ

1 — Ông Nguyễn Thuận-Lợi, ở phố Hàng Mã-mây, số nhà 104 Hà-nội. (*Đã quyên* 200 $ *vào Hội*).

Xin vào chân chủ-trì

2. — Ông Đặng Văn-Cận, tri-huyện, ở phòng Cải-lương tỉnh Hà-đông. (*Đã nộp* 20 $ *rồi*).

3. — Ông Trần Viết-Học, opérateur du Service géographique de Cochinchine, Tân-an.

Hội viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 77 (Novembre 1923), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Mars 1924.

Vào chân chủ-trì

1. Ông Lê Đình-Văn, — 2. Nguyễn Ngọc-Khảm, — 3. Nguyễn Trạc-Yên — 4. Nguyễn Văn-Thậm, — 5. Phan Văn-Bảo, — 6. Trần Hữu-Khánh, — 7. Trần Vũ-Thực, — 8. Vũ Cầu,

Vào thường-hội-viên

9. Ông Dương Văn-Quế, — 10. Trần Vũ-Khuyến.

Hội-viên Tây. — Trong tháng mới rồi, Hội ta mới thêm được một ông danh-dự-hội-viên Tây là: M. Blancsubé, administrateur des Services Civils, Résidence Supérieure (35 Rue des Teinturiers, Hanoi).

Hội-viên tạ-thế. — Trong tháng hai tây, Hội ta được tin buồn ba ông hội-viên mới tạ-thế.

— Ông Vương Văn-Trọng, chủ hiệu Chính-Hiên mất ngày 17 Février, thọ 50 tuổi. Ông có chân chủ-trì Hội ta từ khi mới lập hội, là một tay buôn-bán có danh-giá ở Hà-thành.

— Ông Phạm Xuân-Tuyết, hàm Thị-độc học-sĩ, chủ hiệu bán sách Ích-ký, mất ngày 21 Février, thọ 53 tuổi. Ông là vào bậc tây-học đầu nhất ở Bắc-kỳ và là một tay học-thức và giao-thiệp có tiếng ở Hà-thành.

— Ông Phạm Duy-Tốn, mất ngày 25 Février, thọ 43 tuổi. — Ông Phạm Duy-Tốn thời không những trong hàng Hội ta mà cả khắp trong quốc-dân, ai cũng biết tiếng. Trong Hội thì ông là vào bậc hội-viên đầu nhất, từ khi lập Hội đến giờ vẫn có chân trị-sự và trong mấy năm lại làm phó-thư-ký cho Hội nữa. Đối với quốc-dân thời ông là một người có công trong báo-giới ở Bắc-kỳ trước nhất; khi làm báo, khi làm nghị-viên thành-phố, khi làm nghị-viên tư-vấn Bắc-kỳ, khi đi phái-bộ bên Tây, bao giờ cũng tỏ ra một người có nhiệt-thành, có nghĩa-khí, có bụng thiết-tha về việc nước ít ai bằng. Cái lòng ưu-ái của ông Phạm Duy-Tốn đối với nước nhà, đối với thời-thế, cử-quốc ai cũng đã biết, và chính ông cũng từng thổ-lộ ra văn-chương của ông. Ông sở-trường nhất về lối hài-văn, và trong giọng khôi-hài thường có ý khuyến-giới. Nay ông mất sớm như thế, thật là thiệt cho Hội Khai-trí một tay hội-viên mẫn-cán, thiệt cho báo-giới một tay bỉnh-bút có tài và thiệt cho cả quốc-dân ta một người thực lòng yêu nước. Hạng người ấy ngày nay cũng hiếm có, nên mất một người thật nêu thán-tích vô-cùng.

Cuộc điều-tra về tục-ngữ phương-ngôn. — Trong tháng mới rồi văn-học-ban tiếp được một tập ca-dao của ông Võ Đức-Lầu (Quảng-ngãi), và sáu tập điều-tra về tỉnh Hà-nam, do quan Tuần Lê Nhiếp gửi về để giúp cho việc làm Tự-điển. Bản-ban xin có lời cảm ơn các ngài.

Đổi chỗ ở. — Xin các ngài hội-viên đổi chỗ ở nhớ viết giấy về cho bản-hội biết để chữa sổ, kẻo có giấy-má gì thông-đạt sợ thất-lạc mất.

Cuộc lạc-quyên Ấu-trĩ-viên

— Ông Nguyễn Văn-Ích, Thông-phán tòa Sứ Nam-định. (Tiền bán sách *Chính-yếu* ở tỉnh Hà-đông). .	500 $	00
— Các nhà trầy Đền Kiếp-bạc (Do quan Tổng-đốc Hải-dương Từ Đại-nhân gửi). . .	40.	00
— Cô Ngô Thị-Quyên, 4 cái vé đánh số Hội Tây-lai và.	20.	00
— Ông Lê Mai ở Sai-gon, 100 Cuốn «Bài ca cải-lương»		
— Bà Phúc-thành. . . .	20.	00
— Ông Phùng Văn-Thược và hơn 20 người lính ở cơ thứ 50 (121e Auto Wornus-Rhin).	18.	33
— Ông Vũ Đình-Biền ở làng Thành-an, phủ Nghĩa-hưng, Nam-định	10.	00
— Bà Armand Simard, N° 10, Rue Victor Hugo, — Cognac (France)...100 frs 00		
— Các ông làm việc ở nhà Đông-Pháp Ngân-hàng, Hải-phòng	8.	00
— Trong cái hộp quyên ở nhà bà Hàn Đào Huống-mai.	4.	86
— Ông Chu Quang-Quán ở làng Phú-hữu, Sơn-tây. .	4.	00
— Trần Đình-Thưởng làm thợ ở Nouméa.	3.	39
— Ông Nguyễn Văn-Gia, làm thợ ở Nouméa. . . .	3.	53